

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THANH THÙY

**CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA  
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: TÌNH HÌNH, NGUYÊN NHÂN  
VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm  
Mã số: 62.38.01.05

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS, TS PHÙNG THẾ VẮC

HÀ NỘI - 2017

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

**TÁC GIẢ**

**NGUYỄN THỊ THANH THÙY**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU</b>	<b>7</b>
1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước	7
1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài	31
1.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	33
<b>Chương 2: TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b>	<b>39</b>
2.1. Những vấn đề lý luận có liên quan đến tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay	39
2.2. Phân hiện của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay	45
2.3. Phần ẩn của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay	74
<b>Chương 3: NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b>	<b>83</b>
3.1. Những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia	83
3.2. Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay	86
<b>Chương 4: CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG TĂNG CƯỜNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM</b>	<b>119</b>
4.1. Dự báo tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam trong thời gian tới	119
4.2. Nguyên tắc tổ chức hệ thống phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam	123
4.3. Các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam	128
<b>KẾT LUẬN</b>	<b>149</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>151</b>

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>ANQG:</b>	An ninh quốc gia
<b>BLHS:</b>	Bộ luật Hình sự
<b>CQĐT:</b>	Cơ quan Điều tra
<b>TA:</b>	Tòa án
<b>TAND:</b>	Tòa án nhân dân
<b>THTP:</b>	Tình hình tội phạm
<b>VKS:</b>	Viện Kiểm sát
<b>VAHS:</b>	Vụ án hình sự
<b>XHCN:</b>	Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC CÁC BẢNG

- Bảng 2.1.** Bảng thống kê xét xử sơ thẩm hình sự các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2015
- Bảng 2.2.** Bảng diễn biến của tình hình tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia từ năm 2006 đến năm 2015 về số vụ và số bị cáo

## DANH MỤC CÁC ĐỒ THỊ, BIỂU ĐỒ

1. **Đồ thị 2.1.** Diễn biến tình hình tội phạm xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2015.
2. **Biểu đồ 2.1.** Cơ cấu số vụ xâm phạm ANQG trong tổng số VAHS nói chung ở Việt Nam
3. **Biểu đồ 2.2.** Cơ cấu số bị cáo xâm phạm ANQG trong tổng số bị cáo trong các VAHS nói chung ở Việt Nam
4. **Biểu đồ 2.3.** Diễn biến số vụ xâm phạm ANQG ở Việt Nam qua các năm từ 2006 đến 2015
5. **Biểu đồ 2.4.** Diễn biến số bị cáo xâm phạm ANQG ở Việt Nam qua các năm từ 2006 đến 2015
6. **Biểu đồ 2.5.** Cơ cấu theo loại tội xâm phạm ANQG
7. **Biểu đồ 2.6.** Cơ cấu theo tỷ lệ bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG
8. **Biểu đồ 2.7.** Cơ cấu theo giới tính
9. **Biểu đồ 2.8.** Cơ cấu theo độ tuổi bị cáo
10. **Biểu đồ 2.9.** Cơ cấu theo tỷ lệ số bị cáo theo tôn giáo
11. **Biểu đồ 2.10.** Cơ cấu theo dân tộc
12. **Biểu đồ 2.11.** Cơ cấu theo nghề nghiệp
13. **Biểu đồ 2.12.** Cơ cấu theo trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm
14. **Biểu đồ 2.13.** Cơ cấu theo quốc tịch bị cáo
15. **Biểu đồ 2.14.** Cơ cấu theo thành phần xã hội
16. **Biểu đồ 2.15.** Cơ cấu theo trình độ học vấn
17. **Biểu đồ 2.16.** Cơ cấu theo động cơ phạm tội
18. **Biểu đồ 2.17.** Cơ cấu theo biện pháp trách nhiệm hình sự được áp dụng
19. **Biểu đồ 2.18.** Cơ cấu theo hình phạt áp dụng đối với các bị cáo

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ khi Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội hiện thực, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế tạm thời lâm vào tình trạng thoái trào, khủng hoảng sâu sắc; chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch cho rằng đây là thời điểm “tận cùng của lịch sử”, là thời cơ xóa bỏ CNXH, chủ nghĩa cộng sản. Do vậy, chúng tập trung các hoạt động chống phá các nước XHCN còn lại.

Đối với Việt Nam, do vị thế đặc biệt về chính trị, kinh tế, lịch sử, địa lý nên chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch luôn xác định việc thay đổi thể chế chính trị XHCN là ưu tiên hàng đầu. Để thực hiện mưu đồ đó, các thế lực thù địch không ngừng gia tăng các hoạt động xâm phạm ANQG, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực đang có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những yếu tố khó lường, các thế lực thù địch ráo riết chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta dưới nhiều phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, đặc biệt là thực hiện âm mưu thông qua “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ nhằm xóa bỏ chế độ XHCN ở Việt Nam, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Cùng đó, ở trong nước, các nhân tố gây mất ổn định an ninh chính trị vẫn còn tiềm ẩn trong xã hội, thậm chí trong một bộ phận cán bộ Nhà nước. Đáng chú ý là số người có thâm thù với cách mạng chưa chịu cải tạo, số đối tượng bất mãn, cực đoan, cơ hội chính trị nếu không có những biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời sẽ là những nhân tố phá hoại ngay trong đất nước ta, tiếp tay cho các thế lực thù địch bên ngoài gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tồn tại và sự vững mạnh của chính quyền nhân dân.

Nhận thức được tính chất đặc biệt nguy hiểm cho xã hội cũng như sự cần thiết phải tăng cường đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng lĩnh vực quốc phòng, an ninh và coi đó là một nội dung lãnh đạo của Đảng, một nhiệm vụ quan trọng của cách mạng Việt Nam. Đảng khẳng định: “*Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân*” [104, tr.76]. Thể chế hóa quan điểm này, tại Điều 12 Luật An ninh quốc gia quy định: “*Mọi hành vi xâm phạm an ninh quốc gia đều phải bị xử lý nghiêm minh, kịp*

*thời theo đúng quy định của pháp luật. Người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối thì bị nghiêm trị”* [58, tr.6].

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã đề ra và tổ chức thực hiện nhiều biện pháp phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn các tội xâm phạm ANQG, bước đầu đã đem lại những kết quả nhất định, tình hình các tội xâm phạm ANQG có xu hướng giảm dần. Tuy nhiên, về tổng thể, hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG trong những năm qua vẫn còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót, có nơi, có lúc còn bị động, chưa có giải pháp đồng bộ để phòng ngừa từ xa đáp ứng yêu cầu “an ninh chủ động”. Thêm vào đó, hệ thống pháp luật về bảo vệ ANQG ở nước ta còn chưa hoàn thiện, còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa kịp thời thể chế hóa chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, một số quy định còn bộc lộ bất cập, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng. Thực tế này đã gây không ít khó khăn cho công tác phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở nước ta.

Trước thực trạng trên, Đảng ta ra chỉ thị: *“Tập trung điều tra, khám phá, xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm, nhất là tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về tham nhũng, tội phạm có tổ chức, các loại tội phạm về ma túy, mua bán người, lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhà nước...”* [104, tr.46]. Cùng đó, Đảng yêu cầu: *“Cần tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.”* [104, tr.54]. Yêu cầu này đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu lý luận, góp phần làm rõ nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó có lý luận về phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG nói riêng.

Như vậy, cả về lý luận, pháp luật thực định, thực tiễn phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG đều đặt ra yêu cầu cần thiết của việc nghiên cứu đề tài: ***“Các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay: Tình hình, nguyên nhân và các giải pháp phòng ngừa”***.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### ***- Mục đích nghiên cứu***

Mục đích nghiên cứu của luận án là xây dựng, thiết kế các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới.



**- *Nhiệm vụ nghiên cứu***

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án thực hiện những nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Tổng quan về tình hình nghiên cứu của các công trình trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG, đánh giá khái quát phạm vi và mức độ nghiên cứu của những công trình này nhằm xác định những nội dung được kế thừa và xác định những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

+ Làm rõ tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2015. Từ những vấn đề lý luận về tình hình các tội xâm phạm ANQG, làm rõ các thông số: thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, đồng thời đánh giá tình hình tội phạm ẩn của nhóm tội phạm này.

+ Xác định những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG. Từ đó, phân tích làm rõ những nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay xét trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

+ Đề xuất các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

**- *Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm này và các biện pháp phòng ngừa trong thời gian tới.

**- *Phạm vi nghiên cứu***

*Về nội dung:* Luận án tiếp nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến tình hình, nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam theo cách tiếp cận của khoa học Tội phạm học thuộc chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

*Về không gian:* Luận án nghiên cứu tình hình, nguyên nhân và các biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG trên phạm vi toàn quốc.

*Về thời gian:* Luận án sử dụng số liệu thống kê của TAND tối cao trong 10 năm, từ năm 2006 đến năm 2015.

#### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

##### ***- Phương pháp luận***

Phương pháp luận của việc nghiên cứu đề tài là phép duy vật biện chứng, phép duy vật lịch sử, các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật, tội phạm, hình phạt và đường lối đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG trong từng thời kỳ; những thành tựu của triết học, lịch sử, các học thuyết chính trị và pháp lý, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, tội phạm học, logic học... Luận án được trình bày trên cơ sở nghiên cứu các văn bản pháp luật hình sự, luật tố tụng hình sự; các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước.

##### ***- Phương pháp nghiên cứu***

Để trực tiếp giải quyết các mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như:

+ Phương pháp thống kê: sử dụng chủ yếu trong Chương 2 của luận án để làm rõ các thông số của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như thống kê số vụ phạm tội, số người phạm tội, thống kê một số đặc điểm thuộc cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm ANQG (từng loại tội phạm cụ thể xâm phạm ANQG, các mức hình phạt tòa án áp dụng đối với các đối tượng phạm các tội xâm phạm ANQG, các đặc điểm thuộc nhân thân người phạm tội...).

+ Phương pháp hệ thống: sử dụng khi đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến các tội xâm phạm ANQG tại Chương 1 của luận án.

+ Phương pháp nghiên cứu lịch sử: được áp dụng khi nghiên cứu lịch sử lập pháp hình sự có liên quan đến các tội xâm phạm ANQG trong Chương 2 của luận án, nghiên cứu các quan điểm về THTP, nguyên nhân và điều kiện về THTP, biện pháp phòng ngừa THTP trong Chương 2, Chương 3, Chương 4 của luận án.

+ Phương pháp nghiên cứu điển hình: được sử dụng nhằm làm rõ một số nội dung trong luận án như: nghiên cứu điển hình địa bàn tập trung nhiều tội phạm xâm phạm ANQG, nghiên cứu điển hình đặc điểm nhân thân của một số đối tượng phạm các tội xâm phạm ANQG trong Chương 2 và Chương 3 của luận án.

+ Phương pháp nghiên cứu so sánh: được sử dụng để so sánh hệ số nguy hiểm của các tội xâm phạm ANQG so với các tội phạm nói chung trên phạm vi toàn

quốc, so sánh hệ số nguy hiểm, phổ biến giữa các tội phạm cụ thể thuộc nhóm các tội xâm phạm ANQG trong Chương 2 của luận án.

+ Phương pháp phân tích, tổng hợp: được sử dụng trong việc phân tích, tổng hợp các số liệu thống kê về tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam, các bản án có hiệu lực của Tòa án tại Chương 2 và Chương 3; phân tích thực trạng hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay trong Chương 3; phân tích, tổng hợp các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG trong thời gian tới tại Chương 4.

+ Phương pháp chuyên gia: được sử dụng khi đánh giá phần ản của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong Chương 2, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm xâm phạm ANQG trong Chương 3, dự báo tình hình các tội xâm phạm ANQG và các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam thời gian tới trong Chương 4 của luận án.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác của tội phạm học như phương pháp quy nạp, diễn dịch, phương pháp mô tả, phương pháp nghiên cứu hồ sơ vụ án để làm rõ tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam, mô tả các đặc điểm nhân thân của người phạm tội xâm phạm ANQG, xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam.

## **5. Đóng góp mới về khoa học của luận án**

**Một là**, luận án cung cấp những thông số mới nhất của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 2006 đến năm 2015, đặc biệt là những đánh giá về phần ản của tình hình các tội xâm phạm ANQG.

**Hai là**, làm rõ và sắp xếp những nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian qua theo các lĩnh vực riêng biệt như: chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, tâm lý, xã hội, pháp lý, tổ chức, quản lý .

**Ba là**, dự báo tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới bằng cách đánh giá có tính thời sự những tác động về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội. Đồng thời, đưa ra những dự báo cụ thể về thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của loại tội phạm này trong thời gian tới.

**Bốn là**, kiến nghị giải pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới trên nhiều phương diện, đa ngành, đa lĩnh vực.

## **6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận án**

### **- Ý nghĩa lý luận**

Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học về các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam với mục đích đưa ra các luận cứ khoa học và những phương hướng, giải pháp về lý luận cũng như thực tiễn nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về các tội xâm phạm ANQG, đưa ra các kiến nghị, giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa loại tội phạm này, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân và vì dân.

### **Ý nghĩa thực tiễn**

Luận án là công trình khoa học có thể được sử dụng để tham khảo trong hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, luận án cũng có giá trị tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập về khoa học luật hình sự và tội phạm học.

## **7. Cơ cấu của luận án**

Luận án gồm 4 chương:

**Chương 1:** Tổng quan về tình hình nghiên cứu

**Chương 2:** Tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay

**Chương 3:** Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay

**Chương 4:** Các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam

# Chương 1

## TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

### 1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Hiện nay, có nhiều công trình khoa học ở Việt Nam lựa chọn các tội xâm phạm ANQG là đối tượng nghiên cứu và đề cập dưới các khía cạnh khác. Sắp xếp theo các góc độ nghiên cứu của các ngành khoa học khác nhau, có thể chỉ ra các nhóm công trình khoa học dưới đây:

#### *1.1.1. Các công trình nghiên cứu các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia dưới góc độ khoa học Luật Hình sự*

Xét trên phương diện nghiên cứu của Luật hình sự, cho đến nay đã có nhiều công trình khoa học lựa chọn các tội xâm phạm ANQG là đối tượng nghiên cứu. Các công trình này đề cập đến các khía cạnh khác nhau của các tội xâm phạm ANQG. Sắp xếp theo nội dung vấn đề nghiên cứu, có thể chỉ ra các nhóm công trình khoa học dưới đây:

*- Nhóm các công trình nghiên cứu về các dấu hiệu pháp lý chung của các tội xâm phạm ANQG cũng như các dấu hiệu pháp lý của từng loại tội phạm trong nhóm tội xâm phạm ANQG*

Các dấu hiệu pháp lý chung của các tội xâm phạm ANQG được đề cập đến trong các giáo trình Luật Hình sự và sách bình luận khoa học BLHS sau: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Tập 1*, Trường Đại học Luật Hà Nội do GS.TS Nguyễn Ngọc Hoà chủ biên, Nhà xuất bản CAND, năm 2014; *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Phần các tội phạm, Tổng cục XDLL Bộ Công an, Nhà xuất bản CAND, năm 2011; *Giáo trình Luật Hình sự (Phần các tội phạm)*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa luật, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, 2007; *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Quyển 2, Phạm Văn Beo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2010; *Sách Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (phần các tội phạm cụ thể)*, Trần Văn Luyện và các tác giả khác, nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2010; *Sách “Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 - Phần các tội phạm”* của PGS.TS Phùng Thế Vắc, Nhà xuất bản CAND, năm 2007.

Các công trình trên đã làm rõ được khái niệm và các dấu hiệu pháp lý hình sự của các tội xâm phạm ANQG nói chung và từng tội phạm cụ thể xâm phạm

ANQG nói riêng theo quy định của BLHS năm 1999. Các tội phạm đều được phân tích cụ thể, bám sát nội dung các quy định của BLHS về từng tội phạm xâm phạm ANQG. Hướng phân tích, bình luận được thực hiện theo cấu trúc các yếu tố cấu thành tội phạm nên rất dễ hiểu và tiện tra cứu, so sánh, phân biệt giữa các tội.

Các nghiên cứu: “*Các tội xâm phạm ANQG trong luật hình sự Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2000 của tác giả Bạch Thành Định; “*Các tội xâm phạm ANQG trong luật hình sự Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, chuyên đề cao học, Học viện An ninh nhân dân, năm 2008 của tác giả Phùng Thế Vắc; “*Phương hướng hoàn thiện quy định của Luật Hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm An ninh quốc gia*”, đề tài cấp Bộ, trường cao đẳng An ninh nhân dân I, năm 2013 của tác giả Phùng Văn Tài đã phân tích làm rõ bản chất của các tội xâm phạm ANQG dưới góc độ pháp lý hình sự, cũng như chỉ ra những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của nhóm tội phạm này. Mặt khác, các dấu hiệu pháp lý của từng tội phạm cụ thể trong nhóm các tội xâm phạm ANQG theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành cũng đã được làm rõ trong công trình nghiên cứu này. Từ đó, các tác giả đã chỉ ra những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật hình sự đối với các tội xâm phạm ANQG gây khó khăn, vướng mắc cho hoạt động áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn và đề xuất một số phương hướng khắc phục những hạn chế, bất cập đó.

Nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG của Việt Nam cũng được đặt trong mối quan hệ so sánh với quy định về các tội xâm phạm ANQG trong pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới. Trong bài viết đăng trên tạp chí Công an nhân dân số 8 năm 1999 “*Các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong luật hình sự một số nước trên thế giới*”, tác giả Bạch Thành Định đã khái quát hóa các quy định về các tội xâm phạm ANQG trong luật hình sự của các nước: Nga, Trung Quốc, Mỹ, Thụy Điển, Pháp, Lào. Ở những khía cạnh nhất định, tác giả đã có sự so sánh với các quy định của BLHS Việt Nam năm 1985 về các tội xâm phạm ANQG để thấy được sự tương đồng cũng như sự khác biệt trong nền lập pháp của mỗi nước khi xác định về tội phạm xâm phạm ANQG. Qua công trình này, chúng ta rút ra được nhiều bài học và kinh nghiệm quý báu của pháp luật hình sự các nước trên thế giới, từ đó nghiên cứu vận dụng vào điều kiện thực tiễn ở nước ta trong hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật

hình sự về các tội xâm phạm ANQG, về cách thức phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam sao cho phù hợp với tình hình thực tế của đất nước.

Bên cạnh đó, có nhiều công trình là các bài viết bình luận về các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm ANQG theo hướng làm rõ các quy định của BLHS hoặc nghiên cứu, trao đổi nhằm hoàn thiện các quy định về các tội xâm phạm ANQG trong BLHS. Các công trình này bao gồm: Bài "*Các tội xâm phạm ANQG lịch sử, thực trạng và phương hướng hoàn thiện*" của tác giả Kiều đình Thu, Thông tin Khoa học pháp lý năm 1994; Bài "*Một số ý kiến góp phần hoàn thiện quy định về các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong Bộ luật Hình sự năm 1999*" của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thùy, Tạp chí Thanh tra số 7 năm 2013.

Cùng đó là các công trình nghiên cứu về dấu hiệu pháp lý đặc trưng của từng tội phạm cụ thể trong nhóm tội này. Điển hình là các công trình nghiên cứu sau:

"*Tội gián điệp trong luật hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*", Sách chuyên khảo của tác giả Nguyễn Anh Tuấn, Nhà xuất bản Công an nhân dân năm 2015. Đề tài nghiên cứu đã tập trung khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội gián điệp, tiếp cận pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới về tội gián điệp; nghiên cứu làm rõ thực trạng pháp luật hình sự Việt Nam đối với tội gián điệp và kiến nghị phương hướng hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự về tội gián điệp đối với các dấu hiệu định tội, định khung, hình phạt và trường hợp miễn trách nhiệm hình sự đối với tội gián điệp. Đặc biệt, với việc đưa ra mô hình lý luận với các kiến giải lập pháp về tội gián điệp là cơ sở lý luận cần thiết cho cơ quan lập pháp tham khảo trong quá trình hoàn thiện Bộ luật hình sự hiện hành, bảo đảm sự nhận thức và áp dụng thống nhất pháp luật hình sự trong thực tiễn hoạt động điều tra, truy tố và xét xử các vụ án gián điệp.

"*Các tội phạm về khủng bố trong luật hình sự Việt Nam*", Luận án tiến sĩ của tác giả Đỗ Khắc Hương, Học viện Khoa học xã hội, năm 2015. Luận án đã làm rõ khái niệm, dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về khủng bố; chính sách hình sự của cộng đồng quốc tế, của các quốc gia, vùng lãnh thổ và của Việt Nam đối với các tội phạm này; làm rõ sự tương đồng và khác biệt về quan niệm, chính sách hình sự, cách thức quy định các tội phạm về khủng bố của Việt Nam so với cộng đồng quốc tế và các quốc gia, vùng lãnh thổ. Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp những cứ

liệu khoa học về lý luận về các tội phạm khủng bố nói chung và tội khủng bố thuộc nhóm các tội xâm phạm ANQG nói riêng.

“*Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ của tác giả Hồ Đại Thức, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2009; “*Tội phá hoại chính sách đoàn kết trong luật hình sự Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ của tác giả Phạm Thị Khánh Toàn, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2010; “*Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân trong luật hình sự Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ của tác giả Phạm Thị Nhung, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010; “*Tội phản bội Tổ quốc trong Luật hình sự Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ của tác giả Trần Thu Hằng, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009; “*Cơ sở lý luận và thực tiễn hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay*”, Thông tin chuyên đề, Viện Nghiên cứu lập pháp, năm 2013; “*Hoàn thiện pháp luật về phòng, chống khủng bố - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Giáo sư, tiến sĩ Nguyễn Ngọc Anh (Chủ biên), Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2011; “*Một vài suy nghĩ về tội phản bội Tổ quốc trong Bộ luật hình sự Việt Nam*”, bài viết của tác giả Bạch Thành Định, Tạp chí Công an nhân dân số 5 năm 1999; “*Hành vi khách quan của tội gián điệp trong Luật hình sự Việt Nam*”, bài viết của tác giả Nguyễn Duy Thuận, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 01 năm 2003.

Đây là các công trình chuyên khảo nghiên cứu tương đối toàn diện và hệ thống về từng tội phạm thuộc nhóm các tội xâm phạm ANQG dưới góc độ pháp lý hình sự. Các nghiên cứu đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về cấu thành tội phạm của từng tội trong luật hình sự Việt Nam như: khái niệm, các dấu hiệu pháp lý đặc trưng, qua đó xây dựng mô hình lý luận và rút ra ý nghĩa của việc ghi nhận loại tội phạm đó trong luật hình sự Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của từng loại tội phạm xâm phạm ANQG trong sự phát triển chung của pháp luật hình sự, các tác giả đã rút ra những nhận xét, đánh giá về kỹ thuật lập pháp của các nhà lập pháp qua các thời kỳ về loại tội phạm này. Bên cạnh đó, các nghiên cứu trên cũng phân tích, đánh giá những quy định về các tội phạm này trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới nhằm rút ra những giá trị hợp lý về lập pháp hình sự để vận dụng có chọn lọc, bổ sung cho những luận cứ và giải pháp được đề xuất trong đề tài.



- *Nhóm các công trình nghiên cứu về vấn đề chính sách hình sự đối với các tội xâm phạm ANQG*

Thuộc nhóm công trình nghiên cứu này, trước hết là “*Chính sách hình sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Chuyên đề cao học, PGS.TS Phùng Thế Vắc, Học viện An ninh, năm 2008. Tiếp cận chính sách hình sự với ý nghĩa là những quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước ta trong việc xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự để phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, tác giả đã phân tích làm rõ những đặc điểm cơ bản của chính sách hình sự cũng như những biểu hiện của chính sách hình sự trong lĩnh vực lập pháp hình sự và áp dụng pháp luật hình sự trong phòng, chống tội phạm ở Việt Nam. Một nội dung quan trọng trong công trình nghiên cứu này được tác giả đề cập đến đó là vấn đề chính sách hình sự đối với các tội xâm phạm ANQG. Theo quan điểm của tác giả, vấn đề tội phạm hóa - phi tội phạm hóa, hình sự hóa - phi hình sự hóa là một trong những biện pháp cơ bản để thực hiện chính sách hình sự đối với các tội xâm phạm ANQG. Tác giả cũng đã chỉ rõ chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với các tội phạm xâm phạm ANQG trong vấn đề tội phạm hóa - phi tội phạm hóa, hình sự hóa - phi hình sự hóa.

“*Cơ sở trách nhiệm hình sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong hoạt động bảo vệ ANQG của lực lượng CAND*”, chuyên đề cao học, tác giả PGS,TS Phùng Thế Vắc, Học viện An ninh nhân dân, năm 2008. Tác giả đã làm rõ một số vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự cũng như cơ sở triết học của việc xác định trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở nền tảng lý luận đó, tác giả đã xây dựng lý thuyết về cơ sở trách nhiệm hình sự trong giải quyết các vụ án xâm phạm ANQG và thực tiễn vận dụng chủ yếu thể hiện qua việc chuyển đổi tội danh trong xử lý các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG để phục vụ yêu cầu chính trị.

Ngoài ra còn nhiều công trình nghiên cứu khác về vấn đề này như: “*Chính sách hình sự trong điều tra các tội xâm phạm ANQG*”, sách chuyên khảo của tác giả Nguyễn Minh Hùng, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2011; “*Trách nhiệm hình sự với các tội quốc sự*”, sách chuyên khảo của S.V. Diakov, A.A. Igonatrep, M.P Karpusin, 1988; “*Trách nhiệm về tội gián điệp*”, bài viết của tác giả Nguyễn Vạn Nguyên, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 05 và 06 năm 1991; “*Các tội xâm phạm an ninh quốc gia và vấn đề hoàn thiện Luật hình sự qui định trách nhiệm hình sự với các tội xâm phạm an ninh quốc gia*”, bài viết trong Sách “*Luật hình sự Việt Nam -*

Những vấn đề lí luận và thực tiễn” của tác giả Kiều Đình Thọ, Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 1997; *"Một số suy nghĩ để hoàn thiện quy định trách nhiệm hình sự tội gián điệp"*, bài viết của tác giả Bạch Thành Định, Tạp chí Công an nhân dân số 10 năm 1999; *"Vận dụng lý luận về cơ sở của trách nhiệm hình sự trong đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm an ninh quốc gia"*, bài viết của tác giả Vũ Văn Thường, Tạp chí Khoa học & Giáo dục An ninh, số 7/2012; *"Chính sách hình sự đối với tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thời kỳ hội nhập"*, luận văn cao học của tác giả Vũ Văn Thường, Học viện An ninh nhân dân, năm 2010. Các tác giả đã tiếp cận các tội xâm phạm ANQG nói chung hoặc tội phạm cụ thể xâm phạm ANQG nói riêng dưới góc độ nghiên cứu, trao đổi về khía cạnh liên quan đến lý luận về trách nhiệm hình sự. Trên nền tảng quy định chung của BLHS về trách nhiệm hình sự, các tác giả đã vận dụng lý luận đối chiếu thực tiễn xác định trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm ANQG, từ đó nêu những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong quá trình áp dụng. Một số tác giả đã đưa ra những kiến nghị về việc vận dụng linh hoạt, mềm dẻo quy định về trách nhiệm hình sự trong công tác đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG.

- *Nhóm các công trình nghiên cứu về lý luận áp dụng pháp luật hình sự trong phòng, chống các tội xâm phạm ANQG*

Thuộc nhóm công trình nghiên cứu này, trước hết phải nói đến nghiên cứu về *"Áp dụng Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng An ninh nhân dân"*, Chuyên đề đào tạo tiến sĩ của tác giả Phùng Thế Vắc, Học viện An ninh nhân dân, năm 2010. Đây là một công trình quy mô, phân tích một cách chi tiết, cụ thể, chuyên sâu về biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng An ninh nhân dân bằng việc áp dụng hai ngành luật nội dung và hình thức (Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự). Đối với phạm vi áp dụng Luật Hình sự trong phòng, chống tội phạm của lực lượng An ninh nhân dân, tác giả nhấn mạnh đến nhóm tội phạm xâm phạm ANQG, trong đó chỉ rõ những quy định của BLHS hiện hành có thể được vận dụng một cách linh hoạt, mềm dẻo nhằm đấu tranh có hiệu quả với tội phạm xâm phạm ANQG sao cho đảm bảo yêu cầu chính trị, nghiệp vụ. Mặt khác, tác giả cũng đưa những kiến nghị về việc bổ sung, sửa đổi BLHS nhằm tránh sự giao thoa, bất cập trong các quy định thuộc phần các tội xâm phạm ANQG.

*"Bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền", sách do tác giả Lê Văn Cẩm chủ biên, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội năm 2008; "Bảo vệ an ninh quốc gia bằng pháp luật hình sự" trong sách "Bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền" của tác giả Lê Cẩm (chủ biên), Nhà xuất bản Tư pháp năm 2007; "Những vấn đề lí luận về bảo vệ an ninh quốc gia bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền", bài viết của PGS, TSKH Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 07 năm 2007. Trong các công trình trên, tác giả Lê Cẩm đã nêu lên ý nghĩa của việc sử dụng pháp luật hình sự như một công cụ hữu ích trong xây dựng nhà nước pháp quyền, trong đó nhấn mạnh đến lĩnh vực bảo vệ ANQG. Tác giả đã lựa chọn những nội dung quan trọng của BLHS có liên quan đến bảo vệ ANQG để từ đó phân tích những thuận lợi, vướng mắc trong các quy định của BLHS. Trên cơ sở đó, tác giả cũng đưa ra một số đề xuất về việc sửa đổi BLHS cho sát với tình hình bảo vệ ANQG trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.*

*"Lý luận cơ bản về Luật hình sự Việt Nam và vận dụng vào công tác bảo vệ ANQG trong giai đoạn hiện nay", Sách chuyên khảo của tác giả Nguyễn Ngọc Hà & Nguyễn Anh Tuấn, Nhà xuất bản CAND, năm 2014. Trong Chương 5 của cuốn sách này, các tác giả đã làm rõ cơ sở pháp lý hình sự trực tiếp đấu tranh với đối tượng có hoạt động xâm phạm ANQG bao gồm nhận thức chung về cơ sở pháp lý trực tiếp đấu tranh với đối tượng có hoạt động xâm phạm ANQG, chỉ ra các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm xâm phạm ANQG. Tuy nhiên, hạn chế của cuốn sách là mới chỉ nêu ra chứ chưa làm rõ được sự vận dụng các cơ sở pháp lý hình sự này trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG.*

### ***1.1.2. Các công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm an ninh quốc gia dưới góc độ khoa học Luật Tố tụng hình sự***

Theo hướng tiếp cận của khoa học Luật Tố tụng hình sự, các công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG có thể được sắp xếp theo các nhóm nghiên cứu sau:

- *Các nghiên cứu về hình thức phản ánh của tội phạm xâm phạm ANQG trong thế giới khách quan mà các cơ quan có thẩm quyền có thể ghi nhận, thu thập, kiểm tra, đánh giá ở dạng chứng cứ tố tụng (lý luận về chứng cứ và chứng minh)*

*“Lý luận chứng cứ và vận dụng nó trong quá trình chứng minh đối với vụ án gián điệp ở giai đoạn điều tra theo Luật Tố tụng hình sự Việt Nam”*, Luận án tiến sĩ luật học của tác giả Phùng Thế Vắc, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, năm 1997 và *“Chứng cứ trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia - những vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Duy Thuân, Học viện An ninh nhân dân, năm 2005 là hai công trình khoa học được nghiên cứu một cách cơ bản, có hệ thống về lý luận chứng cứ trong điều tra các tội xâm phạm ANQG nói chung và tội gián điệp nói riêng. Về phương diện lý luận, các công trình nghiên cứu này đã bổ sung, hoàn thiện một số khái niệm trong lý luận chứng cứ như: khái niệm chứng cứ, khái niệm thu thập chứng cứ; trên cơ sở làm rõ căn cứ phân loại, luận án đã đưa ra cách tiếp cận khoa học, hợp lý về phân loại chứng cứ, về phạm vi chứng minh, làm rõ nội dung đặc điểm của đối tượng chứng minh, phạm vi chứng minh trong điều tra các tội xâm phạm ANQG. Những kết quả nghiên cứu trên đã góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về chứng cứ trong điều tra các tội xâm phạm ANQG - một trong những vấn đề trọng tâm của Luật tố tụng hình sự và khoa học pháp lý tố tụng hình sự nhưng ít được quan tâm nghiên cứu.

Quá trình chứng minh vụ án hình sự là một trong những vấn đề lý luận của khoa học pháp lý tố tụng hình sự. Mặc dù đều là hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự, nhưng quá trình chứng minh trong điều tra các tội xâm phạm ANQG có nét đặc thù riêng xuất phát từ đặc điểm, tính chất của tội phạm, của loại án và đặc điểm của giai đoạn điều tra. Tác giả Nguyễn Ngọc Hà trong các công trình nghiên cứu của mình: *“Quá trình chứng minh trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia”*, Luận án tiến sĩ, năm 2013 và *“Quá trình chứng minh các vụ án hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân - những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh”*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, năm 2007 đã tập trung nghiên cứu về quá trình chứng minh trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, qua đó làm sáng tỏ một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và cơ sở pháp lý của quá trình chứng minh trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG (như: khái niệm, đặc điểm, các giai đoạn, đối tượng, giới hạn của quá trình chứng minh theo quy định của Luật Tố tụng hình sự Việt Nam). Nghiên cứu cũng chỉ ra những yếu tố tác động, liên quan đến quá trình chứng minh trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Với những kết quả đạt được, các nghiên cứu trên đã góp phần xây dựng, bổ sung, hoàn thiện lý luận và quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự nói chung và trong điều tra các tội xâm phạm ANQG nói riêng.

Có thể thấy các nghiên cứu thuộc nhóm này đã làm rõ được một số vấn đề nhận thức lý luận về chứng cứ, quá trình chứng minh trong các vụ án xâm phạm ANQG. Đây là những nghiên cứu bước đầu góp phần quan trọng xây dựng hệ thống lý luận về tội phạm xâm phạm ANQG dưới góc độ pháp lý TTTHS

- *Nhóm công trình nghiên cứu lý luận về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết các vụ án xâm phạm ANQG*

Có thể chỉ ra một số công trình nghiên cứu thuộc nhóm này như: “*Cải cách tư pháp - Những vấn đề đặt ra đối với Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân*”, Đề tài khoa học cấp bộ do tác giả Phùng Thế Vắc chủ nhiệm, 2009; “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia - Kiến nghị và giải pháp*”, Đề tài khoa học cấp bộ của tác giả Phạm Việt Trường, Học viện An ninh nhân dân, năm 2004; “*Giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng pháp luật trong khởi tố, điều tra các tội xâm phạm an ninh quốc gia của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai*”, Đề tài cấp cơ sở của tác giả Phạm Đắc Thiện, Trường Cao đẳng An ninh nhân dân II, năm 2014; “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về địa vị pháp lý của cơ quan và người tiến hành tố tụng hình sự trong lực lượng an ninh nhân dân*”, Luận văn cao học của tác giả Vũ Mạnh Hà, Học viện an ninh nhân dân, năm 2011.

Trước hết là đề tài khoa học cấp Bộ “*Cải cách tư pháp - Những vấn đề đặt ra đối với Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân*” do tác giả Phùng Thế Vắc chủ nhiệm, năm 2009. Đề tài đã xây dựng luận cứ khoa học - cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của cải cách CQĐT trong CAND nói chung và cơ quan an ninh điều tra nói riêng. Một nội dung quan trọng được nhóm tác giả làm rõ đó là trên cơ sở các yêu cầu của cải cách tư pháp, các tác giả đã xác định được các yêu cầu đặt ra đối với tổ chức bộ máy CQĐT trong CAND là: tính thống nhất (nhất quán), tính tập trung, tính gọn nhẹ, sự phân định hợp lý thẩm quyền, tổ chức tốt mối quan hệ phối hợp với lực lượng trinh sát. Từ đó, các tác giả đã đề xuất mô hình tổ chức bộ máy và hoạt động của CQĐT trong CAND phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp của Đảng và

Nhà nước ta. Các mô hình tổ chức bộ máy CQĐT trong CAND được xây dựng dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn.

Đề tài cấp Bộ “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia - Kiến nghị và giải pháp*” của tác giả Phạm Việt Trường, Học viện An ninh nhân dân, năm 2004. Nội dung nghiên cứu của đề tài tập trung chủ yếu vào hoạt động áp dụng pháp luật tố tụng hình sự trong các khâu và hoạt động điều tra như: khởi tố vụ án, khởi tố bị can; hoạt động bắt, khám xét, tạm giữ, tạm giam, hỏi cung bị can; các hoạt động trong khâu kết thúc điều tra, xử lý vụ án, xử lý bị can. Về phương diện lý luận, đề tài đã góp phần xây dựng lý luận về áp dụng pháp luật tố tụng hình sự trong điều tra xử lý các vụ án xâm phạm ANQG thông qua việc xác định rõ khái niệm, chủ thể của hoạt động áp dụng pháp luật, yêu cầu và nội dung áp dụng pháp luật tố tụng hình sự trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG. Đề tài cũng gợi mở cách thức tổ chức điều tra đảm bảo hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật tố tụng hình sự trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Đề tài cấp cơ sở “*Giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng pháp luật trong khởi tố, điều tra các tội xâm phạm an ninh quốc gia của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai*” của tác giả Phạm Đắc Thiện, Trường Cao đẳng An ninh nhân dân II, năm 2014 đã là khảo sát, đánh giá thực trạng vận dụng pháp luật trong khởi tố, điều tra các tội phạm xâm phạm ANQG của cơ quan ANĐT Công an tỉnh Gia Lai từ năm 2004 đến 2014. Từ nghiên cứu thực trạng vận dụng pháp luật trong khởi tố, điều tra các tội xâm phạm ANQG, tác giả đã gợi mở một số vấn đề trong nhận thức lý luận về áp dụng pháp luật như: vấn đề đánh giá hiệu quả áp dụng pháp luật, cơ sở xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình áp dụng pháp luật trong khởi tố, điều tra các tội xâm phạm ANQG... Tuy nhiên, những đóng góp về mặt lý luận của công trình nghiên cứu này vẫn còn khá khiêm tốn, mới chỉ dừng ở việc nêu ra một số vấn đề về nhận thức lý luận chứ chưa có sự đi sâu nghiên cứu giải quyết nó. Mặc dù vậy, đây cũng là một hướng nghiên cứu gợi mở cho chúng ta để hoàn thiện hệ thống lý luận về tội phạm xâm phạm ANQG dưới góc tiếp cận của khoa học Luật Tố tụng hình sự.

### ***1.1.3. Các công trình nghiên cứu các tội xâm phạm an ninh quốc gia dưới góc độ khoa học Luật Thi hành án hình sự***

Thuộc các công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG dưới góc độ khoa học Luật Thi hành án hình sự có các công trình sau: “*Đặc xá, đối tượng tù về tội phạm an ninh quốc gia. Thực trạng và giải pháp*”, đề tài cấp cơ sở của tác giả Kông Tư, Tổng cục I - A83, năm 2001; các bài viết trên tạp chí như: “*Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Tổng cục An ninh I và Tổng cục VIII trong quản lý, giam giữ, đấu tranh với phạm nhân phạm các tội xâm phạm ANQG*”, của tác giả Đường Minh Hưng, Tạp chí Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm, số 6/2012; “*Một số trao đổi trong công tác quản lý, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia và liên quan đến an ninh quốc gia trong tình hình mới*”, tác giả Đoàn Văn Hiệp, Vũ Đình Nhất, Tạp chí Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm, số 7/2012; “*Công tác tổ chức giam giữ phạm nhân đặc biệt nguy hiểm trong tình hình hiện nay, những khó khăn và kiến nghị*”, tác giả Dương Đình Mai, Tạp chí Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm, số 11+12 tháng 12/2013; “*Công tác quản lý, giáo dục phạm nhân phạm tội xâm phạm ANQG trong tình hình mới*”, tác giả Lê Thu Trang, Nguyễn Thanh Nam, Tạp chí Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm, số 14 tháng 9/2014; “*Kinh nghiệm giam giữ, quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân phạm tội xâm phạm ANQG và liên quan đến ANQG tại Trại giam Xuân Phước*”, tác giả Trần Văn Dũng, Nguyễn Tuấn Minh, Tạp chí Khoa học quản lý và giáo dục tội phạm, số 19 tháng 4/2016.

Các nghiên cứu nói trên chủ yếu tập trung xoay quanh vấn đề nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý giam giữ phạm nhân phạm các tội xâm phạm ANQG tại các cơ sở trại tạm giam, trại giam của lực lượng CAND trên cơ sở phân tích những bất cập, vướng mắc trong quá trình tổ chức quản lý, giáo dục phạm nhân phạm tội xâm phạm ANQG.

Có rất ít nghiên cứu dưới góc độ lý luận trong thi hành án hình sự đối với tội phạm xâm phạm ANQG. Một trong số đó là đề tài cấp Bộ “*Công tác giáo dục phạm nhân đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia trong các trại giam thuộc Bộ Công an*” của tác giả Nguyễn Hữu Duyệt, Cục Quản lý trại giam (V26), năm 1998. Đề tài nghiên cứu bước đầu đã làm rõ một số vấn đề cơ sở lý luận chung về giáo dục phạm nhân nói chung và phạm nhân đặc biệt nguy hiểm xâm phạm

ANQG nói riêng (khái niệm, các nguyên tắc cơ bản giáo dục phạm nhân, những nội dung chủ yếu để giáo dục phạm nhân đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG). Bên cạnh đó đề tài cũng chỉ ra những đặc điểm của phạm nhân đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG có ý nghĩa quan trọng trong công tác giáo dục phạm nhân. Có thể nói rằng đây là một trong những công trình hiếm hoi có đề cập đến những vấn đề lý luận về tội phạm xâm phạm ANQG dưới góc độ khoa học luật thi hành án hình sự.

Khảo sát các công trình nghiên cứu về các tội phạm xâm phạm ANQG dưới góc độ khoa học pháp lý thi hành án hình sự cho thấy hầu hết các công trình nghiên cứu chỉ đề cập đến vấn đề thực tiễn tổ chức thực hiện pháp luật về thi hành án hình sự đối với tội phạm xâm phạm ANQG. Như vậy, có thể thấy rằng nghiên cứu lý luận về các tội xâm phạm ANQG dưới góc tiếp cận của pháp luật thi hành án hình sự hiện nay đang còn bị bỏ ngỏ.

#### ***1.1.4. Các công trình nghiên cứu các tội xâm phạm an ninh quốc gia dưới góc độ tiếp cận của tội phạm học***

Dưới góc độ lý luận tội phạm học, các tội phạm xâm phạm ANQG được nghiên cứu làm rõ trên nhiều khía cạnh như: lý luận về THTP (bản chất, mức độ, cơ cấu, tính chất, phương thức, thủ đoạn phạm tội); nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh THTP; nhân thân người phạm tội xâm phạm ANQG; dự báo và phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG. Sắp xếp theo nội dung vấn đề nghiên cứu, có thể chỉ ra các nhóm công trình khoa học dưới đây:

##### ***- Nhóm các nghiên cứu lý luận về tình hình các tội xâm phạm ANQG***

Các công trình nghiên cứu lý luận về tình hình các tội xâm phạm ANQG được thực hiện theo các hướng nghiên cứu như: nghiên cứu tình hình các tội xâm phạm ANQG nói chung, nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm ANQG gắn với đặc thù của một nhóm chủ thể nhất định, nghiên cứu tình hình các tội xâm phạm ANQG trên phạm vi địa bàn xác định.

+ Các công trình nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm ANQG nói chung bao gồm:

“*Các tội xâm phạm ANQG trong luật hình sự Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ của tác giả Bạch Thành Định, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2000. Tác giả đã phân tích thực trạng tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ năm 1975 đến 1999. Với những số liệu thống kê chi tiết, tác giả đã phản ánh được bức tranh



toàn cảnh về tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam giai đoạn này bao gồm: thực trạng của tình hình các tội xâm phạm ANQG, diễn biến, cơ cấu, tính chất của THTP.

*“Tình hình các tội xâm phạm An ninh quốc gia tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng, chống”*, Luận văn thạc sỹ của tác giả Đỗ Minh Đức, Học viện An ninh nhân dân, năm 2004. Tác giả đã phân tích làm sáng tỏ một cách có hệ thống và tương đối toàn diện khái niệm và các yếu tố cấu thành tội phạm của các tội xâm phạm ANQG cũng như khái niệm tình hình các tội xâm phạm ANQG dưới góc độ khoa học Luật hình sự và Tội phạm học. Từ nghiên cứu, đánh giá thực tiễn đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG, tác giả đã rút ra được những đặc điểm tội phạm học của tình hình các tội xâm phạm ANQG giai đoạn 1990 - 2003, nguyên nhân và điều kiện của tình hình đó. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG. Các kết quả nghiên cứu của tác giả đã góp phần bổ sung, làm rõ hệ thống lý luận về các tội xâm phạm ANQG.

Bên cạnh đó còn có các nghiên cứu về tình hình một loại tội trong nhóm các tội xâm phạm ANQG như *“Tình hình hoạt động phạm tội gián điệp ở Việt Nam – Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*, luận văn thạc sỹ của tác giả Quách Thắng, Học viện An ninh nhân dân, năm 2009.

+ Các nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm ANQG gắn với đặc thù của một nhóm chủ thể nhất định.

Một trong những hướng nghiên cứu của tội phạm học về các tội xâm phạm ANQG nghiên cứu tội phạm học gắn với đặc thù của một nhóm chủ thể. Các nhóm chủ thể đặc thù thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm ANQG có thể là đảng viên, người dân tộc số, các đối tượng cơ hội chính trị, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài v.v... Diễn hình cho các nghiên cứu thuộc nhóm này là các công trình nghiên cứu sau:

*“Tình trạng đảng viên hoạt động phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia và giải pháp phòng ngừa, đấu tranh của cơ quan an ninh”*, Đề tài cấp Bộ của tác giả Bùi Trung Thành, Học viện An ninh nhân dân, năm 2009. Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của tình trạng đảng viên hoạt động phạm các tội xâm phạm ANQG và công tác phòng ngừa, đấu tranh của cơ quan an ninh. Đề tài đã

làm rõ những nhận thức chung về đảng viên phạm tội xâm phạm ANQG cũng như cơ sở lý luận để đánh giá tình trạng đảng viên phạm các tội xâm phạm ANQG. Từ những nhận thức lý luận đó, nhóm tác giả nghiên cứu đã tiến hành khảo sát tình hình thực tế cũng như đánh giá nguyên nhân, điều kiện của tình trạng đảng viên phạm các tội xâm phạm ANQG, làm cơ sở đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh của cơ quan an ninh trong tình hình hiện nay.

Rất nhiều công trình nghiên cứu ở cấp độ luận văn thạc sĩ cũng đã đi theo hướng nghiên cứu này như: *"Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các đối tượng cơ hội chính trị ở địa bàn Hà Nội từ năm 1986 đến nay và những vấn đề đặt ra trong công tác an ninh"* của tác giả Trần Ngọc Thịnh, Học viện An ninh nhân dân, năm 2001; *"Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của người Việt Nam định cư tại Pháp, nhập cảnh Việt Nam với danh nghĩa du lịch và những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh"* của tác giả Nguyễn Tiến Hồng, Học viện An ninh nhân dân, năm 2001; *"Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của người Việt Nam định cư ở Mỹ lâm thời nhập cảnh Việt Nam và công tác đấu tranh của cơ quan an ninh"*, Lê Văn Thắng, Học viện An ninh nhân dân, năm 2001; *"Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các đối tượng trong câu lạc bộ những người kháng chiến cũ ở thành phố Hồ Chí Minh và vấn đề đặt ra cho công tác an ninh"* của tác giả Nguyễn Duy Kiên, Học viện An ninh nhân dân năm 2001; *"Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của đối tượng phản cách mạng bị án tù, tập trung cải tạo sau năm 1975 được tha về ở các tỉnh phía Nam nước ta - Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh của cơ quan công an"* của tác giả Lê Công Hoàng, Học viện An ninh nhân dân năm 2000; *"Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia Việt Nam của các tổ chức phản động người Việt Nam của các tổ chức phản động người Việt tại Mỹ và công tác đấu tranh của cơ quan an ninh"* của tác giả Phạm Quang Hải, Học viện An ninh nhân dân, năm 2000.

Trong các nghiên cứu nói trên, các tác giả đã bước đầu làm rõ những đặc điểm nhân thân của các nhóm chủ thể đặc biệt, đặc điểm tội phạm học của hành vi phạm tội xâm phạm ANQG do các chủ thể này thực hiện. Đây là những kiến thức lý luận nền tảng để các tác giả đề xuất giải pháp phòng, chống phù hợp với từng loại đối tượng thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm ANQG. Tuy nhiên, do mới chỉ dừng ở cấp độ là luận văn thạc sĩ, hơn nữa góc tiếp cận của các công trình nghiên cứu nói trên được thực hiện trên cả phương diện tội phạm học và khoa học an ninh

nên những vấn đề lý luận về đặc điểm tội phạm học của tội phạm xâm phạm ANQG cũng như nhân thân người phạm tội xâm phạm ANQG do các nhóm chủ thể này thực hiện chưa được giải quyết một cách thấu đáo.

+ Các công trình nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm ANQG trên địa bàn một tỉnh, khu vực.

Các tác giả đi theo hướng nghiên cứu này thường lựa chọn địa bàn nghiên cứu là những địa phương, khu vực mà có đặc điểm về địa lý tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội có tác động ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình các tội xâm phạm ANQG, như khu vực các tỉnh biên giới phía Bắc, các tỉnh Tây Nguyên, Tây Nam bộ... Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu như: *"Phòng, chống bạo loạn ở Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp"*, Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Văn Giang, Học viện An ninh nhân dân năm 2003; *"Hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia vùng dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới Việt - Trung của lực lượng Công an nhân dân"*, Đề tài cấp Bộ của tác giả Hoàng Văn Tân, trường Trung học An ninh nhân dân I, năm 2003.

Các công trình theo hướng nghiên cứu này đã đưa ra những luận giải cho mối liên quan tác động ảnh hưởng của đặc điểm về địa lý tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội đến tình hình tội phạm xâm phạm ANQG trên địa bàn.

- *Nhóm công trình nghiên cứu về nhân thân người phạm tội xâm phạm ANQG*

Khảo sát tình hình nghiên cứu về nhân thân người phạm tội xâm phạm ANQG cho thấy cho đến nay, chưa có công trình nào đặt vấn đề nhân thân người phạm tội là đối tượng nghiên cứu độc lập trong các đề tài nghiên cứu. Việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội xâm phạm ANQG thường được lồng ghép trong nội dung nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm ANQG như: *"Tình trạng đảng viên hoạt động phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia và giải pháp phòng ngừa, đấu tranh của cơ quan an ninh"*, Đề tài cấp Bộ của tác giả Bùi Trung Thành, Học viện An ninh nhân dân, năm 2009; *"Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các đối tượng cơ hội chính trị ở địa bàn Hà Nội từ năm 1986 đến nay và những vấn đề đặt ra trong công tác an ninh"* của tác giả Trần Ngọc Thịnh, Học viện An ninh nhân dân, năm 2001; *"Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các đối tượng trong câu lạc bộ những người kháng chiến cũ ở thành phố Hồ Chí Minh và vấn đề đặt ra"*

*cho công tác an ninh*” của tác giả Nguyễn Duy Kiêm, Học viện An ninh nhân dân năm 2001.

Trong các nghiên cứu nói trên, nhân thân người phạm các tội xâm phạm ANQG được mô tả trong nghiên cứu về cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm ANQG (cơ cấu của tình hình tội phạm xét theo đặc điểm về nhân thân của người phạm tội). Các tác giả mới chỉ dừng lại ở việc chỉ ra những đặc điểm nhân thân của các nhóm chủ thể thực hiện tội phạm xâm phạm ANQG mà chưa có sự luận giải một cách thấu đáo về mối liên hệ giữa các đặc điểm nhân thân người phạm tội với việc hình thành nguyên nhân của tội phạm. Do vậy, các nghiên cứu hầu như chưa chỉ ra được các đặc điểm nhân thân nào của người phạm tội (đặc điểm sinh học, đặc điểm tâm lý tiêu cực thuộc nhân cách hay các đặc điểm xã hội) có tác động làm tăng nguy cơ phạm tội ở người phạm tội.

Chính vì chưa được xác định là đối tượng nghiên cứu chính trong các nghiên cứu tội phạm học về các tội xâm phạm ANQG, cho nên kết quả nghiên cứu của các công trình kể trên về vấn đề nhân thân người phạm tội xâm phạm ANQG là hết sức hạn chế, đặc biệt là những đóng góp trên phương diện lý luận về nhân thân người phạm tội xâm phạm ANQG.

*- Nhóm công trình nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG*

Các nghiên cứu về nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG không thể tách rời khi nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm ANQG và là nghiên cứu tiền đề cho việc đưa ra các giải pháp phòng ngừa tội phạm. Chính vì vậy, vấn đề này được đề cập trong nhiều trong công trình nghiên cứu tội phạm học về các tội xâm phạm ANQG. Có thể kể đến các công trình nghiên cứu như: “*Đấu tranh phòng, chống tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ luật học, tác giả Nguyễn Thị Phương Thảo, Học viện Khoa học xã hội, năm 2015; “*Tình hình các tội xâm phạm An ninh quốc gia tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng, chống*”, Luận văn thạc sỹ của tác giả Đỗ Minh Đức, Học viện An ninh nhân dân, năm 2004; “*Hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia vùng dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới Việt - Trung của lực lượng Công an nhân dân*”, Đề tài cấp Bộ của tác giả Hoàng Văn Tân, trường Trung học An ninh nhân dân I, năm 2003; “*Những giải*

*pháp nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm có tổ chức ở Việt Nam trong tình hình mới*”, đề tài cấp Nhà nước của Tổng cục II Bộ Công an, năm 2004.

Tác giả Nguyễn Thị Phương Thảo trong nghiên cứu về “*Đấu tranh phòng, chống tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” đã đưa ra những lập luận để chứng minh cho nhận định của mình trong việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Từ lý luận về quan hệ nhân - quả, tác giả quan niệm nguyên nhân của tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống và các yếu tố tâm sinh lý tiêu cực thuộc cá nhân con người trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định, làm phát sinh hành vi phạm tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Còn điều kiện của tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam là tổng thể các hiện tượng, tình huống tạo môi trường thuận lợi cho hành vi phạm tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam được thực hiện. Theo tác giả, các yếu tố tiêu cực trong môi trường xã hội là nguyên nhân và điều kiện chính làm nảy sinh tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam, trong đó nổi lên 3 vấn đề chính đó là: tàn dư của chế độ cũ và sự chống phá của các thế lực thù địch trên mặt trận chính trị - tư tưởng; sự yếu kém trong quản lý của Nhà nước; sự hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật và trong công tác đấu tranh phòng, chống tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Những yếu tố tiêu cực trong xã hội nói trên sẽ không trở thành nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nếu không có sự tương hỗ với những yếu tố tiêu cực bên trong con người – chủ thể thực hiện hành vi phạm tội, đó chính là những nguyên nhân sâu xa trong nhận thức, trong tâm lý cá nhân và trong lối sống của chủ thể hành vi phạm tội.

Tác giả Đỗ Minh Đức khi tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG trong công trình nghiên cứu “*Tình hình các tội xâm phạm An ninh quốc gia tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng, chống*” năm 2004 đã rút ra những yếu tố cơ bản sau đây đóng vai trò là nguyên nhân, điều kiện gây nên tình hình các tội xâm phạm ANQG: những nguyên nhân và điều kiện xét từ góc độ kinh tế - xã hội; những nguyên nhân và điều kiện xét từ góc độ chính sách, pháp luật; những nguyên nhân, điều kiện xét từ góc độ tổ chức, quản lý nhà nước về an ninh trật tự; nguyên nhân và điều kiện xét từ góc độ

phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; nguyên nhân và điều kiện xét từ góc độ tâm lý xã hội; những nguyên nhân và điều kiện từ bên ngoài.

Từ các kết quả nghiên cứu trên cho thấy việc nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm xâm phạm ANQG đã được các tác giả tiếp cận đa chiều với việc phân tích các nhân tố khác nhau có thể tác động, ảnh hưởng đến việc phát sinh tội phạm xâm phạm ANQG. Dựa trên kết quả nghiên cứu, các tác giả đã rút ra được những nhân tố nào là nguyên nhân chủ yếu trong việc phát sinh tình hình tội phạm xâm phạm ANQG, trên cơ sở đó việc xây dựng biện pháp phòng ngừa được định hướng cụ thể, có tính tập trung và không bị dàn trải.

*- Nhóm công trình nghiên cứu về dự báo tình hình các tội xâm phạm ANQG*

Dự báo THTP là hoạt động mang tính khoa học có tính ứng dụng thực tiễn rất cao. Trong công tác phòng ngừa tội phạm, dự báo tội phạm đóng vai trò vô cùng quan trọng. Dự báo tội phạm có thể giúp cho các cơ quan chức năng nắm rõ về THTP ở thời điểm hiện tại và tương lai cũng như các vấn đề khác có liên quan. Tuy nhiên, ở Việt Nam nghiên cứu về dự báo tội phạm nói chung và dự báo về tình hình các tội xâm phạm ANQG nói riêng mới chỉ được đặt ra trong một số công trình nghiên cứu của cá nhân hoặc nhóm cá nhân. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu như: “*Các tội xâm phạm ANQG trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế - Những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh*”, Luận văn thạc sĩ của tác giả Phạm Kim Đĩnh, Học viện An ninh nhân dân, năm 2009 là một công trình nghiên cứu tiếp cận từ góc độ khoa học pháp lý để đánh giá thực trạng, xu hướng và các yếu tố nảy sinh, phát triển của các tội xâm phạm ANQG trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế, từ đó xác định những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh nhằm tăng cường hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh với các tội xâm phạm ANQG của nước ta hiện nay và trong những năm tiếp theo - khi Việt Nam hoàn thành lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đề tài đã có những đóng góp nhất định từ góc độ tội phạm học nhìn nhận về xu hướng phát triển, tính chất, mức độ, phương thức, thủ đoạn, đối tượng, phạm vi, lĩnh vực xâm phạm các tội phạm xâm phạm ANQG trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế. Điều này góp phần bổ sung những vấn đề lý luận về dự báo THTP nói chung và tình hình các tội xâm phạm ANQG nói riêng.

Vấn đề dự báo tình hình các tội xâm phạm ANQG nói chung và dự báo tình hình của từng loại tội cụ thể trong nhóm tội xâm phạm ANQG nói riêng cũng được

đề cập đến trong một vài công trình nghiên cứu khác, như: “*Đấu tranh phòng, chống tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thị Phương Thảo, Học viện Khoa học xã hội, năm 2015; “*Điều tra các vụ án xâm phạm ANQG trong tình hình hiện nay ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ của tác giả Lê Minh Hùng, Học viện An ninh nhân dân, năm 2001; “*Điều tra các vụ án gián điệp ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Quý Khoát, Học viện An ninh nhân dân, năm 2003; “*Điều tra vụ án hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân trong tình hình hiện nay ở Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ, của tác giả Lê Ngọc An, năm 2006; “*Tình hình các tội xâm phạm An ninh quốc gia tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng, chống*”, Luận văn thạc sĩ của tác giả Đỗ Minh Đức, Học viện An ninh nhân dân, năm 2004; “*Dự báo xu hướng vận động xâm phạm ANQG của các thế lực thù địch trong bối cảnh Việt Nam là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới và đề xuất giải pháp phòng, chống*”, tác giả Nguyễn Văn Phúc, Viện Nghiên cứu chiến lược Bộ Công an, năm 2007; “*Xu hướng hoạt động xâm phạm ANQG của các thế lực thù địch trong bối cảnh Việt Nam là thành viên WTO*”, Nguyễn Văn Phúc, Viện Nghiên cứu chiến lược Bộ Công an, năm 2007.

Điểm hạn chế của phần lớn các nghiên cứu về dự báo tình hình các tội xâm phạm ANQG nói trên đó là chưa đưa ra được những căn cứ làm cơ sở cho dự báo THPT. Vì vậy, những kết quả dự báo về tình hình các tội xâm phạm ANQG mà các tác giả đưa ra chưa mang tính thuyết phục cao.

- Nhóm công trình nghiên cứu lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG.

Tiêu biểu cho nhóm công trình nghiên cứu này là các nghiên cứu dưới đây:

Các nghiên cứu về phòng, chống khủng bố được thực hiện trong nhiều nghiên cứu như: “*Những giải pháp cơ bản phòng, chống khủng bố ở nước ta hiện nay*”, Đề tài khoa học cấp Bộ của các tác giả Nguyễn Trung Thành, Tạ Văn Roan, Trần Cao Phong, Khuất Duy Thanh, Học viện An ninh nhân dân, 2002; “*Những giải pháp cơ bản phòng, chống khủng bố ở Việt Nam trong tình hình mới*”, đề tài cấp Bộ do Học viện An ninh nhân dân chủ trì thực hiện năm 2004; “*Khủng bố và giải pháp phòng, chống khủng bố ở Việt Nam hiện nay*”, đề tài cấp Bộ do Tổng cục An ninh, Bộ Công an thực hiện năm 2007; “*Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống*

*khủng bố của lực lượng An ninh trong tình hình hiện nay*”, luận án tiến sĩ của Tạ Văn Roan, Học viện An ninh nhân dân, năm 2009. Trong các nghiên cứu trên đã tập trung phân tích, làm rõ những đặc điểm của khủng bố; tình hình hoạt động khủng bố ở Việt Nam và công tác phòng, chống khủng bố của lực lượng Công an nhân dân trong thời gian qua; dự báo tình hình diễn biến của khủng bố trên thế giới và ở Việt Nam trong thời gian tới, đề xuất các giải pháp cơ bản nâng cao hiệu quả phòng, chống khủng bố của Việt Nam trong tình hình mới.

*“Đấu tranh phòng, chống tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*, tác giả Nguyễn Thị Phương Thảo, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, năm 2015. Đề tài luận án kết hợp nhuần nhuyễn, đan xen giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình luận giải tình hình tội phạm, nguyên nhân, điều kiện và các giải pháp phòng ngừa tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Đặc biệt, luận án đã đề xuất các giải pháp phòng ngừa mang tính hệ thống, đồng bộ để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam theo hướng tiếp cận phòng ngừa tội phạm là tổng hợp các biện pháp khác nhau của Nhà nước, xã hội nhằm tác động vào các yếu tố làm phát sinh tội phạm để loại trừ các yếu tố này vì mục đích ngăn chặn và tiến tới đẩy lùi tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Nói một cách khác, phòng ngừa tội phạm theo quan niệm của tác giả chính là một chỉnh thể các biện pháp ngăn chặn (mục tiêu trước mắt) và loại trừ tội phạm (mục tiêu lâu dài) ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy, trong đề tài luận án, tác giả đã đề xuất hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam gồm hai nhóm: các biện pháp loại trừ tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam và các biện pháp ngăn chặn tội tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

*“Hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia vùng dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới Việt - Trung của lực lượng Công an nhân dân”*, Đề tài cấp Bộ của tác giả Hoàng Văn Tân, trường Trung học An ninh nhân dân I, năm 2003. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã góp phần làm rõ lý luận về đặc điểm tội phạm học của các tội xâm phạm ANQG ở vùng dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Việt-Trung; lý luận về phòng ngừa THTP nói chung, tình hình các tội xâm phạm ANQG ở vùng dân tộc thiểu số nói riêng. Đề tài đưa ra những giải pháp mới nhằm nâng cao hiệu



qua các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG của lực lượng An ninh nhân dân ở vùng dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó, các công trình: *“Đấu tranh chống các hành vi đặc biệt nguy hiểm xâm phạm ANQG với việc thực hiện các chức năng của Nhà nước trong điều kiện đổi mới ở nước ta hiện nay”*, Luận án phó tiến sĩ Luật học của tác giả Dương Thanh Biểu, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, năm 1995; *“Phòng ngừa tội phạm tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*, Luận văn thạc sĩ của tác giả Ngô Nhật Linh,, Học viện Khoa học xã hội, năm 2011; *“Phòng, chống bạo loạn ở Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp”*, luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Văn Giang, Học viện An ninh nhân dân, năm 2003 cũng đã đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG nói chung cũng như phòng ngừa các tội cụ thể trong nhóm tội xâm phạm ANQG nói riêng ở các cấp độ nghiên cứu khác nhau. Các nghiên cứu này đã góp phần bổ sung những nhận thức lý luận về phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay.

#### ***1.1.5. Các công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm an ninh quốc gia dưới góc độ khoa học nghiệp vụ an ninh***

Theo hướng tiếp cận của khoa học nghiệp vụ an ninh, các công trình nghiên cứu được chia thành hai nhóm: một là các nghiên cứu về các tội phạm xâm phạm ANQG có ý nghĩa cho công tác điều tra hình sự của lực lượng an ninh; hai là các nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG có ý nghĩa cho công tác điều tra trinh sát của lực lượng an ninh.

*- Nhóm công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG có ý nghĩa cho công tác điều tra hình sự của lực lượng an ninh*

Các nghiên cứu thuộc nhóm này ở cấp độ luận án tiến sĩ có những công trình nghiên cứu sau: *“Điều tra các vụ án xâm phạm ANQG trong tình hình hiện nay ở Việt Nam”*, Lê Minh Hùng, Học viện An ninh nhân dân, năm 2001; *“Điều tra các vụ án gián điệp ở Việt Nam”* của tác giả Nguyễn Quý Khoát, Học viện An ninh nhân dân, năm 2003; *“Điều tra vụ án nhằm lật đổ chính quyền nhân dân trong tình hình hiện nay ở Việt Nam”* của tác giả Lê Ngọc An, Học viện An ninh nhân dân năm 2006; *“Tình huống trong hoạt động điều tra vụ án xâm phạm ANQG - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* của tác giả Phạm Việt Trường, năm 2004; *“Chiến thuật*

*điều tra hình sự của Cơ quan an ninh điều tra đối với các đối tượng có nhân thân đặc biệt trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG"* của tác giả Nguyễn Hồng Sơn, năm 2009; *"Điều tra vụ án phá hoại chính sách đoàn kết ở Việt Nam trong tình hình hiện nay"* của tác giả Nguyễn Quang Trung, Học viện An ninh nhân dân năm 2010; *"Hoạt động điều tra hình sự đối với các tội phạm trong những vụ bạo loạn ở Tây Nguyên"*, Nguyễn Tiến Trường, Học viện An ninh nhân dân, năm 2010; *"Lấy lời khai người bị tạm giữ trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG – Thực trạng và giải pháp"*, Phan Bá Toàn, Học viện An ninh nhân dân, năm 2010; *"Điều tra các vụ án tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"* của tác giả Trần Tuấn Tú, Học viện An ninh nhân dân, năm 2010; *"Áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG"*, Nguyễn Thị Lan Hồng, Học viện An ninh nhân dân, năm 2012; *"Điều tra vụ án trốn đi nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân trên địa bàn Tây Nguyên"*, Hoàng Quốc Cảnh, Học viện An ninh nhân dân, năm 2015.

Ở cấp độ luận văn thạc sĩ bao gồm các nghiên cứu như: *"Điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia do người nước ngoài thực hiện trong tình hình hiện nay"* của tác giả Phạm Thành Hương, Học viện An ninh nhân dân năm 2001; *"Giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra các vụ án phá rối an ninh ở địa bàn Tây Nguyên trong tình hình hiện nay"* của tác giả Nguyễn Tiến Trường, Học viện An ninh, năm 2003; *"Điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia do đối tượng "cơ hội chính trị" thực hiện - Thực trạng và giải pháp"* của tác giả Nguyễn Văn Hiền, Học viện An ninh nhân dân năm 2005; *"Công tác bắt, tạm giữ, tạm giam đối tượng có hành vi phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong các vụ án do cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an tiến hành - Thực trạng và giải pháp"* của tác giả Phạm Đồng Điện, Học viện An ninh nhân dân năm 2005; *"Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong điều tra vụ án hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân trong tình hình hiện nay"* của tác giả Cao Huy, Học viện An ninh nhân dân, năm 2008; *"Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bắt, tạm giữ, tạm giam đối tượng là chức sắc tôn giáo phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở các tỉnh phía Nam"* của tác giả Nguyễn Mạnh Cường, Học viện An ninh nhân dân năm 2008; *"Hỏi cung bị can phạm tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân trong tình hình hiện nay"* của tác giả Đồng Thị Hồng Nhung, Học viện An ninh

nhân dân, năm 2009; "*Nâng cao hiệu quả công tác bắt trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai hiện nay*" của tác giả Hoàng Quốc Cảnh, Học viện An ninh nhân dân năm 2009; "*Hoạt động lấy lời khai người làm chứng trong điều tra các vụ án hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân trong tình hình hiện nay*" của tác giả Nguyễn Văn Quyền, Học viện An ninh nhân dân năm 2010; "*Nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập chứng cứ trong các vụ án do Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình thụ lý*" của tác giả Lương Thị Thanh Thủy, Học viện An ninh nhân dân năm 2010.

Ngoài ra, còn một số công trình nghiên cứu thuộc nhóm này dưới dạng sách chuyên khảo, đề tài khoa học như: sách chuyên khảo "*Hỏi cung bị can phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay*", tác giả Lê Minh Hùng, năm 2005; đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "*Điều tra vụ án xâm phạm ANQG có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*" của tác giả Phạm Thành Hương, Hà Nội 2009; đề tài cấp bộ "*Quyết định chiến thuật trong điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*" của tác giả Nguyễn Quý Khoát, năm 2013; "*Những vấn đề lý luận chiến thuật đặc tình trại tạm giam trong công tác điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay*", Lê Minh Hùng, đề tài cấp bộ, năm 2006; đề tài cấp cơ sở "*Giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng pháp luật trong khởi tố, điều tra các tội xâm phạm an ninh quốc gia của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai*" của tác giả Phạm Đắc Thiện, Trường Cao đẳng An ninh nhân dân II, năm 2014.

- Nhóm công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG có ý nghĩa cho công tác điều tra trinh sát của lực lượng an ninh

Ở cấp độ luận án tiến sĩ, có các công trình nghiên cứu sau: "*Hoạt động xâm phạm ANQG trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài - Thực trạng và giải pháp*" của tác giả Bùi Trung Thành, năm 2001; "*Hoạt động xâm phạm ANQG của người Mỹ lâm thời nhập cảnh Việt Nam và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh của cơ quan an ninh*", tác giả Lê Văn Thắng, năm 2007; "*Đấu tranh chống hoạt động lợi dụng Đạo Thiên chúa xâm phạm an ninh quốc gia ở địa bàn tỉnh Ninh Bình - Thực trạng và giải pháp*", tác giả Đinh Vạn Phần, năm 2007; "*Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống khủng bố của lực lượng Công an trong tình hình hiện nay*", tác giả Tạ Văn Roan, 2009.

Các luận văn thạc sĩ nghiên cứu về vấn đề này gồm có: "*Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của người nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh - Giải pháp phòng ngừa và ngăn chặn*", tác giả Nguyễn Mạnh Tường, năm 1999; "*Hoạt động tập hợp lực lượng thành lập tổ chức chống chính quyền nhân dân của các thế lực thù địch ở vùng dân tộc Chăm nước ta và công tác đấu tranh của cơ quan an ninh trong tình hình hiện nay*", tác giả Huỳnh Huệ, năm 1999; "*Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa bạo loạn của cơ quan an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong tình hình mới*", tác giả Vũ Thị Kiều Oanh, năm 2008; "*Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống khủng bố tại địa bàn Cảng hàng không quốc tế Nội Bài của lực lượng an ninh*", tác giả Hoàng Thanh Tùng, năm 2008; "*Vận dụng chiến thuật trinh sát trong đấu tranh chống gián điệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*", Trần Xuân Hợp, năm 2010; "*Đấu tranh với hoạt động khủng bố của các tổ chức phản động lưu vong người Việt ở Mỹ trong tình hình hiện nay*", tác giả Ngô Bích Thủy, năm 2010; "*Phòng, chống hoạt động phá rối an ninh ở vùng dân tộc Chăm tỉnh Ninh Thuận hiện nay*", tác giả Phạm Huy Thành, năm 2010; "*Công tác phòng, chống âm mưu, hoạt động phá rối an ninh, bạo loạn trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong tình hình hiện nay*", tác giả Nguyễn Tuấn Anh, năm 2011.

Các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc nhóm này bao gồm: Đề tài cấp Bộ "*Tình trạng đảng viên hoạt động phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia và giải pháp phòng ngừa, đấu tranh của cơ quan an ninh*" của tác giả Bùi Trung Thành, Học viện An ninh nhân dân, năm 2009; đề tài cấp Bộ "*Vận dụng biện pháp pháp luật xử lý các đối tượng có nhân thân đặc biệt hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia*" của tác giả Nguyễn Văn Hiến, Trường Đại học An ninh nhân dân, 2014; đề tài cấp cơ sở "*Thực trạng cán bộ đảng viên hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước CHXHCN Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội và công tác phòng ngừa của lực lượng bảo vệ an ninh nội bộ*", Nguyễn Thị Thu Thủy, năm 2008; "*Hoạt động lợi dụng tổ chức "Quỹ dân chủ quốc gia" xâm phạm an ninh quốc gia và công tác đấu tranh của cơ quan an ninh*", đề tài cấp cơ sở, tác giả Nguyễn Đức Chiến, năm 2008; "*Công tác phòng ngừa, đấu tranh của cơ quan an ninh đối với hội, nhóm bất hợp pháp hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia trên địa bàn Hà Nội*", đề tài cấp cơ sở, Nguyễn Đức Chiến, năm 2009; đề tài cấp cơ sở "*Biện pháp pháp luật trong đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của người nước ngoài nhập cảnh*

*theo danh nghĩa lâm thời tại địa bàn thành phố Hà Nội” của tác giả Nguyễn Hữu Nam, năm 2012.*

Các công trình nghiên cứu tiếp cận từ góc độ khoa học nghiệp vụ an ninh trên cơ sở làm rõ những đặc điểm tội phạm học của các tội xâm phạm ANQG từ đó nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nghiệp vụ để phòng ngừa, đấu tranh với các tội phạm này.

Thông qua việc khảo sát các công trình nghiên cứu trong nước có liên quan đến đề tài luận án, có thể thấy rằng số lượng các công trình nghiên cứu có liên quan đến các tội xâm phạm ANQG là rất lớn. Phạm vi đối tượng nghiên cứu trong các công trình nói trên chủ yếu theo các hướng sau: nghiên cứu về đặc điểm pháp lý hình sự của các tội xâm phạm ANQG; nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm ANQG trong một khoảng thời gian cụ thể, thậm chí chỉ nghiên cứu về tình hình một tội trong nhóm các tội xâm phạm ANQG.

## **1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài**

Phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG là một trong những vấn đề cơ bản, quan trọng, thể hiện rõ nét đường lối, chủ trương, chính sách của mỗi quốc gia nên luôn được các nhà nghiên cứu trên thế giới và trong nước quan tâm, nghiên cứu dưới các khía cạnh và mức độ khác nhau. Mặc dù vậy, do ANQG là vấn đề hệ trọng, là lĩnh vực chứa đựng những yếu tố bí mật, thậm chí có liên quan đến quan điểm chính trị, đường lối đối ngoại của mỗi quốc gia cho nên đến nay, các công trình khoa học nghiên cứu về lĩnh vực ANQG nói chung, các tội xâm phạm ANQG nói riêng ít có sự hợp tác, trao đổi trên phạm vi quốc tế. Vì vậy, nguồn tài liệu ở nước ngoài về các tội xâm phạm ANQG còn rất hạn chế và tản mạn. Hơn nữa, quan điểm và các giải pháp về các vấn đề có liên quan đến các tội xâm phạm ANQG của các nước rất khác nhau nên khả năng nghiên cứu, ứng dụng lý luận của thế giới vào điều kiện thực tế ở Việt Nam cũng không nhiều.

Trước hết là các công trình nghiên cứu lý luận phòng ngừa tội phạm nói chung.

Có khá nhiều công trình khoa học nghiên cứu về lý luận phòng ngừa tội phạm như:

Giáo trình “*Tội phạm học – Giáo trình cho các trường đại học*”, Nhà xuất bản Thông tin pháp lý, năm 2006 của tác giả Malkova đã đề cập đến vấn đề cơ bản nhất phòng ngừa tội phạm như: định nghĩa phòng ngừa tội phạm – được hiểu là

ngăn ngừa trước không để cho tội phạm xảy ra, nội dung phòng ngừa tội phạm, các nguyên tắc trong phòng ngừa tội phạm, các chủ thể trong phòng ngừa tội phạm. Đặc biệt, trong các biện pháp phòng ngừa tội phạm, tác giả đã nhấn mạnh đến các biện pháp tác động vào nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nhằm ngăn ngừa không cho tội phạm xảy ra. Tuy nhiên, bên cạnh đó, tác giả cũng thừa nhận những biện pháp mang tính cưỡng chế nhà nước được áp dụng như là biện pháp phòng ngừa tội phạm. Có thể thấy những vấn đề lý luận về phòng ngừa tội phạm được đề cập trong công trình nghiên cứu này có nội dung khá đồng nhất với các giáo trình Tội phạm học ở Việt Nam.

Sách *“Tội phạm và tội phạm học ở Nhật Bản”* của tác giả Can Ueda do GS, TS Nguyễn Xuân Yêm và TS Hồ Trọng Ngũ dịch từ nguyên bản tiếng Nga của Nxb Tiến bộ, Moscow, năm 1989, tác giả đã tập trung vào việc xác định nội dung cơ bản của các biện pháp đấu tranh chống tội phạm, trong đó Can Ueda đã nhấn mạnh toàn bộ các chính sách xã hội, trong đó có cả chính sách kinh tế và văn hóa là những biện pháp đấu tranh chống tội phạm. Chủ thể của hoạt động phòng, chống tội phạm theo tác giả, bao gồm cả các nhà khoa học – bên cạnh chủ thể là các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội. Bên cạnh việc áp dụng hình phạt tử hình, các biện pháp nhằm tái hòa nhập xã hội cũng được đề cập đến.

Trong quyển *“Criminology”*, Nxb Mcgraw – Hill, New York, năm 1991 của các tác giả Freda Adler, Gerhard O.W.Mueller and William S.Laufer, có thể thấy biện pháp phòng ngừa tội phạm được nhắc tới với những học thuyết cụ thể. Trên nền tảng tiếp cận các vấn đề cơ bản của Tội phạm học và các vấn đề của Tội phạm học hiện đại, các tác giả đã khái quát các học thuyết của tội phạm học trong lịch sử và trong mỗi học thuyết, các tác giả đã đề cập đến quan điểm của các nhà Tội phạm học tiêu biểu cho từng trường phái và các biện pháp phòng ngừa tương ứng. Những biện pháp phòng ngừa tương ứng với các học thuyết này là tài liệu tham khảo quan trọng khi nghiên cứu sinh tổng hợp, xây dựng lý luận phòng ngừa tội phạm cũng như khi đề ra các giải pháp phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG.

Liên quan đến đề tài luận án, có thể kể đến một số công trình nghiên cứu trên thế giới đã được công bố sau:

Sách *“Trách nhiệm hình sự với các tội quốc sự” (1988) của S.V. Diakov, A.A. Igonatrep, M.P Karpusin.* Đây là công trình có giá trị tham khảo lớn trong việc xác

định phạm vi các quan hệ xã hội cấu thành ANQG và những hành vi gây nguy hại cho an ninh quốc gia đến mức độ tội phạm. Tuy nhiên, công trình này vẫn chưa giải quyết hết những vấn đề lý luận riêng về các tội xâm phạm ANQG.

Sách “*Tính nguyên nhân trong tội phạm học*” của tác giả Kudriavsev, Nhà xuất bản sách pháp lý, Mátxcova năm 1974. Cuốn sách này đề cập đến một khía cạnh của tội phạm học là nguyên nhân của THTP. Tác giả đã đưa ra những lập luận để chỉ ra rằng: nguyên nhân là một trong những đặc tính của tội phạm học, đồng thời chỉ ra những lý luận cơ bản về nguyên nhân của THTP. Đây là công trình có ý nghĩa tham khảo trong quá trình nghiên cứu phương pháp luận về nguyên nhân của THTP, phục vụ cho việc định hướng xác định nguyên nhân của tình hình tội phạm xâm phạm ANQG. Tuy nhiên, công trình này mới chỉ giải quyết được một phần lý luận về nguyên nhân của tình hình tội phạm phục vụ cho việc nghiên cứu luận án.

Sách “*Nghiên cứu lý luận và phân tích tình hình tội phạm ản*” do tác giả Inshakov chủ biên, xuất bản tại Mátxcova năm 2011. Cuốn sách này là một công trình khoa học có giá trị bởi nó không chỉ cung cấp cho người đọc những lý luận về tình hình tội phạm ản mà còn chỉ ra cách thức, quy trình phân tích, đánh giá THTP ản. Đây là công trình tham khảo có ý nghĩa trong quá trình tác giả lựa chọn định hướng lý luận và phương pháp phân tích tình hình ản của các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam.

Như vậy, các công trình nghiên cứu trên thế giới có liên quan đến các tội xâm phạm ANQG không nhiều. Các nghiên cứu cũng chủ yếu tập trung vào việc mô tả đặc điểm các tội xâm phạm ANQG. Các đặc điểm này gắn với chế độ chính trị và truyền thống văn hóa pháp lý của mỗi quốc gia. Một số nghiên cứu cũng chỉ ra nguyên nhân làm phát sinh các tội xâm phạm ANQG. Qua các công trình này, chúng ta rút ra được nhiều bài học và kinh nghiệm quý báu của pháp luật hình sự các nước trên thế giới, từ đó nghiên cứu vận dụng vào điều kiện thực tiễn ở nước ta trong hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội xâm phạm ANQG, về cách thức phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam sao cho phù hợp với tình hình thực tế của đất nước.

### **1.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án**

#### **1.3.1. Đánh giá các kết quả nghiên cứu đã đạt được**

Qua nghiên cứu các tài liệu, công trình có liên quan đến đề tài nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ trước đến nay trên thế giới cũng như ở

Việt Nam mà tác giả tiếp cận được, tác giả xin đưa ra một vài đánh giá về những kết quả nghiên cứu trước đây đã đạt được:

*\* Về tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam*

- Kết quả nghiên cứu của các công trình trên đã giải quyết một số nội dung có ý nghĩa cho việc nghiên cứu luận án của tác giả như: chỉ ra đặc điểm của các tội xâm phạm ANQG, một số đặc điểm về nhân thân của các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG. Đây là những nội dung quan trọng để tác giả có thể kế thừa và phát triển khi nghiên cứu về thông số cơ cấu của THTP xâm phạm ANQG ở Việt Nam.

- Các nghiên cứu đã làm rõ tình hình một số tội trong nhóm các tội xâm phạm ANQG như: tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79 Bộ luật hình sự), tội gián điệp (Điều 80 Bộ luật hình sự), Tội bạo loạn (Điều 82 Bộ luật hình sự), tội phá hoại cơ sở vật chất kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 85 Bộ luật hình sự), tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 88 Bộ luật hình sự). Các nghiên cứu này đã đưa ra những số liệu về số vụ, số người phạm từng tội trong nhóm các tội xâm phạm ANQG, từ đó đánh giá mức độ, cơ cấu, tính chất của mỗi loại tội phạm này.

- Một số nghiên cứu cũng đề cập đến tình hình các tội xâm phạm ANQG nói chung, trong đó chủ yếu tập trung phân tích diễn biến của loại tội phạm này qua một khoảng thời gian nhất định, từ đó khẳng định các tội xâm phạm ANQG tăng, giảm không đều. Trong sự so sánh với các nhóm tội phạm khác, các tác giả có cùng nhận định rằng nhóm các tội xâm phạm ANQG chiếm tỉ lệ thấp trong cơ cấu các tội phạm nói chung xảy ra ở Việt Nam.

- Một số nghiên cứu đề cập đến tình hình các tội xâm phạm ANQG xảy ra trên địa bàn một tỉnh, khu vực. Cùng với các số liệu phản ánh tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tác giả đã phân tích đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của các tỉnh, địa bàn được nghiên cứu và chỉ ra rằng các tội xâm phạm ANQG xảy ra có những đặc điểm, tính chất gắn liền với mỗi tỉnh, khu vực đó.

- Lịch sử lập pháp hình sự của các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam cũng được các tác giả đề cập trong các công trình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã chỉ rõ tình hình chính trị, kinh tế, xã hội mang tính đặc trưng của từng giai đoạn lịch sử có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình các tội xâm phạm ANQG trong mỗi thời kỳ đó.



Từ đó lý giải một cách thấu đáo diễn biến của các tội xâm phạm ANQG gia trong một khoảng thời gian nhất định.

- Một số nghiên cứu làm rõ thực trạng đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG của lực lượng công an, trong đó chủ yếu tập trung đề cập đến những thành tựu và những điểm hạn chế, thiếu sót của lực lượng an ninh trong công tác phòng, chống loại tội phạm này.

- Một số nghiên cứu đề cập đến thực trạng của các hoạt động của các lực lượng chuyên trách trong công tác phòng, chống các tội xâm phạm ANQG như: Công tác bắt, tạm giữ, tạm giam hay áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với các đối tượng xâm phạm ANQG; hoạt động điều tra các tội xâm phạm ANQG; hoạt động lấy lời khai người làm chứng trong các tội xâm phạm ANQG; quá trình chứng minh các vụ án xâm phạm ANQG.

*\* Về nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam*

- Một số nghiên cứu đã chỉ ra nguyên nhân của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hoặc nguyên nhân của một tội trong nhóm các tội xâm phạm ANQG. Do lý luận về nguyên nhân và điều kiện của THTP ở Việt Nam còn chưa thống nhất đã dẫn đến tình trạng các công trình nghiên cứu đã lựa chọn những cách tiếp cận nguyên nhân và điều kiện của THTP khác nhau. Mặc dù vậy, những nguyên nhân chủ yếu của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam cũng đã được các tác giả tập trung làm rõ một phần, đánh giá trên một số lĩnh vực nhất định.

*\* Về giải pháp phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam*

Nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập đến những giải pháp phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hoặc trên địa bàn một tỉnh, một khu vực nhất định. Cũng có công trình đưa ra những giải pháp phòng ngừa một loại tội cụ thể trong nhóm các tội xâm phạm ANQG. Các giải pháp phòng ngừa tập trung vào một số hướng như: tiếp tục đổi mới và thực hiện có hiệu quả các chính sách kinh tế - xã hội; tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ ANQG; tuyên truyền, phát động toàn dân tích cực tham gia phòng, chống các tội xâm phạm ANQG; kiện toàn công tác tổ chức cán bộ, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực; tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật, nhất là lực lượng Công an trong việc phát hiện, xử lý các tội xâm phạm ANQG. Các giải pháp phòng ngừa trên là định hướng và là nguồn kế

thừa lớn cho các công trình khoa học sau này nhằm đề xuất và đưa ra các giải pháp phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam một cách sát thực và hiệu quả.

### ***1.3.2. Những vấn đề đặt ra nghiên cứu trong luận án***

Do những hạn chế nhất định về thời gian hoặc do giới hạn phạm vi nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu khác nhau mà những công trình trên vẫn chưa trình bày một cách có hệ thống và toàn diện về thực trạng quy định của pháp luật hình sự đối với các tội xâm phạm ANQG qua các thời kỳ lịch sử cũng như tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam. Từ đó, đặt ra cho nghiên cứu sinh những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu khi lựa chọn đề tài "Các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa". Cụ thể là:

#### ***\* Về tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam***

- Một số nghiên cứu đã đề cập đến lịch sử lập pháp hình sự có liên quan đến các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam, song việc tiếp cận chỉ đơn thuần là kể tên và nêu nội dung các văn bản pháp luật quy định về các tội xâm phạm ANQG qua chiều dài lịch sử mà chưa có sự đánh giá cụ thể về những ưu, nhược điểm của việc quy định này. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra cho luận án là: trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu trên, tác giả phân tích một cách khoa học các quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm ANQG và lý giải về những thay đổi gắn với từng thời kỳ lịch sử. Đặc biệt, đối với pháp luật hình sự hiện hành, tác giả sẽ chỉ ra những vướng mắc cả về lý luận và thực tiễn khi áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm ANQG.

- Có rất nhiều công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam song cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên biệt dưới góc độ tội phạm học. Do đó, mặc dù các số liệu về số vụ, số người phạm tội được sử dụng để đánh giá về thực trạng các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam song hầu hết mới làm rõ được thông số về mức độ, diễn biến của THTP này. Thực tế này đặt ra yêu cầu đối với tác giả khi lựa chọn các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam làm đối tượng nghiên cứu của luận án sẽ phải làm rõ các thông số khác của THTP xâm phạm ANQG (cơ cấu, tính chất của tội phạm).

- Thông số về tội phạm ẩn đối với các tội xâm phạm ANQG là vấn đề hoàn toàn mới mẻ mà cho đến nay chưa có bất cứ một công trình khoa học nào đề cập đến. Từ thực tế đó, luận án sẽ tập trung nghiên cứu và đánh giá một cách khách quan, toàn diện về THTP ẩn đối với các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam.

*\* Về nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam*

Do lý luận về nguyên nhân và điều kiện của THTP chưa có sự thống nhất nên các công trình nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam cũng chưa có sự đồng nhất.

Để giải quyết tình trạng này, luận án sẽ đưa ra định hướng về việc tiếp cận lý luận về nguyên nhân và điều kiện của THTP nói chung, dựa vào đó sẽ xác định chính xác, thấu đáo các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay. Dựa trên định hướng lý luận đã lựa chọn, tác giả sẽ tiếp cận để phân tích các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay theo các lĩnh vực cụ thể như: chính trị, kinh tế, xã hội, tâm lý, pháp luật, tổ chức, quản lý.

*\* Về các giải pháp phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam*

Do các nghiên cứu trước đây tiếp cận các tội xâm phạm ANQG dưới những góc độ nhất định như: hoạt động xâm phạm ANQG của một loại chủ thể nhất định, hoạt động xâm phạm ANQG trên một địa bàn tỉnh, một khu vực nhất định, một hoạt động cụ thể trong chuỗi hoạt động xâm phạm ANQG, hoạt động xâm phạm ANQG trong một tội phạm cụ thể thuộc nhóm các tội xâm phạm ANQG cho nên các giải pháp phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam chưa được đề cập đến một cách toàn diện, hiệu quả.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG hầu hết là của các sản phẩm khoa học của Học viện an ninh nhân dân và Đại học An ninh nhân dân. Do đó, định hướng nghiên cứu của các công trình này chủ yếu nhằm vào các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ mang tính chuyên biệt của lực lượng an ninh. Chính vì vậy, trong luận án của mình tác giả sẽ tập trung vào các biện pháp phòng ngừa chung – mảng biện pháp phòng ngừa hiện còn chưa có sự nghiên cứu một cách thấu đáo.

## Kết luận Chương 1

Phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG là một trong những vấn đề cơ bản, quan trọng, thể hiện đường lối, chủ trương, chính sách của mỗi quốc gia nên luôn được các nhà nghiên cứu trên thế giới và trong nước quan tâm, nghiên cứu dưới các khía cạnh và mức độ khác nhau. Tuy nhiên, do đây là một vấn đề hệ trọng, “nhạy cảm” nên đến nay vẫn chưa có cá nhân, tổ chức nào nghiên cứu một cách hệ thống, sâu sắc và toàn diện. Kết quả nghiên cứu trong Chương 1 của luận án đã xác định:

*Thứ nhất*, đối với các công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG ở trong nước, tác giả đã thống kê, phân tích làm rõ những nội dung cơ bản liên quan đến các tội xâm phạm ANQG được phản ánh qua các công trình này qua các góc độ nghiên cứu của khoa học Luật Hình sự, khoa học Luật Tố tụng hình sự, khoa học luật thi hành án hình sự, khoa học tội phạm học, khoa học nghiệp vụ an ninh.

*Thứ hai*, đối với các công trình nghiên cứu về các tội xâm phạm ANQG ở nước ngoài, do ANQG là vấn đề có liên quan đến quan điểm chính trị, đường lối đối ngoại của mỗi quốc gia cho nên đến nay, các công trình khoa học nghiên cứu về lĩnh vực này ít có sự hợp tác, trao đổi trên phạm vi quốc tế. Vì vậy, nguồn tài liệu ở nước ngoài về các tội xâm phạm ANQG còn rất hạn chế và tản mạn. Hơn nữa, quan điểm và các giải pháp về các vấn đề có liên quan đến các tội xâm phạm ANQG của các nước rất khác nhau nên khả năng nghiên cứu, ứng dụng lý luận của thế giới vào điều kiện thực tế ở Việt Nam cũng không nhiều.

*Thứ ba*, đánh giá các kết quả nghiên cứu đã đạt được, trong đó khẳng định các công trình nghiên cứu mới chỉ mang tính chất bao quát ở phương diện lý luận hoặc thực tiễn hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung hoặc phòng ngừa tội phạm cụ thể khác mà không phải là các tội xâm phạm ANQG. Cũng có nhiều công trình khoa học chọn đối tượng nghiên cứu là các tội xâm phạm ANQG nhưng lại không đề cập sâu đến hoạt động phòng ngừa tình hình loại tội phạm này.

*Thứ tư*, chỉ ra được các định hướng cần được tiếp tục nghiên cứu trong luận án. Cụ thể là làm rõ tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay theo lý luận của tội phạm học, phân tích một cách có toàn diện các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay, đồng thời hệ thống hóa các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm này trong thời gian tới.

## Chương 2

### TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

#### **2.1. Những vấn đề lý luận có liên quan đến tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay**

##### ***2.1.1. Khái quát về các tội xâm phạm an ninh quốc gia***

Xâm phạm ANQG là những hoạt động gây nguy hại đến sự ổn định, vững mạnh về chính trị, kinh tế, xã hội và chủ quyền của quốc gia. Vì vậy, ngay từ khi giành được chính quyền, Đảng và Nhà nước ta đã đặt sự quan tâm hàng đầu với loại tội phạm này, thể hiện bằng việc ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định mức hình phạt nghiêm khắc đối với những người có hành vi xâm phạm ANQG như: Sắc lệnh số 21 ngày 14/2/1946, Sắc lệnh số 151 ngày 12/4/1953, Sắc lệnh số 133 ngày 20/1/1955... Đặc biệt, ngày 27/6/1985, Quốc hội đã thông qua Bộ luật Hình sự, trong đó dành một chương trong phần các tội phạm quy định về các tội xâm phạm ANQG (từ Điều 72 đến Điều 100). BLHS năm 1999 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 21/12/1999 tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa X cũng dành Chương XI quy định về các tội xâm phạm ANQG. Theo BLHS năm 1999, các tội xâm phạm về ANQG bao gồm 14 tội danh cụ thể, được quy định từ Điều 78 đến Điều 91 BLHS.

Khoản 1 Điều 3 Luật An ninh quốc gia năm 2004 quy định: “*An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.*” Khoản 3 Điều 3 Luật ANQG năm 2004 cũng quy định: “*Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia là những hành vi xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*” Từ đó, khái niệm các tội xâm phạm ANQG có thể hiểu như sau:

Các tội xâm phạm ANQG là những hành vi xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam; đe dọa sự ổn định,

phát triển bền vững của chế độ XHCN và Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Khái niệm các tội xâm phạm ANQG nêu trên thể hiện các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội xâm phạm ANQG, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để phân biệt các tội xâm phạm ANQG với các tội phạm khác. Cụ thể là:

*Về khách thể*, các tội xâm phạm ANQG xâm hại các quan hệ xã hội đảm bảo sự tồn tại, ổn định và phát triển vững mạnh của chính quyền nhân dân. Đó là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ chính trị, quốc phòng, an ninh.

*Về mặt khách quan*, hành vi khách quan của loại tội phạm này được thể hiện thông qua việc thực hiện các hành vi khác nhau như: câu kết với nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân, thu thập tình báo, phá hoại, gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại, bạo loạn, hoạt động phi, khủng bố, phá hoại cơ sở vật chất, kỹ thuật của nước CHXHCN Việt Nam; phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế xã hội, phá hoại chính sách đoàn kết; tuyên truyền chống phá nhà nước CHXHCN Việt Nam, phá rối an ninh, chống phá trại giam, trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài... nhằm chống chính quyền nhân dân.

*Về mặt chủ quan*, các hành vi xâm phạm ANQG đều được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích nhằm lật đổ hoặc làm suy yếu chính quyền nhân dân. Mục đích là dấu hiệu đặc trưng, bắt buộc đối với loại tội phạm này.

*Về chủ thể* của các tội xâm phạm ANQG là những người từ đủ 14 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự, bao gồm cả công dân Việt Nam, người nước ngoài, người không quốc tịch.

So với các loại tội phạm khác thì các tội xâm phạm về ANQG tương đối ổn định về hành vi và hình phạt. Các tội xâm phạm ANQG có số lượng ít hơn nhưng tính chất và hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, đe dọa đến sự ổn định và vững mạnh của chính quyền nhân dân. Cấu thành tăng nặng và cấu thành giảm nhẹ của tội phạm này được xây dựng trên cơ sở vai trò của người phạm tội: Người tổ chức, người xúi giục, người hoạt động đặc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng là những tình tiết định khung tăng nặng hình phạt, còn người đồng phạm khác là tình tiết định khung giảm nhẹ hình phạt.

So sánh tổng thể 20 tội danh có khung hình phạt cao nhất là tử hình được quy định trong BLHS năm 1999, nhóm tội xâm phạm ANQG có tỷ lệ hình phạt tử hình rất cao (7/14 tội). Điều đó cho thấy bảo vệ ANQG là nhiệm vụ hết sức quan trọng và thể hiện chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước ta cương quyết nghiêm trị các phần tử chống phá cách mạng, xâm phạm ANQG.

Ngoài hình phạt chính còn có các hình phạt bổ sung như: Tước một số quyền công dân, quản chế, cấm cư trú từ 1 đến 5 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hình phạt bổ sung được quy định ở một điều luật riêng biệt và có thể được áp dụng cho tất cả các tội xâm phạm ANQG.

### ***2.1.2. Những vấn đề lý luận về tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia***

#### ***\* Khái niệm tình hình các tội xâm phạm ANQG***

THTP là khái niệm cơ bản đầu tiên của khoa học tội phạm học. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn tồn tại rất nhiều quan niệm khác nhau khi tiếp cận nghiên cứu khái niệm này. Chúng tôi nhất trí với quan điểm của GS, TS Võ Khánh Vinh khi đưa ra khái niệm về THTP như sau: *“Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội, pháp lý - hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính chất giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội phạm thực hiện trong một xã hội (quốc gia) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định”* [107, tr.60].

Từ cách tiếp cận trên đồng thời dựa vào đặc điểm các tội xâm phạm ANQG là một nhóm tội phạm xâm phạm các quan hệ xã hội có cùng tính chất, có thể khái quát tình hình các tội xâm phạm ANQG như sau:

Tình hình các tội xâm phạm ANQG là một khái niệm của tội phạm học dùng để chỉ tổng thể các tội phạm cụ thể xâm phạm ANQG xảy ra trong một không gian (một quốc gia, một khu vực, một vùng, ...) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định.

Trên cơ sở phạm vi nghiên cứu của luận án, có thể thấy tình hình các tội xâm phạm ANQG được đề cập đến chính là tổng thể các tội xâm phạm ANQG xảy ra trong phạm vi cả nước từ năm 2006 đến năm 2015.

Tình hình các tội xâm phạm ANQG là khái niệm được hình thành từ tổng thể thống nhất các tội xâm phạm ANQG đã được thực hiện trong xã hội. Cũng như THTP nói chung, tình hình các tội xâm phạm ANQG cũng được thể hiện qua phần hiện và phần ẩn.

*\* Lý luận về phần hiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG*

Phần hiện của THTP là phần tội phạm đã bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý và có trong thống kê hình sự. Các số liệu liên quan đến phần hiện của THTP được phản ánh thông qua các thông số của THTP.

Theo quan điểm của GS, TS Võ Khánh Vinh: *“Sự thống nhất biện chứng của tất cả các yếu tố cấu thành tình hình tội phạm biểu hiện ở các thông số (đặc điểm) về lượng và cả thông số (đặc điểm) về chất của nó. Tất cả các thông số về lượng và về chất của tình hình tội phạm cũng ở trong sự thống nhất biện chứng. Sự thay đổi của một trong những thông số đó ở dạng tổng thể hay dạng từng phần đều dẫn đến sự thay đổi của tình hình tội phạm nói chung”* [107, tr60]

Dựa trên cách xác định đó, theo GS, TS Võ Khánh Vinh, những thông số về lượng của THTP là thực trạng (mức độ) và động thái (diễn biến); những thông số về chất của THTP là cơ cấu và tính chất.

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với cách tiếp cận trên và từ đó khẳng định tình hình các tội phạm xâm phạm ANQG bộc lộ bản chất thông qua những thông số phản ánh về lượng và chất của nó, trong đó các thông số phản ánh mặt định lượng của các tội xâm phạm ANQG được biểu thị bằng các khái niệm thực trạng (mức độ) và động thái (diễn biến) của tình hình các tội xâm phạm ANQG, còn các thông số phản ánh mặt định tính của các tội xâm phạm ANQG được biểu thị bằng các khái niệm cơ cấu, tính chất của tình hình các tội xâm phạm ANQG. Như vậy, thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình các tội xâm phạm ANQG hợp thành nội dung cơ bản của tình hình đó.

Thực trạng (mức độ) của tình hình các tội xâm phạm ANQG là số lượng các tội phạm xâm phạm ANQG đã được thực hiện và những người thực hiện các tội phạm đó trên một địa bàn nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định. Thực trạng của tình hình các tội xâm phạm ANQG không chỉ được đánh giá theo số lượng chung của các tội phạm đã được thực hiện mà còn được đánh giá theo số lượng từng tội phạm cụ thể xâm phạm ANQG, theo tỷ trọng của chúng trong tổng số các tội phạm nói chung.

Động thái (diễn biến) của tình hình các tội xâm phạm ANQG là sự vận động, sự thay đổi của thực trạng và cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm ANQG trong một khoảng thời gian nhất định (một năm, hai năm, năm năm, mười năm, ...). Động



thái của tình hình các tội xâm phạm ANQG chịu sự tác động, ảnh hưởng của hai loại nhân tố. Loại nhân tố thứ nhất là các nguyên nhân và điều kiện của THTP, cơ cấu nhân chủng học của dân cư và các quá trình, hiện tượng xã hội khác ảnh hưởng đến tình hình các tội xâm phạm ANQG. Loại nhân tố thứ hai là những thay đổi của pháp luật hình sự có liên quan đến việc mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi trừng trị bằng hình sự đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội. Bức tranh thống kê về động thái của tình hình các tội xâm phạm ANQG cũng gắn liền với hiệu quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, với việc làm sáng tỏ và đăng ký kịp thời các tội phạm đã được thực hiện, với việc điều tra chúng, việc kết án những người phạm tội, bảo đảm tính không thoát khỏi của hình phạt.

Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm ANQG là tỷ trọng và mối tương quan của các loại tội xâm phạm ANQG khác nhau trong số lượng chung của chúng trong một khoảng thời gian nhất định và ở một không gian nhất định. Các chỉ số về cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm ANQG cho thấy đặc điểm lượng - chất của tính nguy hiểm cho xã hội của tình hình các tội xâm phạm ANQG. Điều đó có ý nghĩa rất cơ bản đối với việc tổ chức phòng ngừa và giúp cho việc định hướng chính cần tập trung trong công tác đấu tranh với tình hình các tội xâm phạm ANQG.

Tính chất của tình hình các tội xâm phạm ANQG thể hiện ở số lượng các tội xâm phạm ANQG có mức độ nguy hiểm đặc biệt cho xã hội (những tội có khung hình phạt cao nhất là tử hình) trong cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm ANQG, cũng như ở các đặc điểm nhân thân của những người thực hiện tội phạm. Tính chất của tình hình các tội xâm phạm ANQG được làm sáng tỏ thông qua cơ cấu của nó.

Cơ cấu, tính chất của tình hình các tội xâm phạm ANQG có thể thay đổi tùy thuộc vào các đặc điểm cụ thể của từng giai đoạn phát triển của xã hội. Chúng có thể không giống nhau ở những không gian khác nhau.

*\* Lý luận về phần ẩn của tình hình các tội xâm phạm ANQG*

Vấn đề tội phạm ẩn lâu nay chưa được quan tâm, thậm chí trong nhiều trường hợp, các cơ quan chức năng còn né tránh vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Đây là một sự thiếu hụt nghiêm trọng công cụ phòng, chống tội phạm nói chung và các tội xâm phạm ANQG nói riêng. Dựa vào nguyên lý nhận thức luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, căn cứ theo lý luận chung về THTP ở Việt Nam và qua thực tiễn phòng, chống tội phạm ở nước ta cho thấy chắc chắn còn có một phần ẩn của THTP.

Để tiếp cận lý luận phục vụ cho việc đánh giá phần ẩn của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi đồng tình với quan điểm của PGS, TS Phạm Văn Tinh: *“Tình hình tội phạm ẩn là tổng quát những hành vi phạm tội cùng các chủ thể của những hành vi đó thực tế đã được thực hiện vào một khoảng thời gian nhất định và trong một vùng hành chính – lãnh thổ nhất định mà chưa bị các cơ quan chức năng phát hiện, chưa bị xử lý hình sự hoặc không có trong thống kê hình sự”* [111, tr.35].

Như vậy, số liệu của các cơ quan chức năng đưa vào thống kê hình sự các tội xâm phạm ANQG chỉ là một phần trong số các tội xâm phạm ANQG thực sự đã xảy ra, còn một phần các tội xâm phạm ANQG đã được thực hiện nhưng vì nhiều lý do khác nhau đã không bị phát hiện, chưa bị xử lý hình sự hoặc chưa được đưa vào thống kê hình sự, đó chính là phần ẩn của tình hình các tội xâm phạm ANQG.

Độ ẩn, lý do ẩn, thời gian ẩn và vùng ẩn là các tiêu chí chung của phạm trù THPT ẩn nói chung và của tình hình ẩn của các tội xâm phạm ANQG nói riêng. Việc xác định độ ẩn của từng loại tội phạm hoặc từng nhóm tội phạm cần phải dựa vào mức độ bộc lộ của sự phạm tội và các quan hệ của nó với các chủ thể khác có liên quan như người bị hại, nhân chứng v.v...

Theo nghiên cứu của Viện Nhà nước và pháp luật, các nhà khoa học đã đưa ra mức độ ẩn của THPT có bốn cấp độ, trong đó cấp độ I là cấp các tội phạm có độ ẩn thấp nhất và cấp độ IV là cấp độ của các tội phạm có độ ẩn cao nhất [77, tr.57].

Theo PGS, TS Phạm Văn Tinh, nhóm tội phạm có độ ẩn cấp I là *“các tội phạm mà việc thực hiện nó mang tính lộ liễu cao nhất, gây ra nhiều thông tin nhất”* [80, tr.57]. Nhóm tội phạm có độ ẩn cấp độ II là *“những tội phạm mà việc thực hiện chúng không được thực hiện rõ như nhóm I, tính tích cực của người bị hại kém hơn”* [80, tr.58]. Nhóm tội phạm có độ ẩn cấp độ III là *“những tội phạm mà việc thực hiện chúng không gây ra những hiện tượng thông tin lớn, thường chỉ có hai người biết là người phạm tội và người bị hại mà phía bị hại không những không tố giác mà còn muốn giữ kín sự kiện phạm tội”* [80, tr.58]. Tội phạm có độ ẩn cấp độ IV *“rơi vào những trường hợp mà mức độ bộc lộ của sự kiện phạm tội, của hậu quả nguy hiểm cho xã hội và cả tính tích cực của phía người bị hại đều tiệm tiến đến không”* [80, tr.58]. Tuy nhiên, tiêu chí cụ thể để xác định một tội phạm ẩn ở cấp độ

nào chưa được thống nhất nên việc xác định cấp độ ẩn của tội phạm còn mang tính chủ quan.

Tóm lại, trong quá trình nghiên cứu tìm ra quy luật nội tại của tình hình các tội xâm phạm ANQG để đấu tranh phòng, chống có kết quả, không thể không sử dụng các số liệu thống kê hình sự. Những số liệu thống kê này là một công cụ cần thiết, quan trọng để nhận thức và xem xét tình hình các tội xâm phạm ANQG. Có điều trên thực tế, chỉ có một phần tội phạm xâm phạm ANQG xảy ra được các cơ quan chức năng (CQĐT, VKS, TA) phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử, được đưa vào thống kê hình sự và được gọi là phần tội phạm rõ (phần hiện). Còn một phần các tội xâm phạm ANQG khác xảy ra trên thực tế, nhưng vì nhiều lý do khác nhau mà các cơ quan chức năng chưa phát hiện được, do đó chưa đưa vào thống kê hình sự, đó là phần tội phạm ẩn. Quan hệ giữa phần tội phạm hiện và phần tội phạm ẩn là quan hệ bù trừ trong một chỉnh thể, tức là khi phần tội phạm hiện lớn thì phần tội phạm ẩn nhỏ và ngược lại. Vì vậy, cần phải hướng tới việc loại trừ, phát hiện các tội phạm ẩn, coi đây là mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của cuộc đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG.

## **2.2. Phần hiện của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay**

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương và đưa ra nhiều biện pháp chỉ đạo để tăng cường bảo vệ ANQG và trật tự an toàn xã hội đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Vì vậy, công tác đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, tình hình các tội xâm phạm ANQG ở nước ta vẫn diễn biến hết sức phức tạp và nghiêm trọng. Điều này được thể hiện ở các thông số phản ánh thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình các tội xâm phạm ANQG trong giai đoạn hiện nay.

Do số liệu liên quan đến các vụ án xâm phạm ANQG nằm trong danh mục tài liệu mật nên trong phần phân tích các thông số của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi sẽ không sử dụng con số tuyệt đối để liệt kê số vụ, số bị cáo, bị can đã phạm các tội xâm phạm ANQG mà sử dụng con số tương đối (nghĩa là trên cơ sở số liệu liên quan đến các vụ án xâm phạm ANQG đã thu thập được để tính toán chuyển sang tỉ lệ phần trăm so với tổng số vụ án hình sự, tổng số bị cáo, bị can của tất cả các tội phạm trên phạm vi toàn quốc). Chúng tôi

khẳng định cách tính toán này không ảnh hưởng đến kết quả đánh giá các thông số của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay.

### **2.2.1. Thực trạng của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia**

Theo số liệu thống kê của TAND tối cao, số vụ phạm tội xâm phạm ANQG từ năm 2006 đến năm 2015 trên toàn quốc đã đưa ra xét xử chiếm 0,04% tổng số vụ án hình sự trên phạm vi toàn quốc. Số bị cáo xâm phạm ANQG chiếm 0,05% số bị cáo bị đưa ra xét xử đối với tất cả các loại tội.

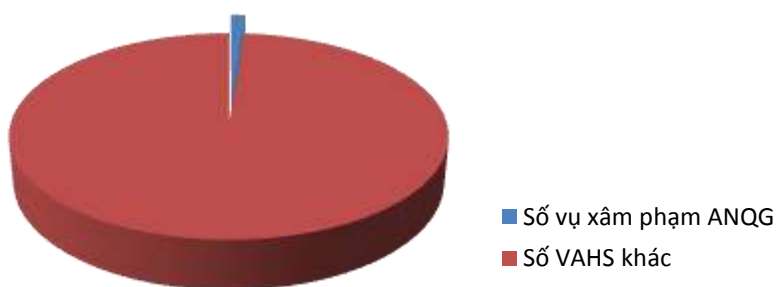
Nếu tính theo tỉ lệ số vụ phạm tội và số bị cáo xâm phạm ANQG so với tỉ lệ số vụ án hình sự và số bị cáo của tất cả các loại tội trên địa bàn cả nước từ năm 2006 đến năm 2015 cho ta các số liệu sau: Năm 2006 chiếm 0,07% số vụ với 0,09% số bị cáo; năm 2007 chiếm 0,08% số vụ với 0,08% số bị cáo; năm 2008 chiếm 0,04% số vụ với 0,05% số bị cáo; năm 2009 chiếm 0,03% số vụ với 0,04% số bị cáo; năm 2010 chiếm 0,02% số vụ với 0,02% số bị cáo; năm 2011 chiếm 0,04% số vụ với 0,05% số bị cáo; năm 2012 chiếm 0,04% số vụ với 0,05% số bị cáo; năm 2013 chiếm 0,03% số vụ với 0,06% số bị cáo; năm 2014 chiếm 0,02% số vụ với 0,04% số bị cáo; năm 2015 chiếm 0,01% số vụ với 0,01% số bị cáo. Như vậy, trong 10 năm (từ năm 2006 đến năm 2015), trung bình mỗi năm số vụ xâm phạm ANQG chiếm 0,04% tổng số VAHS của cả nước và số bị cáo xâm phạm ANQG chiếm 0,05% tổng số bị cáo trong các VAHS của cả nước.

<b>Năm</b>	<b>Số vụ (% so với tổng số các VAHS)</b>	<b>Số bị cáo (% so với tổng số bị cáo trong các VAHS)</b>
2006	0,07	0,09
2007	0,08	0,08
2008	0,04	0,05
2009	0,03	0,04
2010	0,02	0,02
2011	0,04	0,04
2012	0,04	0,05
2013	0,03	0,06
2014	0,02	0,04
2015	0,01	0,01
<b>Trung bình</b>	<b>0,04</b>	<b>0,05</b>

**Bảng 2.1. Bảng thống kê xét xử sơ thẩm hình sự các tội xâm phạm ANQG**

(Nguồn: Tác giả thống kê dựa vào số liệu xét xử sơ thẩm VAHS của TAND tối cao)

Từ bảng thống kê xét xử sơ thẩm hình sự các tội xâm phạm ANQG trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2015 trên, có thể thấy rõ hơn tình hình các tội xâm phạm ANQG qua biểu đồ cơ cấu số vụ và số bị cáo xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong tổng số VAHS và tổng số bị cáo trong các VAHS nói chung ở Việt Nam như sau:



**Biểu đồ 2.1. Cơ cấu số vụ phạm tội xâm phạm ANQG trong tổng số VAHS nói chung**

*(Nguồn: Tác giả thống kê dựa trên số liệu xét xử sơ thẩm VAHS của TAND tối cao )*



**Biểu đồ 2.2. Cơ cấu số bị cáo xâm phạm ANQG trong tổng số bị cáo trong các VAHS nói chung**

*(Nguồn: Tác giả thống kê dựa trên số liệu xét xử sơ thẩm VAHS của TAND tối cao)*

Như vậy, có thể thấy, so với tổng số VAHS cũng như tổng số bị cáo trong các VAHS nói chung ở Việt Nam trong 10 năm (từ năm 2006 đến năm 2015) thì số vụ cũng như số bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG chiếm tỷ lệ rất ít. Tuy nhiên, tính chất nghiêm trọng cũng như những ảnh hưởng tiêu cực của những vụ án này rất phức tạp cùng những phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày một tinh vi, xảo quyệt và khó phát hiện hơn.

### **2.2.2. Diễn biến của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia**

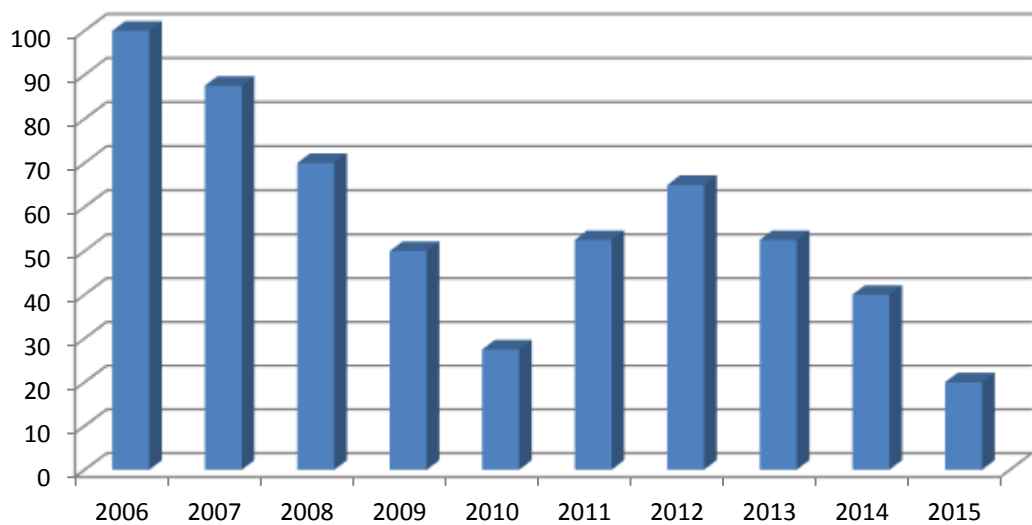
Nếu lấy mức độ tăng, giảm về số vụ, số người phạm tội xâm phạm ANQG xảy ra trên phạm vi toàn quốc của năm 2006 là 100% thì mức độ tăng, giảm hàng năm của các năm tiếp theo như sau:

<b>Năm</b>	<b>Số vụ</b>	<b>Số bị cáo</b>
2006	100%	100%
2007	87,5% (giảm 12,5%)	92,6% (giảm 7,4%)
2008	70 % (giảm 30%)	57,9% (giảm 42,1%)
2009	50% (giảm 50%)	50,5% (giảm 49,5%)
2010	27,5% (giảm 72,5%)	22,1% (giảm 77,9%)
2011	52,5% (giảm 47,5%)	45,3 % (giảm 54,7%)
2012	65% (giảm 35%)	67,4% (giảm 32,6%)
2013	52,5% (giảm 47,5%)	76,8% (giảm 23,2%)
2014	40% (giảm 60%)	58,9% (giảm 41,1%)
2015	20% (giảm 80%)	13,7% (giảm 86,3%)

**Bảng 2.2. Bảng diễn biến của tình hình các tội xâm phạm ANQG về số vụ và số bị cáo**

*(Nguồn: Tác giả thống kê dựa trên số liệu của TAND tối cao)*

Quy mô về số lượng các vụ án xâm phạm ANQG bị đưa ra xét xử sơ thẩm qua các năm 2006 đến hết năm 2015 có thể thấy rõ hơn qua biểu đồ 2.3 sau:

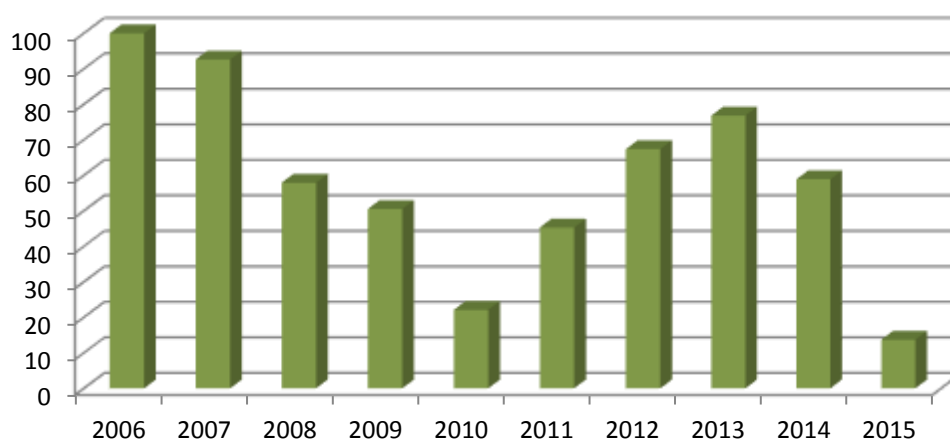


**Biểu đồ 2.3: Diễn biến số vụ xâm phạm ANQG ở Việt Nam**

*(Nguồn: Tác giả thống kê dựa trên số liệu của TAND tối cao)*

Số liệu trên cho thấy từ năm 2006 đến năm 2015, số vụ xâm phạm ANQG trong phạm vi cả nước bị đưa ra xét xử sơ thẩm có xu hướng tăng, giảm không đều. Nếu lấy năm 2006 làm mốc và số vụ phạm tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam năm 2006 là 100% thì số vụ phạm tội xâm phạm ANQG năm 2007 so với năm 2006 giảm 12,5%; năm 2008 so với năm 2006 giảm 30%; năm 2009 so với năm 2006 giảm 50%, năm 2010 so với năm 2006 giảm 72,5%; năm 2011 so với năm 2006 giảm 47,5%; năm 2012 so với năm 2006 giảm 35%; năm 2013 so với năm 2006 giảm 47,5%; năm 2014 so với năm 2006 giảm 60%; năm 2015 so với năm 2006 giảm 20%.

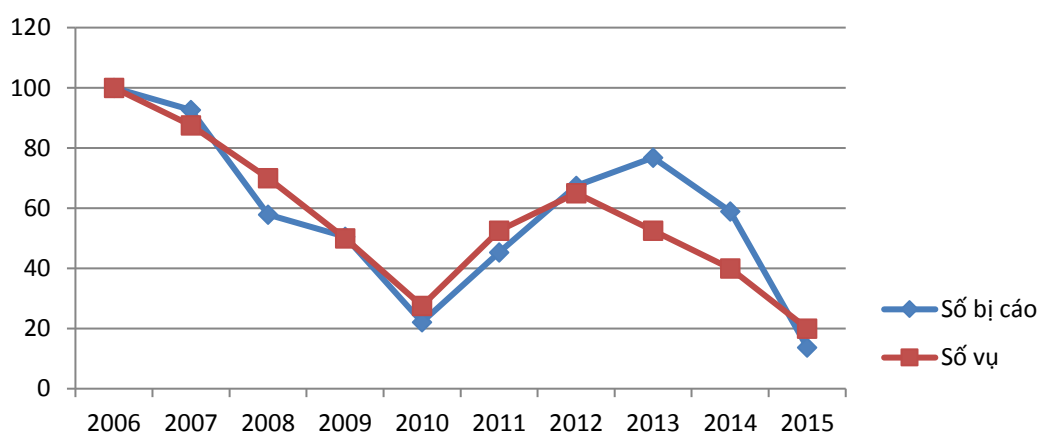
Bên cạnh đó, có thể thấy rõ hơn diễn biến của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam qua số lượng bị cáo bị đưa ra xét xử sơ thẩm qua các năm từ 2006 đến năm 2015 qua biểu đồ 2.4. sau:



**Biểu đồ 2.4: Diễn biến số bị cáo xâm phạm ANQG ở Việt Nam**

(Nguồn: Tác giả thống kê dựa trên số liệu của TAND tối cao)

Như vậy, số bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG cũng có sự tăng, giảm theo từng năm, không theo quy luật. Nếu lấy năm 2006 làm mốc và số bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG bị đưa ra xét xử sơ thẩm năm 2006 ở Việt Nam là 100% thì: Năm 2007 giảm 7,4% so với năm 2006; năm 2008 giảm 42,1% so với năm 2006; năm 2009 giảm 49,5% so với năm 2006; năm 2010 giảm 77,9% so với năm 2006; năm 2011 giảm 54,7% so với năm 2006; năm 2012 giảm 32,6% so với năm 2006; năm 2013 giảm 23,2% so với năm 2006; năm 2014 giảm 41,1% so với năm 2006 và năm 2015 giảm 86,3% so với năm 2006. Có thể thấy rõ hơn diễn biến của THTP xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ năm 2006 đến 2015 qua đồ thị 2.1 sau:



**Đồ thị 2.1: Diễn biến THTP xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ năm 2006 đến 2015**

(Nguồn: Tác giả thống kê dựa trên số liệu của TAND tối cao)



Như vậy, diễn biến của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam được thể hiện rõ nét qua số vụ án xâm phạm ANQG từ năm 2006 đến năm 2015 như sau:

Từ năm 2006 đến năm 2010, số vụ và số bị cáo xâm phạm ANQG có sự giảm dần đều. Từ năm 2010 đến năm 2013 có xu hướng tăng nhanh rồi lại giảm một cách đột ngột trong hai năm 2014 và 2015. Nhìn chung số và số bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2015 có sự tăng, giảm không theo quy luật nào ở những thời điểm nhất định, tuy nhiên có thể thấy xu hướng nói chung là giảm. Trong khoảng thời gian 10 năm qua, năm có vụ, số bị cáo cao nhất là năm 2006 và năm có số vụ, số bị cáo thấp nhất là năm 2015.

Nếu như các thông số về lượng phản ánh những đặc điểm bên ngoài của tình hình các tội xâm phạm ANQG, thì nội dung về chất của tình hình các tội xâm phạm ANQG được phản ánh qua thông số về cơ cấu, tính chất của nó.

### ***2.2.3. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia***

Phân tích số liệu thống kê của TAND tối cao, số vụ phạm tội và số bị cáo bị đưa ra xét xử sơ thẩm từ năm 2006 đến năm 2015 cho thấy ở vào thời kỳ này, trên phạm vi toàn quốc đã đưa ra xét xử số vụ án xâm phạm ANQG chiếm 0,04% tổng số VAHS, số bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG chiếm 0,05% tổng số bị cáo trong các VAHS. Chỉ số trên cho thấy số vụ phạm tội và số người phạm tội xâm phạm ANQG chiếm tỷ lệ rất thấp so với tổng số vụ phạm tội và số người phạm tội bị đưa ra xét xử vào thời kỳ này.

So với các thời kỳ trước, tỷ lệ trên rất thấp. Chẳng hạn như, chỉ trong hai năm 1978 và 1979, trên phạm vi toàn quốc đã đưa ra xét xử sơ thẩm các vụ phạm tội phản cách mạng (nay là các tội xâm phạm ANQG) chiếm tỷ lệ 6% số vụ phạm tội nói chung. Hay trong hai năm 1980 và 1989 số vụ phạm tội xâm phạm ANQG chiếm 0,33%. Như vậy, thời kỳ từ năm 2006 đến năm 2015 số vụ phạm tội xâm phạm ANQG bị đưa ra xét xử sơ thẩm thấp hơn nhiều so với các thời kỳ trước. Điều đó phản ánh công tác phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở nước ta trong giai đoạn hiện nay đã đạt được những kết quả nhất định.

- ***Cơ cấu theo tội danh***

Phân tích số vụ và số người phạm tội theo từng tội danh trong nhóm các tội xâm phạm ANQG bị đưa ra xét xử sơ thẩm từ năm 2006 đến năm 2015 cho thấy:

- Tội phản bội Tổ quốc (Điều 78 BLHS năm 1999) chiếm 3,57% số vụ và 1,88% số bị cáo.

Các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG là công dân Việt Nam đã câu kết với các đối tượng nước ngoài nhằm lật đổ chính quyền nhân dân thông qua các hành vi chủ yếu là: bàn bạc với nước ngoài về mưu đồ chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nhận sự giúp đỡ từ phía nước ngoài hay hoạt động dựa vào thế lực nước ngoài nhằm thực hiện mưu đồ chống phá Nhà nước Việt Nam.

Điều 44 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 khẳng định: *“Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất”*. Do vậy, mặc dù chiếm tỷ trọng thấp song tính nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm này là đặc biệt lớn.

- Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79 BLHS năm 1999) chiếm 5,57% số vụ và 10,38% số bị cáo.

Được sự hậu thuẫn, khích lệ của các thế lực thù địch, các tổ chức phản động lưu vong và các nhen nhóm tổ chức, đảng phái phản động trong nước đã móc nối, liên kết với nhau nhằm chống chính quyền nhân dân. Trong đó, nổi lên là hoạt động của số đối tượng cơ hội chính trị liên kết với số đối tượng cực đoan trong tôn giáo, các tổ chức phản động lưu vong ở nước ngoài. Chúng hoạt động ngày càng trắng trợn, công khai thách thức chính quyền, tìm mọi cách phát triển “phong trào dân chủ”, hình thành các “nhóm”, “khối”, “liên minh” quyết tâm cho ra đời các tổ chức chính trị đối lập, soạn thảo, tán phát nhiều tài liệu phản động, trả lời phỏng vấn đài, báo nước ngoài xuyên tạc, vu cáo Việt Nam; lôi kéo tập hợp lực lượng trong nhiều thành phần, ở nhiều địa phương, tham gia kích động thành lập nhiều hội nhóm với danh xưng phản động. Chúng cử người về nước móc nối, lôi kéo, tuyển lựa phát triển lực lượng đưa đi dự các khóa huấn luyện chống đối ở nước ngoài rồi tung về nước hoạt động. Đối tượng chúng tập trung lôi kéo là số trí thức, văn nghệ sĩ, luật sư, học sinh, sinh viên, số bất mãn, đầu đơn khiếu kiện.

Nổi lên trong thời gian qua là những vụ đặc biệt nghiêm trọng như các vụ Trần Anh Kim (ở Thái Bình), vụ Trần Huỳnh Duy Thức và vụ Phạm Minh Hoàng (ở Tp. Hồ Chí Minh), vụ Hồ Đức Hòa (ở Nghệ An). Nổi lên là hoạt động của tổ chức “Việt Tân” móc nối, đưa người đi huấn luyện, lôi kéo tập hợp lực lượng chống Nhà nước. Đối tượng phạm tội triệt để lợi dụng công nghệ thông tin để hoạt động. Việc tổ chức lôi kéo người, việc tham gia tổ chức, bàn bạc xây dựng cương lĩnh,

điều lệ, thông tin liên lạc với nhau chủ yếu thông qua mạng internet; các đối tượng ít gặp trực tiếp, thậm chí không biết mặt nhau (trao đổi, liên lạc qua blog, email). Đây là đặc điểm khác trước rất đáng lưu ý trong việc phát hiện, thu thập củng cố chứng cứ để chứng minh tội phạm cũng như trong nhận định, đánh giá tội phạm.

- Tội gián điệp (Điều 80 BLHS năm 1999) chiếm 15,93% số vụ và 12,97% số bị cáo.

Lợi dụng chính sách đổi mới, mở cửa của Đảng và Nhà nước ta, các cơ quan đặc biệt nước ngoài tìm cách cài cắm, tuyển lựa gián điệp bằng nhiều con đường khác nhau như trà trộn trong số Việt kiều về thăm quê, khách du lịch, người nước ngoài đến Việt Nam hợp tác, đầu tư hoặc sử dụng vật chất để mua chuộc, khống chế, lôi kéo cán bộ làm việc cho chúng. Đối tượng tập trung móc nối, lôi kéo là các cán bộ nắm nhiều bí mật Nhà nước, nhất là các cán bộ trong lực lượng vũ trang, cán bộ giữ chức vụ cao. Thời gian gần đây, chúng tăng cường phương thức hoạt động tình báo kỹ thuật, tìm cách cài các phần mềm gián điệp và mạng máy tính của ta để thu thập thông tin.

- Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ (Điều 81 BLHS năm 1999) có 0 vụ với 0 bị cáo, chiếm 0% số vụ và 0% số bị cáo;

- Tội bạo loạn (Điều 82 BLHS năm 1999) chiếm 0,88% số vụ và 0,56% số bị cáo.

Tội bạo loạn luôn gắn liền với hành vi tụ tập đông người hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực có tổ chức nhằm chống chính quyền nhân dân. Áp lực đối với chính quyền từ các cuộc bạo loạn là rất lớn, được các đối tượng cầm đầu chuẩn bị chu đáo, thường có sự phân công vai trò cụ thể đối với từng người, nhóm người trong quá trình thực hiện tội phạm. Thực tế cho thấy, mặc dù có rất nhiều người tham gia trong các cuộc tụ tập đông người nhằm thực hiện hành vi bạo loạn, song đa số bị lừa phỉnh, kích động, dụ dỗ, mua chuộc, thậm chí ép buộc tham gia chứ không có mục đích chống chính quyền. Số này thường được phân loại để áp dụng các chính sách hình sự phù hợp.

- Tội hoạt động phi (Điều 83 BLHS năm 1999) chiếm 0,88% số vụ và 5,64% số bị cáo.

Đây là loại tội phạm có tính chất đặc biệt về địa điểm phạm tội bởi nó chỉ cấu thành tội phạm khi xuất hiện hành vi như giết người, cướp tài sản được thực hiện ở những nơi hiểm yếu (đầm lầy, bưng biền, hải đảo, miền núi...).

- Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84 BLHS năm 1999) chiếm 1,77% số vụ và 2,26% số bị cáo.

Trong những năm qua, bọn phản động lưu vong và các thế lực thù địch khác đã tăng cường hoạt động khủng bố chống Nhà nước Việt Nam ở cả địa bàn trong và ngoài nước. Chúng thường tuyển mộ, huấn luyện cho nhiều người trong số người Việt Nam lao động, học tập tại nước ngoài hoặc lôi kéo các đối tượng trong nội địa đưa ra nước ngoài để tổ chức huấn luyện sau đó tung trở lại địa bàn trong nước để tiến hành các hoạt động khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân.

Hoạt động khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân thời gian qua chủ yếu do các đối tượng trong tổ chức phản động "Chính phủ Việt Nam tự do" của Nguyễn Hữu Chánh và tổ chức phản động Việt Tân từ bên ngoài về nước thực hiện. Trong đó có sự điều chỉnh về phương thức từ hoạt động vũ trang chuyển sang "bất bạo động", tuyên truyền, kích động quần chúng biểu tình, bạo loạn, cướp bóc phát thanh, gây nổ nhằm tạo tiếng vang và gây mất ổn định chính trị trong nước. Khi ta bắt giữ, xử lý số đối tượng người Việt mang quốc tịch nước ngoài (như Nguyễn Quốc Quân, Trương Leon, Nguyễn Thị Thanh Vân, Nguyễn Hải), các thế lực thù địch lập tức can thiệp, đòi được cung cấp thông tin và đòi thả các đối tượng bị bắt. Quá trình điều tra phải chú ý những vấn đề liên quan đến nước ngoài (như việc thăm gặp lãnh sự); việc dựng lại tổ chức và sự liên kết của chúng để công khai hóa, không tạo cơ để kẻ địch tuyên truyền xuyên tạc.

- Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 85 BLHS năm 1999) có 0 vụ với 0 bị cáo, chiếm 0% số vụ và 0% số bị cáo;

- Tội phá hoại việc thực hiện chính sách kinh tế - xã hội (Điều 86 BLHS năm 1999) có 0 vụ với 0 bị cáo, chiếm 0% số vụ và 0% số bị cáo;

- Tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 87 BLHS năm 1999) chiếm 45,58% số vụ và 43,23% số bị cáo.

Tội phá hoại chính sách đoàn kết chủ yếu xảy ra ở Tây Nguyên, Tây Bắc. Số đối tượng phản động trong các dân tộc thiểu số kích động, lôi kéo người dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động chống chính quyền nhân dân trong thời gian dài nhằm mục tiêu phát triển lực lượng tiến tới hình thành "nhà nước" riêng. Hoạt động của chúng được các thế lực thù địch ở nước ngoài hậu thuẫn, chỉ đạo, tài trợ tiền, phương tiện hoạt động.

- Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 88 BLHS năm 1999) chiếm 19,03% số vụ và 15,79% số bị cáo.

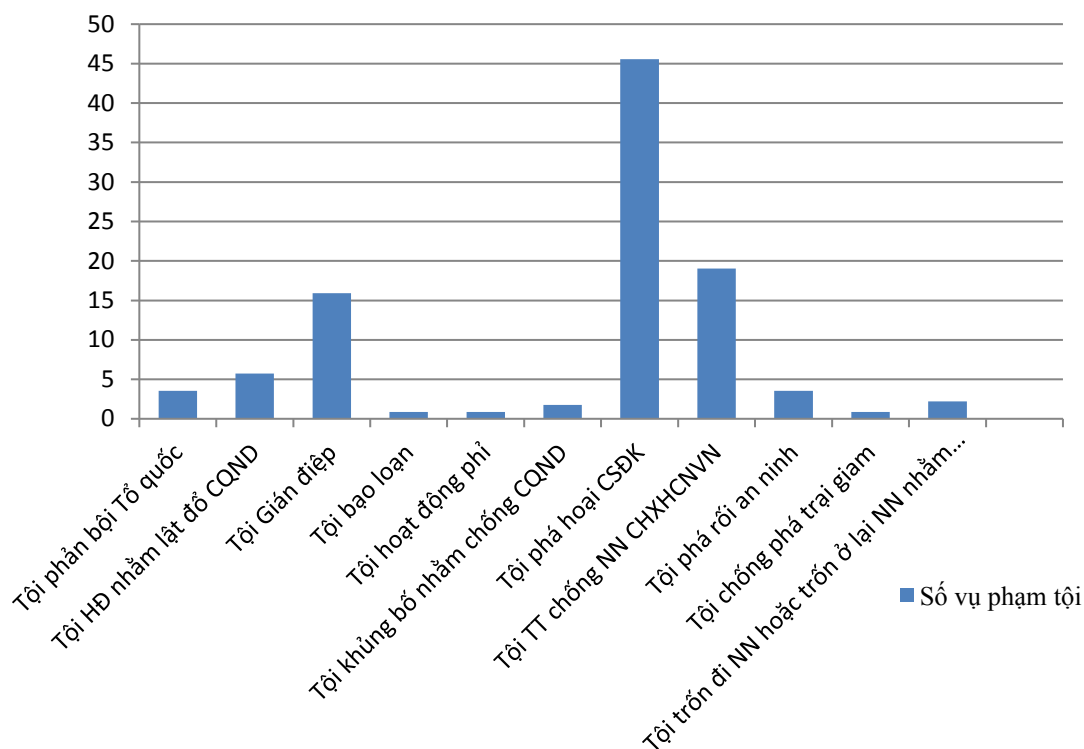
Đối tượng phạm tội này chủ yếu là số đã có lịch sử chống đối lâu dài, số là học sinh, sinh viên, trí thức, luật sư. Hoạt động chủ yếu của các đối tượng phạm tội này là sử dụng mạng internet và lợi dụng những vấn đề nhạy cảm của xã hội để viết bài, đưa tin bình luận, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đòi đa nguyên, đa đảng, kích động biểu tình, bạo loạn lật đổ. Điển hình như các vụ: Trần Khải Thanh Thủy, Cù Huy Hà Vũ (ở Hà Nội), Nguyễn Xuân Nghĩa, Phạm Thanh Nghiên (ở Hải Phòng), Vi Đức Hồi (ở Lạng Sơn), Hồ Bích Khương (ở Nghệ An), Nguyễn Văn Hải và nhóm "CLB nhà báo tự do" (ở Thành phố Hồ Chí Minh). Đối tượng phạm tội phần lớn là trí thức trẻ, số cơ hội chính trị, cán bộ thoái hóa, có tư tưởng cực đoan, đó triệt để lợi dụng các vấn đề nhạy cảm hoặc thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị lớn để tuyên truyền, kích động chống Nhà nước; hoạt động chủ yếu thông qua internet (gần đây xuất hiện các hình thức biểu tình, treo khẩu hiệu, rải truyền đơn...).

- Tội phá rối an ninh (Điều 89 BLHS năm 1999) chiếm 3,54% số vụ và 5,08% số bị cáo;

Loại tội phạm này xảy ra chủ yếu ở các tỉnh Tây Nguyên, Tây Bắc, đối tượng là người dân tộc thiểu số hoặc tham gia tôn giáo, được sự móc nối, chỉ đạo từ bên ngoài đó kích động tụ tập đông người hoặc tạo nên biểu tình, bạo loạn, đòi ly khai lập "Nhà nước Đê Ga", "Vương quốc Mông".

- Tội chống phá trại giam (Điều 90 BLHS năm 1999) chiếm 0,88% số vụ và 0,33% số bị cáo;

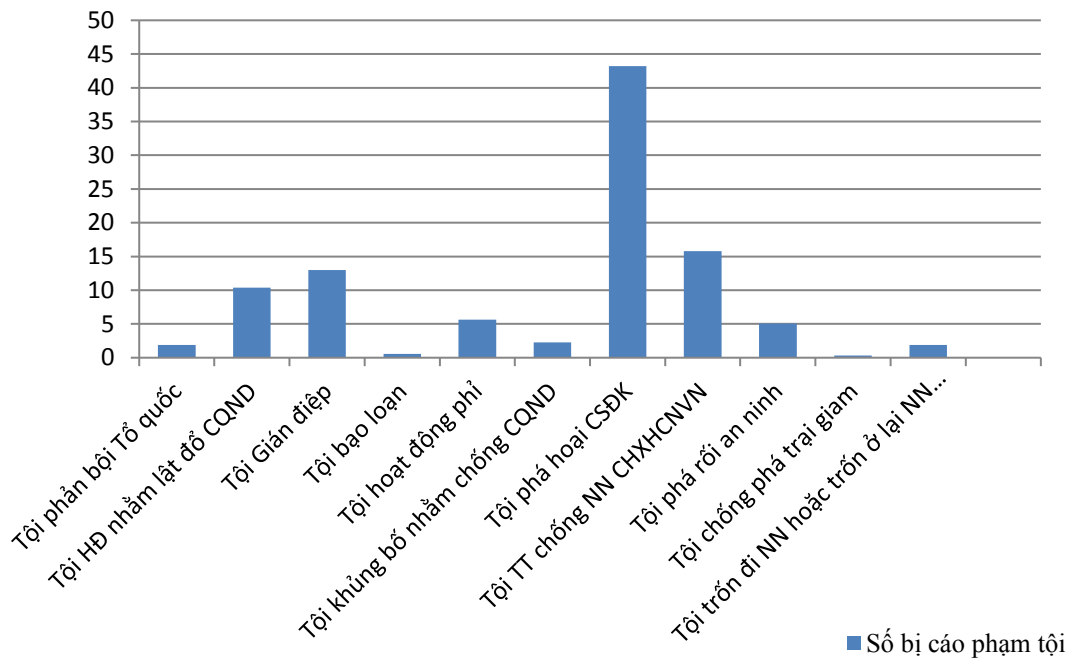
- Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 91 BLHS năm 1999) chiếm 2,22% số vụ và 1,88% số bị cáo.



**Biểu đồ 2.5: Cơ cấu theo tội danh**

(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ dựa trên số liệu của TAND tối cao)

Từ các chỉ số thống kê nêu trên, có thể rút ra nhận xét sau: trong tổng số các vụ và người phạm tội xâm phạm ANQG thì tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 87 BLHS năm 1999) chiếm tỷ lệ cao nhất cả về số vụ và số người phạm tội (chiếm gần ½ tổng số tội phạm xâm phạm ANQG); tiếp theo đó là tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 88 BLHS năm 1999), tội gián điệp (Điều 80 BLHS năm 1999), tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79 BLHS năm 1999). Các tội bị đưa ra xét xử chiếm tỷ trọng thấp trong tổng số các tội xâm phạm ANQG đã xảy ra là: tội phản bội Tổ quốc, tội bạo loạn, tội hoạt động phi, tội chống phá trại giam. Thấp nhất là vụ phạm tội chống phá trại giam (Điều 90 BLHS năm 1999). Đặc biệt, đối với tội xâm phạm an ninh lãnh thổ (Điều 81 BLHS năm 1999), tội phá hoại cơ sở kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 85 BLHS năm 1999) và tội phá hoại chính sách kinh tế - xã hội (Điều 86 BLHS năm 1999) trong thời kỳ này không đưa ra xét xử vụ nào.



**Biểu đồ 2.6: Cơ cấu theo số bị cáo phạm tội phạm cụ thể xâm phạm ANQG**  
(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)

Dựa vào số liệu phân tích trên cho thấy, tương ứng với số vụ phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 87 BLHS năm 1999) chiếm tỷ trọng cao nhất (45,58%) là số bị cáo phạm loại tội này cũng chiếm tỷ trọng cao nhất (43,23%). Thấp nhất là số bị cáo phạm tội chống phá trại giam (Điều 90 BLHS năm 1999). Đặc biệt, không bị cáo nào phạm các tội: Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ (Điều 81 BLHS năm 1999), Tội phá hoại cơ sở kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 85 BLHS năm 1999) và Tội phá hoại chính sách kinh tế - xã hội (Điều 86 BLHS năm 1999).

- *Cơ cấu theo địa điểm, thời gian phạm tội*

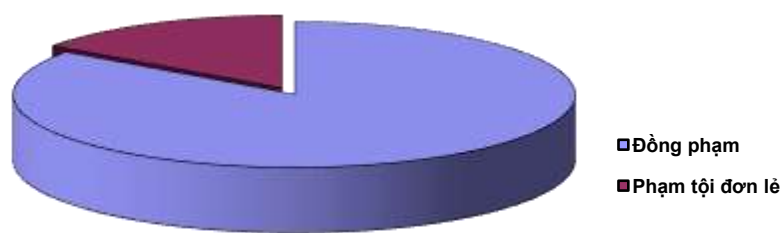
Hoạt động phạm tội của các đối tượng xâm phạm ANQG xảy ra chủ yếu ở những địa bàn quan trọng, chiến lược hoặc địa bàn phức tạp về an ninh chính trị và thường gia tăng vào những thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước. Các đối tượng phạm tội có thể tiến hành hoạt động xâm phạm ANQG mọi lúc, mọi nơi mà chúng thấy thuận lợi nhất. Tuy nhiên, thời gian qua, hoạt động xâm phạm ANQG chủ yếu xảy ra ở địa bàn các tỉnh phía Nam, tập trung ở các thành phố lớn như thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành

phố Hải Phòng và ở các vùng dân tộc, vùng tôn giáo; ở những địa bàn quan trọng, chiến lược hoặc địa bàn phức tạp về an ninh chính trị như Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ.

Hoạt động xâm phạm ANQG thường gia tăng vào những thời điểm diễn ra các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước như bầu cử đại biểu Quốc hội, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam ở các cấp, dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước (Quốc khánh, Giải phóng miền Nam...). Đặc biệt, năm 2010 là năm diễn ra nhiều sự kiện chính trị quan trọng (kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, chuẩn bị cho Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII...) nên đây là thời điểm mà các hoạt động tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân gia tăng về số lượng và tính chất nguy hiểm.

- *Cơ cấu theo hình thức phạm tội (đồng phạm hay phạm tội đơn lẻ)*

Các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam được thực hiện dưới cả hai hình thức phạm tội: Đồng phạm và phạm tội đơn lẻ nhưng chủ yếu diễn ra dưới hình thức đồng phạm. Qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy: số vụ xâm phạm ANQG xảy ra từ năm 2006 đến năm 2015 trên toàn quốc có đồng phạm chiếm tỷ lệ 84,88%. Trong đó, chủ yếu là đồng phạm có tổ chức.



**Biểu đồ 2.15: Cơ cấu theo hình thức phạm tội**

*(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)*

Nhiều vụ xâm phạm ANQG có số lượng người tham gia đông, có sự liên kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, có sự phân công vai trò, vị trí rõ ràng. Điển hình như các vụ phá hoại chính sách đoàn kết, phá rối an ninh, trốn đi nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân ở các tỉnh Tây Nguyên, các vụ



khủng bố, hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân liên quan đến tổ chức “Chính phủ Việt Nam tự do”, tổ chức “Đảng Việt Tân”... Cũng có những vụ án, tổ chức tội phạm chưa được hình thành hoàn chỉnh, chúng chỉ “đánh trống ghi tên” nhằm khuyếch trương thanh thế để tiếp tục tuyển người vào tổ chức thì đã bị phát hiện và ngăn chặn, như: tổ chức “Đảng Thăng tiến”, “Đảng Lạc Hồng”... Có thời gian, chỉ trong 3 năm, số đối tượng chống đối đã lập hơn 60 hội, nhóm bất hợp pháp dưới danh nghĩa dân chủ, nhân quyền, với khoảng 350 đối tượng tham gia ở 50 tỉnh, thành. Trong quá trình thực hiện tội phạm, chúng luôn tìm cách lôi kéo nhiều người tham gia vào các hoạt động xâm phạm ANQG và hình thành tổ chức đồng phạm.

- *Cơ cấu theo nhân thân người phạm tội*

Nhân thân người phạm tội xâm phạm ANQG là tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu và những đặc tính quan trọng thể hiện bản chất xã hội của người đó. Các đặc điểm này kết hợp với các điều kiện và các yếu tố khác ảnh hưởng đến cách xử sự chống đối lại xã hội. Nghiên cứu nhân thân người phạm tội xâm phạm ANQG từ năm 2006 đến năm 2015 có thể thấy một số đặc điểm nổi bật sau đây:

*Về giới tính*

Hầu hết bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG là nam giới (chiếm 96,37%). Như vậy, nữ giới phạm các tội xâm phạm ANQG chiếm tỷ lệ rất thấp (3,63%).



**Biểu đồ 2.7: Cơ cấu theo giới tính**

*(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)*

Nguyên nhân là do các tội xâm phạm ANQG có tính nguy hiểm rất cao cho xã hội, mang tính chính trị, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của nam giới hơn. Mặt khác, nữ giới trong xã hội ta còn nhiều ràng buộc bởi truyền thống phong tục Á

Đồng nên vị trí của họ trong xã hội chưa cao cũng là một yếu tố dẫn đến tỷ lệ đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG là phụ nữ thấp.

#### *Về độ tuổi*

Trong số các bị cáo bị đưa ra xét xử sơ thẩm về các tội xâm phạm ANQG từ năm 2006 đến năm 2015, số người ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 chiếm 0,18%; số người ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 chiếm 1,45%; số người ở độ tuổi từ đủ 18 đến dưới 30 chiếm 26,5%; số còn lại - người từ đủ 30 tuổi trở lên chiếm tỷ lệ 71,87%.



**Biểu đồ 2.8: Cơ cấu theo độ tuổi**

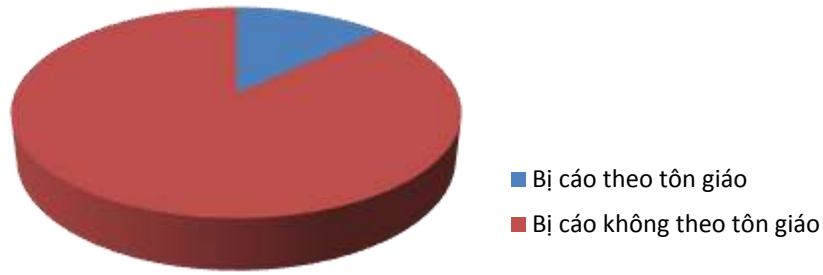
*(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)*

Qua kết quả trên, có thể thấy số đối tượng có độ tuổi từ 30 trở lên phạm các tội xâm phạm ANQG chiếm tỷ lệ cao nhất (71,87%). Có thể lý giải ở độ tuổi này, người phạm tội đã hình thành quan điểm sống, quan điểm, ý thức chính trị khá rõ ràng và tương đối ổn định. Mặt khác, ở độ tuổi này họ mới có vị trí nhất định trong xã hội và vì thế họ mới có khả năng, điều kiện thực hiện các tội xâm phạm ANQG.

Bên cạnh đó, do âm mưu, thủ đoạn tăng cường lôi kéo số trẻ tham gia các hoạt động chống đối Nhà nước của các thế lực thù địch nên số đối tượng ở độ tuổi từ đủ 18 đến dưới 30 cũng chiếm tỷ lệ khá cao (26,5%). Song đáng chú ý là ở giai đoạn trước năm 2006 số người phạm tội xâm phạm ANQG trong độ tuổi từ đủ 18 đến dưới 30 chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 9 - 10%), nhưng trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015, số người phạm tội trong độ tuổi này có xu hướng tăng lên rõ rệt.

#### *Về thành phần tôn giáo*

Số người phạm tội xâm phạm ANQG thuộc thành phần tôn giáo chiếm tỷ lệ không nhỏ (13,03%).



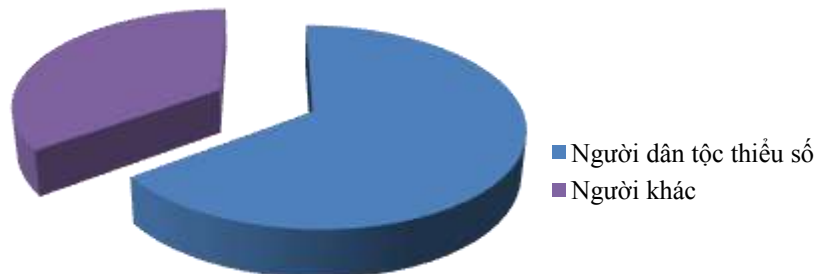
**Biểu đồ 2.9: Cơ cấu theo tôn giáo**

(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)

Những bị cáo trên, do có sự đối lập về thế giới quan, nhân sinh quan, sự cuồng tín nên họ dễ bị các thế lực thù địch dụ dỗ, lôi kéo vào các hoạt động chống phá chính quyền. Hơn nữa, trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch luôn lợi dụng vấn đề tự do tôn giáo để kích động giáo dân tiến hành các hoạt động chống chính quyền nhân dân.

#### *Về dân tộc*

Thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam hiện nay, các thế lực thù địch, phản động đã và đang triệt để lợi dụng các vấn đề về dân tộc thiểu số, "chủng tộc", "sắc tộc", "dân tộc bản địa" để chống phá Việt Nam trên mặt trận dân chủ, nhân quyền, gia tăng hoạt động với nhiều thủ đoạn, phương thức khác nhau, tập trung tại các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ và tại địa bàn ngoại biên. Chúng coi đây là mũi nhọn, ngòi nổ tiến công để phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc, tiến tới mục tiêu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và lật đổ chế độ XHCN ở Việt Nam. Theo thống kê của tác giả, số bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao 64,8% (hơn 1/2 số bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG).

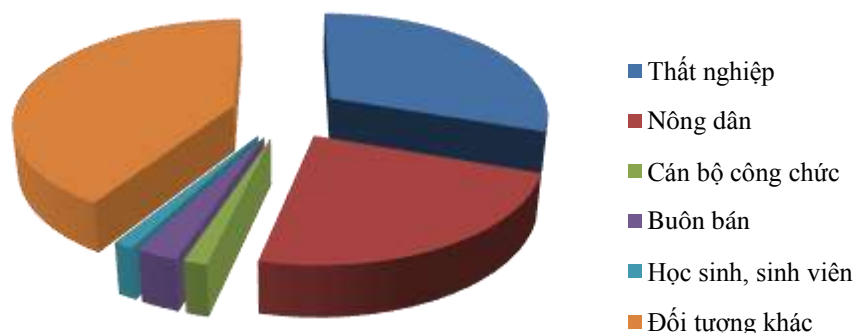


**Biểu đồ 2.10: Cơ cấu theo dân tộc**

(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)

### *Về nghề nghiệp*

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, số người phạm tội xâm phạm ANQG thất nghiệp chiếm 30,32%; nông dân chiếm 23,31%; cán bộ, công chức Nhà nước chiếm 1,45%; buôn bán chiếm 2,51%; học sinh, sinh viên chiếm 1,25%; các đối tượng khác chiếm 41,16%.



**Biểu đồ 2.11: Cơ cấu theo nghề nghiệp**

*(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)*

Như vậy, người phạm tội xâm phạm ANQG không có nghề nghiệp và nông dân là chủ yếu. Bởi vì, trong thời kỳ mở cửa, phát triển nền kinh tế thị trường, bên cạnh những mặt tích cực, còn kéo theo những mặt tiêu cực, đó là sự phân hóa giàu nghèo, thất nghiệp, cạnh tranh làm cho nhiều người rơi vào tình cảnh khốn quẫn, mất niềm tin vào chính quyền, vào sự lãnh đạo của Đảng nên dễ bị các thế lực thù địch kích động, lợi dụng, mua chuộc tiến hành những hoạt động xâm phạm ANQG.

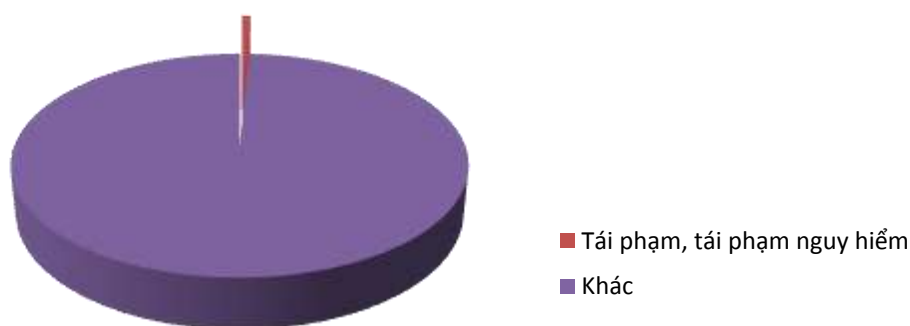
Trong số các bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2015, số các bị cáo là cán bộ, công chức chiếm tỷ lệ 1,45% trong tổng số người phạm tội xâm phạm ANQG. Vì những khó khăn trong công ăn việc làm, thu nhập còn thấp trong khi nhu cầu cuộc sống đòi hỏi ngày càng cao, đồng thời cũng không loại trừ một số cán bộ công nhân viên chức muốn nhanh chóng làm giàu, hưởng thụ, vì tiền mà bán rẻ Tổ quốc.

Trong các vụ án xâm phạm ANQG mà TAND tối cao xét xử trong 10 năm qua, nhiều người phạm tội đều thuộc thành phần trí thức, có trình độ học vấn cao, có người là bác sĩ, thạc sĩ công nghệ thông tin, sinh viên. Thậm chí, có nhiều vụ án mà bị cáo là cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ luật, văn nghệ sĩ, luật sư đã từng làm việc tại

các đoàn luật sư cũng như các văn phòng luật sư trong nước. Các tổ chức phản động nước ngoài sử dụng các đối tượng này là nhằm dễ dàng thực hiện các hoạt động tội phạm. Điển hình như vụ án Lê Thị Công Nhân và Nguyễn Văn Đài (là thành viên của Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội) bị TAND thành phố Hà Nội xét xử về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Mặc dù số đối tượng trên chiếm tỷ lệ không lớn, song thường tập trung ở những vụ án phức tạp, nhạy cảm về chính trị và thường giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu nên tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội do các đối tượng này thực hiện là đặc biệt lớn. Đáng báo động hơn, trong số người phạm tội xâm phạm ANQG, Đảng viên cũng chiếm một tỉ lệ nhất định (2,36%). Qua phân tích có thể thấy số bị cáo là cán bộ công chức, Đảng viên mặc dù chiếm tỷ lệ không cao song điều đó phản ánh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý cán bộ của ta còn nhiều bất cập.

*Về trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm*

Qua nghiên cứu số bị cáo trong các vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong 10 năm từ năm 2006 đến năm 2015 cho thấy, số bị cáo tái phạm, tái phạm nguy hiểm chỉ chiếm 0,73%.



**Biểu đồ 2.12: Cơ cấu theo trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm**

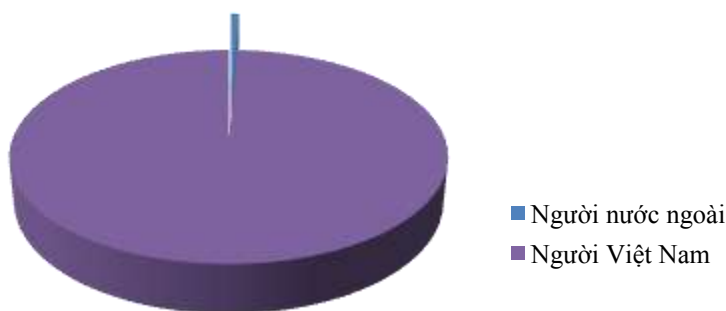
*(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)*

Có thể thấy tỉ lệ tái phạm, tái phạm nguy hiểm trong các vụ án xâm phạm ANQG 10 năm qua không cao, song điều đó không có nghĩa là các đối tượng đã từng phạm tội về cơ bản đã nhận thức được hành vi sai phạm của mình, từ đó giáo dục cải tạo tốt. Trên thực tế, con số này không phản ánh đúng thực chất tính chất phạm tội của các đối tượng xâm phạm ANQG. Vì nhiều lý do khác nhau nhưng

nguyên nhân chủ yếu vẫn từ lý do tội phạm xâm phạm ANQG có tỉ lệ ẩ cao, phương thức thủ đoạn của các đối tượng tinh vi, xảo quyệt, bí mật, khó phát hiện, thêm vào đó là các yêu cầu chính trị đòi hỏi chính sách xử lý trong nhiều trường hợp, về góc độ pháp luật không đúng với tính chất của hành vi phạm tội.

#### *Về quốc tịch*

Trong số các bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2015, số các bị cáo là người nước ngoài chiếm tỷ lệ 0,73% trong tổng số người phạm tội xâm phạm ANQG.

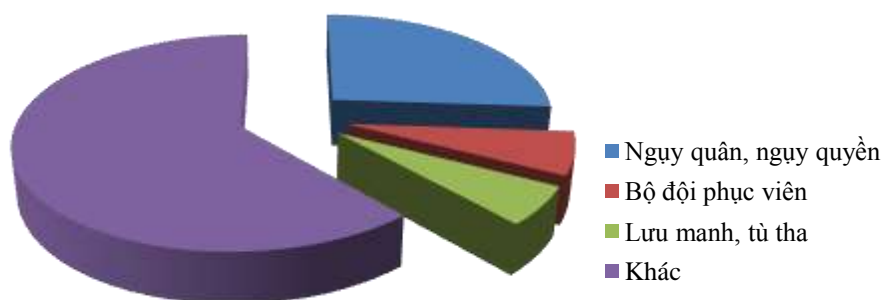


**Biểu đồ 2.13: Cơ cấu theo quốc tịch**

(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ dựa trên số liệu của TAND tối cao)

#### *Về thành phần xã hội*

Phân tích số liệu thống kê cho thấy, những người phạm tội xâm phạm ANQG có thành phần xã hội rất phức tạp. Trong đó, số người phạm tội là nguy quân, nguy quyền cũ chiếm 26,08%; bộ đội phục viên chiếm 6,51%; lưu manh chuyên nghiệp và số tập trung cải tạo, tù về chiếm 5,76%; còn lại 61,65% là thành phần khác.



**Biểu đồ 2.14: Cơ cấu theo thành phần xã hội**

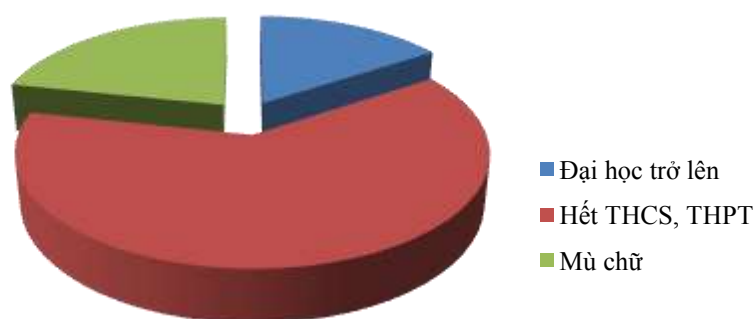
(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)

Như vậy, có thể thấy trong các bị cáo thuộc các thành phần trên, số bị cáo là nguy quân, nguy quyền cũ chiếm tỷ lệ rất cao (26,08%), bởi lẽ số đối tượng này có tư tưởng hận thù cách mạng sâu sắc, chưa từ bỏ ý đồ khôi phục lại địa vị thống trị đã bị mất, vì vậy chúng luôn luôn có ý thức chống đối chính quyền nhân dân, chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Trong số các bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG, có những bị cáo có “nhân thân đặc biệt”, số khác được các thế lực thù địch và các tổ chức nước ngoài thường xuyên lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để chống phá Nhà nước. Trong số đó, có những đối tượng là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và mang quốc tịch nước ngoài, có những đối tượng là người có uy tín, thậm chí có chức sắc trong các dân tộc thiểu số.

#### *Về trình độ học vấn*

Trình độ học vấn của các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG không đồng đều, trong đó số bị cáo có trình độ đại học trở lên chiếm 15,76%, số bị cáo có trình độ học hết trung học cơ sở đến trung học phổ thông chiếm 62,56%, số bị cáo mù chữ chiếm 21,68%.



**Biểu đồ 2.15: Cơ cấu theo trình độ học vấn**

*(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)*

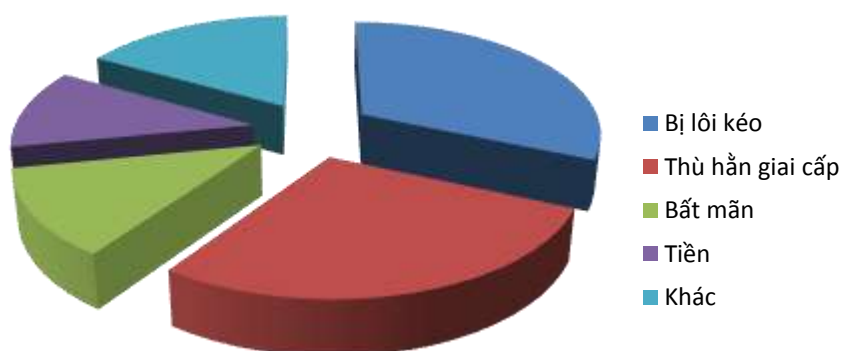
Các đối tượng có trình độ học vấn thấp, đặc biệt là số đối tượng mù chữ phạm tội xâm phạm ANQG thông thường là do bị các đối tượng cầm đầu mua chuộc, dụ dỗ, lôi kéo, trong khi đó, các đối tượng người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy phần lớn là những người có trình độ học vấn cao, có trình độ lý luận, hiểu biết về pháp luật và các lĩnh vực của đời sống như: bị cáo Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Công Định có trình độ thạc sĩ, được đào tạo tại các nước Mỹ, Pháp.



### *Về động cơ phạm tội*

Động cơ phạm tội là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chính xác tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm nói chung và các tội xâm phạm ANQG nói riêng. Thực tế xét xử các vụ án xâm phạm ANQG từ năm 2006 đến năm 2015 cho thấy, mặc dù các bị cáo đều có mục đích chống chính quyền nhân dân khi thực hiện các hành vi xâm phạm ANQG của mình, song việc thực hiện tội phạm này lại xuất phát từ nhiều động cơ khác nhau.

Qua phân tích số liệu cho thấy: số bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG xuất phát từ động cơ bị lôi kéo, kích động, dụ dỗ chiếm tỷ lệ 31,58%; bị cáo phạm tội xuất phát từ động cơ thù hận giai cấp chiếm tỷ lệ 28,07%; bị cáo phạm tội xuất phát từ động cơ bất mãn chế độ chiếm tỷ lệ 12,23%; bị cáo phạm tội xuất phát từ tiền chiếm 11,34% và bị cáo phạm tội xuất phát từ các động cơ khác chiếm 16,78%.



**Biểu đồ 2.16: Cơ cấu theo động cơ phạm tội**

*Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)*

Từ kết quả nghiên cứu trên có thể thấy, chủ yếu những người phạm tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2015 thực hiện tội phạm do bị lôi kéo, kích động, dụ dỗ. Nhóm động cơ này xuất hiện chủ yếu ở các tội: bạo loạn, phá hoại chính sách đoàn kết, phá rối an ninh. Vì thế, việc xét xử cũng thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người lầm lạc.

Động cơ phạm tội chiếm tỷ lệ cao thứ hai là thù hận giai cấp (các bị cáo thuộc nhóm này hầu hết là nguy quân, nguy quyền trong chế độ cũ) và bất mãn chế độ. Nhóm động cơ này xuất hiện chủ yếu ở các tội Phản bội Tổ quốc, hoạt động

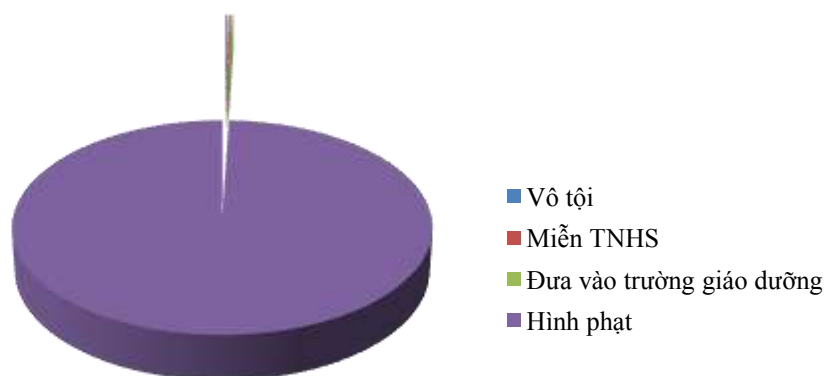


nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, gián điệp, khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân, tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Động cơ phạm tội xâm phạm ANQG vì tiền cũng chiếm một tỷ lệ nhất định (11,34%) và xuất hiện chủ yếu ở các tội như: Tội gián điệp, tội bạo loạn, tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, tội phá rối an ninh và tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân.

- *Cơ cấu theo biện pháp trách nhiệm hình sự được áp dụng cho các bị cáo*

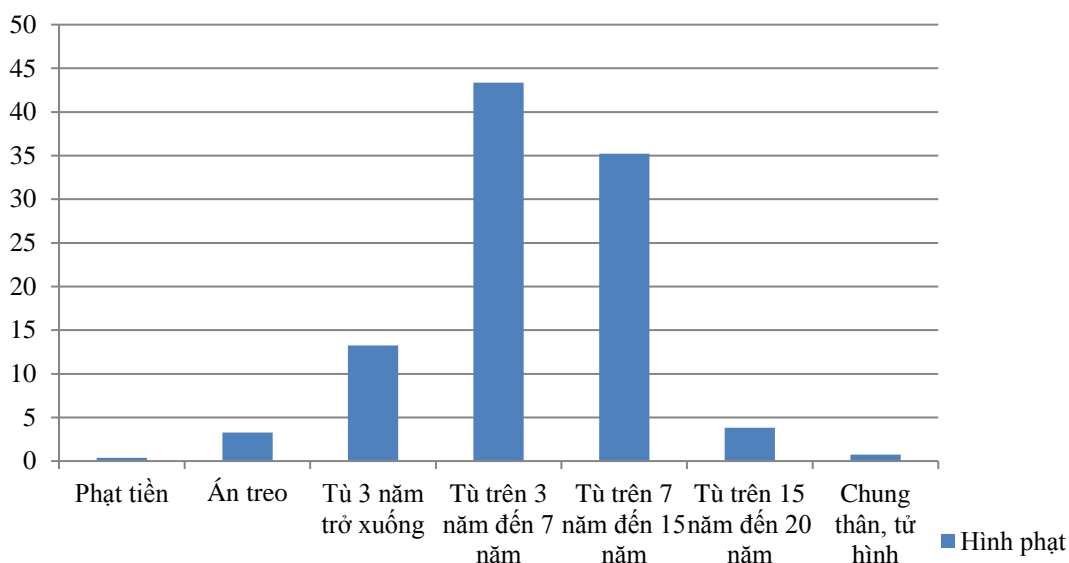
Qua nghiên cứu số bị cáo trong các vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong 10 năm từ năm 2006 đến năm 2015 cho thấy, số bị cáo được tuyên vô tội chiếm 0,18%, số bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự chiếm 0,18%, số bị cáo bị đưa vào trường giáo dưỡng chiếm 0,18%, số còn lại bị áp dụng các loại hình phạt khác nhau từ phạt tiền đến chung thân, tử hình chiếm 99,46%.



**Biểu đồ 2.17: Cơ cấu theo biện pháp trách nhiệm hình sự được áp dụng**

*(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ trên cơ sở số liệu của TAND tối cao)*

Trong số các bị cáo bị áp dụng hình phạt, số được hưởng án treo chiếm 3,27%, số bị áp dụng phạt tiền chiếm 0,36%, số bị cáo bị áp dụng mức phạt tù từ 3 năm trở xuống chiếm 13,25%, số bị cáo bị áp dụng mức phạt tù từ trên 3 năm đến dưới 7 năm chiếm 43,37%, số bị cáo bị áp dụng mức phạt tù từ trên 7 năm đến 15 năm chiếm 35,2%, số bị cáo bị áp dụng mức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm chiếm 3,81% và số bị cáo bị áp dụng hình phạt chung thân hoặc tử hình chiếm 0,74%.



**Biểu đồ 2.18: Cơ cấu theo hình phạt áp dụng**

(Nguồn: Tác giả phân tích tỉ lệ dựa trên số liệu của TAND tối cao)

Như vậy, mặc dù các tội xâm phạm ANQG có tính chất đặc biệt nguy hiểm với các khung hình phạt nghiêm khắc được quy định trong BLHS, song trên thực tế, số bị cáo bị áp dụng hình phạt tù từ trên 3 năm đến dưới 7 năm chiếm đa số (43,37%, xấp xỉ ½ số bị cáo bị áp dụng hình phạt). Điều đó đã thể hiện rõ nét chính sách nhân đạo của Nhà nước trong quá trình xử lý các vụ án xâm phạm ANQG.

#### **2.2.4. Tính chất của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia**

Thực tiễn phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG cho thấy, hoạt động xâm phạm ANQG trong những năm gần đây có một số điểm đáng chú ý sau:

**Một là**, về mức độ xảy ra và tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Mặc dù số vụ phạm tội cũng như số người phạm tội xâm phạm ANQG so với số vụ phạm tội và số người phạm tội nói chung trên địa bàn cả nước trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015 chiếm tỉ lệ thấp (chiếm 0,04% số vụ phạm tội và 0,05 số bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG) nhưng tính chất của các tội phạm này là đặc biệt nghiêm trọng. Bên cạnh đó, diễn biến tăng, giảm không theo quy luật nào của loại tội phạm này trong 10 năm qua cũng thể hiện tính chất phức tạp của hành vi phạm tội. Xu hướng giảm dần qua các năm từ năm 2006 đến năm 2010, tăng mạnh trở lại trong hai năm 2011 và 2012 rồi lại giảm dần từ đó đến năm 2015.

Các tội xâm phạm ANQG xảy ra đe dọa đến sự ổn định và phát triển vững mạnh của chính quyền nhân dân. Đặc biệt, khi loại tội phạm này xảy ra vào các thời điểm đất nước đang diễn ra các sự kiện chính trị, kinh tế, đối ngoại quan trọng hoặc khi tổ chức các ngày lễ lớn thì sự ảnh hưởng tiêu cực của những hành vi này không chỉ là vấn đề ANQG mà còn là những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, thậm chí gây ra những biến động phức tạp, gây hoang mang, lo lắng và làm giảm uy tín của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

**Hai là**, về hình thức phạm tội. Các tội xâm phạm ANQG xảy ra với đa số vụ án có xu hướng hình thành các tổ chức đồng phạm (chiếm tỷ lệ 84,88%) hoặc tuy chưa hình thành tổ chức đồng phạm nhưng giữa các đối tượng phạm tội đã có mối liên hệ với nhau và có liên quan đến nhiều địa phương. Tổ chức đồng phạm của chúng được hình thành theo các dạng sau:

- Các tổ chức phản động trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đưa đồng bọn về Việt Nam để móc nối, xây dựng thành các tổ chức phản động ở trong nước. Khi cơ quan an ninh phát hiện, bắt giữ, điều tra, chúng thường đã hình thành bộ khung về tổ chức, có vụ chúng đã lập hệ thống tổ chức ở cấp Trung ương gồm “Chủ tịch đảng”, “Tổng thư ký”, “Chính phủ lưu vong”, “Thủ tướng”, “Phó Thủ tướng”, “Tổng trưởng các Bộ”... Chúng gọi đây là “Chính phủ quốc ngoại”. Trong vụ Phan Văn Thu cùng đồng bọn hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Núp dưới danh nghĩa kinh doanh khu du lịch thái Đá Bia, tổ chức phản động “Hội đồng công luật công án Bia Sơn” do Phan Văn Thu cầm đầu được lập ra với chiến lược “tiền sinh thái, hậu tổ đình” và “bất bạo động”. Nhóm này đã thiết lập thành 12 ban, 26 pháp hội và 4 nhóm chưa đặt tên ở các địa phương; thậm chí, các đối tượng còn dự kiến cả tên nước, quốc kỳ, quốc ca, thủ đô, ngày quốc khánh, bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương; sắc phong 72 tướng lĩnh.

Một vài tổ chức còn có các phân bộ ở một số nước làm hậu thuẫn, khuyến khích trương thanh thế, công khai tạo điều kiện cho tổ chức trong nước. Hoạt động chống phá cách mạng của những tên về Việt Nam đều có sự chỉ đạo thường xuyên, có sự trợ giúp về tiền bạc và các phương tiện hoạt động. Từ nước ngoài về Việt Nam, có tên được giao nhiệm vụ móc nối, lôi kéo người trong nước tham gia vào tổ chức phản động của chúng. Chúng dùng tiền bạc, vật chất và hứa hẹn khác để mê hoặc

thu hút người vào tổ chức bởi vậy, chúng đã phát triển tổ chức một cách nhanh chóng, chỉ sau một thời gian ngắn, số lượng người tham gia có thể lên tới vài chục người, thậm chí có vụ hơn trăm người và ở nhiều địa phương khác nhau. Tuy nhiên, có những vụ chúng chỉ thực hiện phương thức “đánh trống ghi tên” nhằm khuếch trương thanh thế để tiếp tục tuyển người vào tổ chức.

- Một số đối tượng có chức sắc trong tôn giáo đã lợi dụng tôn giáo để tập hợp lực lượng hình thành các tổ chức đồng phạm tiến hành các hoạt động chống phá cách mạng. Chúng đã lợi dụng các hoạt động tôn giáo để nhóm họp, bàn bạc, thống nhất các biện pháp đấu tranh chống Đảng và Nhà nước ta, kích động quần chúng giáo dân, tín đồ tham gia các hoạt động phạm tội như gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ,... Hiện nay, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam, tập trung vào một số hoạt động chủ yếu như: tìm cách ủng hộ và thông qua các đạo luật mang tính pháp lý nhằm lợi dụng vấn đề tôn giáo để hoạt động can thiệp, chống phá; dung túng, giúp đỡ lực lượng phản động trong tôn giáo người Việt ở hải ngoại tổ chức hoạt động chống Việt Nam; hỗ trợ, kích động và chỉ đạo các đối tượng cực đoan, phản động trong tôn giáo ở trong nước tổ chức các hoạt động chống phá. Đặc biệt, ở một số địa phương từ tranh chấp đất đai, chúng lợi dụng người cầm đầu tổ chức tôn giáo ở đó để kích động, xô đẩy giáo dân vào cuộc đấu tranh mang màu sắc chính trị, gây mất ổn định chính trị, tạo cơ cho các thế lực thù địch bên ngoài can thiệp. Các thế lực thù địch đã chỉ đạo cho một số đối tượng cực đoan, núp dưới danh nghĩa những nhà truyền đạo, như “mục sư”, “tình nguyện viên”,... để đi sâu vào nội bộ quần chúng các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, nhằm lừa phỉnh, dụ dỗ, xúi giục, kích động các tín đồ bỏ lao động sản xuất để tham gia hoạt động biểu tình chống đối chính quyền.

- Trong nhiều vụ án xâm phạm ANQG, mặc dù các đối tượng chưa hình thành tổ chức đồng phạm rõ rệt nhưng qua điều tra, xử lý thấy các vụ án loại này đã có nhiều đối tượng đã có mối liên hệ với nhau. Các hoạt động trên là mầm mống để khi có thời cơ, chúng có thể nhanh chóng liên kết với nhau tạo ra tổ chức, đảng phái chống lại cách mạng. Đối tượng trong các vụ án loại này thường là những người bất mãn với Đảng, Nhà nước, thường gặp gỡ nhau để trao đổi về quan điểm, tư tưởng sai trái hoặc chuyển cho nhau những tài liệu có nội dung xấu do chúng viết ra. Nhiều vụ, các đối tượng ráo riết móc nối, hình thành mối quan hệ ở cả ba miền

Bắc - Trung - Nam, liên kết hội tụ các nhóm chống đối cũ và mới nhằm tập hợp, hình thành lực lượng đối lập để chống phá cách mạng Việt Nam.

**Ba là**, các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG thường có mối liên hệ với nước ngoài (cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài) hoặc đang hướng tới việc thiết lập mối quan hệ đó. Cụ thể là :

- Những người phạm tội có quan hệ trực tiếp với người mang quốc tịch nước ngoài. Những người mang quốc tịch nước ngoài này trực tiếp tham gia vào các vụ án hoặc chỉ quan hệ hứa giúp đỡ về vật chất và tinh thần để yểm trợ cho các hoạt động xâm phạm ANQG của bọn phạm tội ở trong nước.

- Các đối tượng phạm tội có quan hệ với bọn phản động lưu vong ở nước ngoài. Trong nhiều vụ án, đó là các mối quan hệ tự nhiên vì bọn chúng được các tổ chức phản động cử về Việt Nam để chống phá cách mạng. Nhưng cũng có vụ án do chúng tìm đến nhau để “hợp tác”, “giúp đỡ” cho các hoạt động chống phá của bọn phản động ở trong nước.

Trong tình hình hiện nay, các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG đang lợi dụng những điều kiện quốc tế, lợi dụng chính sách mở cửa của Việt Nam để thường xuyên móc nối, liên lạc với nước ngoài và mở rộng các quan hệ đó nhằm tạo ra dư luận, tìm hậu thuẫn từ bên ngoài cho những hoạt động chống đối của chúng. Bọn chúng đã triệt để khai thác và sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng, dùng điện thoại, fax trong gia đình, của cơ quan bưu chính viễn thông tạo thành “đường dây nóng” thường xuyên liên lạc với nhau ở trong nước cũng như với nước ngoài để tìm sự giúp đỡ và hậu thuẫn về tài chính, về tinh thần, thậm chí trao đổi thông tin ngay cả khi chúng đã bị phát hiện, bắt giữ. Vì vậy, mọi hoạt động xâm phạm ANQG của chúng ở Việt Nam và ngay cả khi chúng bị phát hiện, bắt giữ, điều tra, xử lý thì các lực lượng thù địch ở nước ngoài rất nhanh chóng biết tin và nắm được nội dung khá chính xác, đầy đủ, từ đó chúng đưa tin, bình luận, xuyên tạc, can thiệp gây áp lực, vu cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để các thế lực thù địch bên ngoài có thể tăng cường hoạt động quan hệ một cách công khai với các thế lực thù địch trong nước, từ đó tạo điều kiện thành lập những tổ chức tội phạm xâm phạm ANQG có cả bộ phận ở trong nước và ở nước ngoài.

Từ đó cho thấy, xu hướng và mối quan hệ giữa phản động trong nước với các thế lực thù địch ở bên ngoài là quy luật tất yếu. Vì vậy, trong công tác đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG, các cơ quan bảo vệ pháp luật không chỉ dừng lại ở những đối tượng trong nước mà còn phải tập trung làm rõ toàn bộ hệ thống tổ chức, các mối liên quan đến vụ án ở trong và ngoài nước, phát hiện các đầu mối mới phục vụ yêu cầu trình sát, mở rộng công tác nghiệp vụ, đồng thời phát hiện âm mưu chính trị của các thế lực thù địch đối với Việt Nam, giải quyết hài hòa giữa phòng, chống tội phạm, bảo vệ độc lập, chủ quyền với quan hệ ngoại giao.

**Bốn là**, các tội xâm phạm ANQG được thực hiện bởi nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau nhưng thời gian qua chủ yếu là việc lợi dụng chính sách mở cửa, hội nhập, các cơ quan đặc biệt nước ngoài, các đối tượng phản động lưu vong đã tiến hành các hoạt động gián điệp, đưa các tên gián điệp, phản động lưu vong về Việt Nam hoạt động chống phá.

Các thế lực thù địch thông qua con đường hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực đề tác động vào các cơ quan, cán bộ có chức năng hoạch định đường lối, chính sách, pháp luật, nhằm làm chệch hướng XHCN từ bên trong. Đầu tư thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân nhằm tạo nhân tố tư bản chủ nghĩa trong nền kinh tế, đồng thời tạo dựng nó thành lực lượng đối trọng với nền kinh tế nhà nước, tạo điều kiện cho các lực lượng này chui và cơ quan lập pháp và hệ thống chính trị để chống phá ta từ bên trong.

Các thế lực thù địch đưa người vào Việt Nam thông qua đại diện công ty, giả danh nhà doanh nghiệp, khách du lịch, tổ chức từ thiện, trà trộn trong số Việt kiều về thăm quê hương, người di tản tự nguyện hồi hương, người nước ngoài đến Việt Nam hợp tác đầu tư, làm ăn buôn bán, ... tiến hành các hoạt động tình báo, gián điệp, thực hiện hành vi móc nối, liên lạc với bọn phản động trong nước thu thập tin tức tình báo. Chúng móc nối với số nguy quân, nguy quyền cũ không chịu cải tạo để xây dựng tổ chức phản động, tiến hành phá hoại, chờ thời cơ lật đổ chính quyền. Thông qua các con đường công khai hoặc bí mật, các thế lực thù địch chuyển vũ khí, chất nổ về Việt Nam để tiến hành các hoạt động phá hoại.

**Năm là**, chủ nghĩa đế quốc, các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước đang triệt để lợi dụng các vấn đề về tự do, dân chủ, nhân quyền để tiến hành các hoạt động xâm phạm ANQG.

Kể từ khi Đảng và Nhà nước ta thực hiện đường lối đổi mới, mở cửa, các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG đã lợi dụng các vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” với chiêu bài tự do về chính trị, dân chủ trong bầu cử, tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền hội họp, lập hội, ... để tiến hành các hoạt động phạm tội và chúng xác định đây là một phương thức hoạt động mới phù hợp với tình hình. Các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG đã triệt để lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” vào quá trình phạm tội ở những mức độ khác nhau để lừa bịp dư luận, lôi kéo quần chúng nhân dân dưới các danh xưng của những đảng phái chính trị mang màu sắc “dân chủ”, “nhân quyền”, “quyền tự do hội họp”. Chúng thường ít đề cập đến dùng bạo lực, tiến hành hoạt động vũ trang để chống phá cách mạng mà tiến hành lôi kéo người vào các tổ chức chống chính quyền dưới dạng “hội đoàn”, dần dần tiến tới xây dựng lực lượng chính trị đối lập với Đảng Cộng sản Việt Nam. Những hoạt động này giúp chúng chuyển dần từ hoạt động bí mật sang công khai, hợp pháp, tạo sự hậu thuẫn quốc tế để đấu tranh chống Đảng và Nhà nước ta một cách quyết liệt hơn.

Một số đối tượng lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” để đấu tranh với Đảng và Nhà nước đòi “tự do tín ngưỡng”, đòi thoát ly tôn giáo khỏi sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Hoạt động của bọn phản động lợi dụng vấn đề tôn giáo, nhất là Thiên chúa giáo vẫn tích cực theo đường lối “thích nghi”, tăng cường truyền đạo ở nhiều địa phương trong cả nước, nhất là những vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở phía Bắc. Truyền đạo kết hợp với móc nối, xin viện trợ của nước ngoài, thành lập các hội, đoàn bất hợp pháp. Chúng tuyên truyền vận động tu sĩ, giáo dân không tham gia các tổ chức chính trị và Hội đồng nhân dân các cấp.

Lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” để tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCNN Việt Nam. Đó là hoạt động của một số phần tử cơ hội, bất mãn, trong đó có số trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ từng tham gia cách mạng. Những kẻ cơ hội chính trị, bất mãn với Đảng và Nhà nước ta, từ đấu tranh vì quyền lợi cá nhân đến đối lập với quan điểm của Đảng, điên cuồng chống lại chế độ XHCN và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Chúng lợi dụng diễn đàn công khai góp ý vào các văn kiện của Đảng để lồng ghép những bài phát biểu, bài tranh luận, những tài liệu có nội dung xấu chống Đảng, chống CNXH. Các hoạt động chống phá của chúng là viết, in ấn các tài liệu phản động, tán phát tuyên truyền dưới nhiều hình thức trong

phạm vi cả nước và tìm mọi cách đưa tài liệu ra nước ngoài để in ấn, tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên tạc lịch sử, đả kích chế độ, nói xấu, bôi nhọ, hạ uy thế lãnh tụ và Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các thế lực thù địch ở nước ngoài đã sử dụng chiêu bài “tự do”, “dân chủ”, “nhân quyền” lập ra và tài trợ hệ thống phát thanh, báo chí, in ấn với số lượng lớn hướng vào nước ta để xuyên tạc lịch sử, vu cáo, bôi nhọ, đả kích một cách thâm độc vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đề cao giá trị của chủ nghĩa Tư bản. Chúng khuyến khích, sử dụng các bài viết, tác phẩm phản động của những phần tử xấu, bất mãn trong và ngoài nước gửi đến để phát trên các đài phát thanh, in thành sách, báo đưa vào nước ta. Mục đích của chúng là tạo ra “khoảng trống” về tư tưởng, hình thành các khuynh hướng, các nhân tố chống đối từ bên trong, làm khủng hoảng, tan rã về niềm tin và ý chí của cán bộ và nhân dân ta đối với Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Chúng lợi dụng “dân chủ”, “nhân quyền”, lợi dụng “cơ chế mở” của Nhà nước ta để hợp pháp hóa, công khai hóa, quốc tế hóa các hoạt động chống đối, công khai hoặc lén lút cổ vũ, ủng hộ về tinh thần và vật chất cho các đối tượng đối lập để tạo nên tiếng nói phản diện từ bên trong xã hội ta.

### **2.3. Phần ẩn của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay**

Thực tế cho thấy, con số thống kê trên chỉ là phần hiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay và cũng mới chỉ phản ánh phần nào tình hình các tội xâm phạm ANQG đã xảy ra bởi còn một phần của tổng số các tội xâm phạm ANQG đã xảy ra mà các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa nắm bắt được, chưa phát hiện được, hoặc chưa xử lý về hình sự nên chưa được thống kê, đó là phần tội phạm ẩn. Các công trình nghiên cứu THTP cho thấy tỷ lệ tội phạm ẩn ở nước ta khá cao, trong đó có các tội xâm phạm ANQG.

#### ***2.3.1. Đánh giá về loại tội phạm ẩn của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia***

Dựa trên lý thuyết về tội phạm ẩn của khoa học Tội phạm học Việt Nam hiện nay, tình hình các tội xâm phạm ANQG có thể tồn tại các loại tội phạm ẩn sau:

*Ẩn khách quan:* Có thể hiểu tội phạm ẩn khách quan là những tội phạm đã xảy ra trong thực tế, song các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự không



có thông tin về chúng. Với nhiều tội trong nhóm các tội xâm phạm ANQG, tính chất hoạt động phạm tội bí mật là chủ yếu (như tội phản bội Tổ quốc, tội gián điệp, tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân), các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG thường sử dụng nhiều thủ đoạn, tinh vi xảo quyệt nhằm che giấu hành vi phạm tội, tránh sự phát hiện của người khác và của các cơ quan chức năng. Chính vì thế, có rất nhiều vụ xâm phạm ANQG không bị phát hiện, không bị xử lý trước pháp luật. THTP ẩn của các tội phạm xâm phạm ANQG như vậy được xếp vào loại tội phạm ẩn khách quan, có lý do ẩn từ phía chủ thể của hành vi.

Trong thực tế, nhiều trường hợp công dân biết được hành vi xâm phạm ANQG của các đối tượng nhưng không trình báo cơ quan chức năng. Có thể họ có mối quan hệ gia đình, bạn bè thân thiết, hàng xóm... với người phạm tội nên có hành vi bao che. Cũng có nhiều trường hợp việc không trình báo cơ quan chức năng là do tâm lý sợ bị trả thù, sợ bị liên lụy, sợ bị lộ hành vi vi phạm pháp luật của chính mình.... Loại THTP ẩn của các tội xâm phạm ANQG có lý do xuất phát từ phía người biết việc không tố giác tội phạm với các cơ quan chức năng gọi là tội phạm ẩn tự nhiên hay còn gọi là tội phạm ẩn khách quan.

*Ẩn chủ quan:* Tội phạm ẩn chủ quan được khái quát là toàn bộ các tội phạm đã xảy ra mà thông tin về chúng đã được các chủ thể trực tiếp đấu tranh chống tội phạm biết được, song vì những lý do khác nhau, các tội phạm đó trong một thời gian nhất định hoặc vĩnh viễn không bị xử lý hoặc xử lý không đúng quy định của pháp luật. Loại tội phạm ẩn này rất khó xác định. Nếu như các phương pháp xác định tội phạm ẩn cũng chỉ cho một con số tương đối thì đối với loại tội phạm ẩn chủ quan lại càng khó tiệm tiến đến điểm chính xác vì nhiều nguyên nhân xuất phát ngay từ những người có trách nhiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Một bộ phận các tội xâm phạm ANQG đã bị cơ quan chức năng phát hiện nhưng lại không được xử lý cho nên số vụ phạm tội này không có trong thống kê hình sự. Để dẫn đến loại tội phạm ẩn chủ quan đối với các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam chính là từ cơ quan chức năng (có thể là CQĐT, VKS hoặc TA) trong việc xử lý các tội xâm phạm ANQG. Tuy nhiên, chứng minh loại tội phạm ẩn này là việc làm rất khó bởi thực tế cho thấy khi người phạm tội bị các cơ quan chức năng phát hiện thì hành vi phạm tội xâm phạm ANQG lại bị che giấu bởi một tội phạm ẩn khách

quan khác. Nếu tội phạm ẩn khách quan tồn tại chủ yếu trước khi tội phạm bị cơ quan chức năng phát hiện thì tội phạm ẩn chủ quan lại có thể tồn tại cả ở ba giai đoạn tố tụng hình sự: điều tra, truy tố, xét xử.

*Ẩn thống kê:* Ngoài tội phạm ẩn khách quan và ẩn chủ quan nêu trên, tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay còn có thể tồn tại dưới dạng ẩn thống kê. Ẩn thống kê là loại tội phạm đã xảy ra, đã bị xử lý nhưng lại không có trong thống kê hình sự. Đây không phải do sai sót mà có thể do những nguyên nhân khác nhau như mẫu thống kê không bao quát hết dẫn tới “lọt” một số vụ việc, đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG. Ví dụ: theo mẫu thống kê 1A được sử dụng hiện nay tại TAND cấp tỉnh và cấp quận, huyện thì khi một người phạm nhiều tội trong cùng một vụ án thì cán bộ thống kê chỉ thống kê một tội danh nghiêm trọng nhất và có hình phạt cao nhất.

Tình trạng các tội xâm phạm ANQG không bị phát hiện gây những ảnh hưởng sâu sắc đến sự ổn định và phát triển vững mạnh của chính quyền nhân dân. Thực tế cho thấy, các đối tượng trong những vụ án xâm phạm ANQG được phát hiện, xử lý có xu hướng tái phạm rất cao bởi mục đích chống chính quyền nhân dân thường xuất phát từ ý thức chính trị sâu sắc, “ăn sâu” vào tiềm thức của người phạm tội nên có nhiều trường hợp, ngay cả khi đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn đã tìm cách móc nối với các đối tượng trong và ngoài nước để âm mưu chống phá Nhà nước ngay sau khi chấp hành xong hình phạt. Đó là với những đối tượng phạm tội đã bị phát hiện xử lý, còn với những đối tượng chưa bị phát hiện thì khả năng hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia càng thể hiện tính chất nguy hiểm và quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Do không bị phát hiện nên bọn chúng không phải chịu bất kỳ một tác động nào của xã hội và pháp luật, tự bản thân chúng không thấy sợ vì những hành vi phạm tội do chúng gây ra, điều đó đã tạo môi trường tâm lý vững vàng để bọn chúng nuôi dưỡng ý đồ thực hiện hành vi phạm tội tiếp theo.

### ***2.3.2. Đánh giá về một số thống số ẩn của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam***

\* *Về cấp độ ẩn:* Tiếp cận theo quan điểm của PGS, TS Phạm Văn Tình về đánh giá độ ẩn của THPT như đã nêu trong tiểu mục 2.1.2 của luận án, có thể xếp tình hình các tội xâm phạm ANQG ẩn ở cấp độ II vì những lý do sau:

- Thứ nhất, như phân tích ở tiểu mục 2.3.1, các tội xâm phạm ANQG có khả năng tồn tại cả ba loại ản là ản khách quan, ản chủ quan và ản thống kê nên khả năng các tội phạm này bị “ản khuất” khá nhiều dưới các hình thức ản khác nhau.

- Thứ hai, các tội xâm phạm ANQG là những tội phạm không có nạn nhân trực tiếp nên nhóm tội phạm này không có được sự tố giác từ phía nạn nhân. Bên cạnh đó, sự tham gia tố giác của quần chúng nhân dân với nhóm tội phạm này cũng rất hạn chế. Thực tế, người biết việc trong các vụ án xâm phạm ANQG không trình báo với cơ quan chức năng vì nhiều lý do. Có thể từ phía cán bộ tiếp nhận thông tin có thái độ hờ hững, thậm chí còn tạo cho họ cảm giác như chính họ phạm tội. Cũng có thể họ sợ bị liên lụy, sợ bị trả thù, sợ ảnh hưởng đến quan hệ thân thiết với người phạm tội... Bên cạnh đó, nhiều người không đủ khả năng nhận ra hành vi của các đối tượng là xâm phạm ANQG bởi sự tinh vi, xảo quyệt khi thực hiện tội phạm của các đối tượng hoặc do chính sự thiếu hiểu biết kiến thức pháp luật, kiến thức xã hội của chính bản thân người biết việc. Hiện tượng người biết việc không tố giác tội phạm xâm phạm ANQG với các cơ quan pháp luật là rất phổ biến.

- Thứ ba, các tội xâm phạm ANQG chưa được điều tra, xử lý còn khá cao, tỷ lệ những vụ án bị rơi vào bế tắc vẫn còn nhiều. Trong nhiều vụ, mặc dù các bị can, bị cáo khai nhận về hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình nhưng do CQĐT không chứng minh được mục đích chống chính quyền nhân dân của các đối tượng này nên không thể xử lý được về một trong các tội xâm phạm ANQG.

Đối với các tội xâm phạm ANQG, mục đích là dấu hiệu bắt buộc trong định tội. Mục đích chống chính quyền là mục đích chung phải có đối với tất cả các tội xâm phạm ANQG. Tuy vậy mục đích chống chính quyền chỉ có ý nghĩa xác định một hành vi cụ thể phạm tội xâm phạm ANQG. Muốn xác định hành vi đó phạm tội gì phải căn cứ vào mục đích cụ thể. Biểu hiện của hành vi phạm tội và mục đích cụ thể giúp ta xác định khách thể trực tiếp của tội phạm. Tất cả các tội xâm phạm ANQG đều nhằm chống chính quyền nhưng mục đích cụ thể thì khác nhau và đó là căn cứ để định tội. Chẳng hạn hành vi thành lập tổ chức chống chính quyền, nếu mục đích nhằm lật đổ chính quyền thì phạm tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân; nếu nhằm thu thập bí mật Nhà nước cung cấp cho nước ngoài thì phạm tội gián điệp. Hành vi tuyên truyền xuyên tạc chế độ XHCN, nếu nhằm gây chia rẽ tín đồ tôn giáo với chính quyền thì phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết; nếu

nhằm kích động người khác trốn đi nước ngoài thì phạm tội trốn đi nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân.

Mục đích phạm tội là đối tượng chứng minh, là vấn đề cần phải thu thập chứng cứ để làm rõ. So với các đối tượng chứng minh khác, việc chứng minh mục đích phạm tội trong các tội xâm phạm ANQG là vấn đề rất phức tạp và khó khăn khiến cho không ít các trường hợp thực chất hành vi phạm tội xâm phạm ANQG nhưng không xử lý được về một trong các tội xâm phạm ANQG do không đủ chứng cứ chứng minh mục đích chống chính quyền nhân dân. Đây là một trong những nguyên nhân căn bản dẫn đến phần ần của tình hình các tội xâm phạm ANQG.

- Thứ tư, nhiều hoạt động xâm phạm ANQG có sự câu kết giữa các đối tượng trong nước với các phần tử chống đối lưu vong ở nước ngoài được thực hiện ở lãnh thổ nước ngoài gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc phát hiện cũng như các đối tượng phạm tội. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình hình tội phạm ẩn ở dạng ẩn khách quan đối với các tội xâm phạm ANQG.

- Thứ năm, yêu cầu chính trị trong việc xử lý một số vụ án xâm phạm ANQG cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến phần ần của loại tội phạm này.

Từ năm 2006 đến năm 2015, Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân đã tiếp nhận nhiều vụ việc có dấu hiệu phạm các tội xâm phạm ANQG, tuy nhiên trong số đó có hơn 100 vụ hoặc là khởi tố về tội danh không thuộc nhóm các tội xâm phạm ANQG, hoặc không khởi tố hình sự mà xử lý bằng các biện pháp khác như: xử lý hành chính, răn đe, vô hiệu hóa, trục xuất. Đối với những vụ án liên quan đến nước ngoài, tôn giáo, các cơ quan chức năng đã tham mưu, đề xuất đường lối xử lý, đảm bảo yêu cầu phục vụ công tác đối ngoại của Đảng, đảm bảo đường lối, chính sách hình sự trong việc trừng trị nghiêm khắc và phân hóa cao độ đối với các đối tượng đặc biệt nguy hiểm có hoạt động xâm phạm ANQG. Trường hợp người nước ngoài phạm tội xâm phạm ANQG, nếu được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ về ngoại giao, lãnh sự thì các cơ quan bảo vệ pháp luật không khởi tố, điều tra mà chỉ lập hồ sơ giải quyết thông qua con đường ngoại giao. Còn với đối tượng không được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao thì việc khởi tố, điều tra, xác định tội danh được tính toán, cân nhắc về nhiều mặt nhất là về chính trị, ngoại giao... Có trường hợp đối tượng phạm nhiều tội nhưng chỉ chọn một tội để khởi tố, điều tra, xử lý. Có trường hợp đối tượng phạm tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm

ANQG nhưng lại phải truy tố về tội danh khác. Việc vận dụng đối sách với loại đối tượng này, đảm bảo vừa xử lý được kẻ phạm tội để bảo đảm chủ quyền quốc gia, vừa không gây phản ứng tiêu cực từ phía nước ngoài, đáp ứng yêu cầu về chính trị, ngoại giao phù hợp với thông lệ quốc tế. Do có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật, một số người nước ngoài phạm tội xâm phạm ANQG đã bị khởi tố, điều tra, truy tố trước pháp luật. Một số sau khi kết thúc điều tra đã được chuyển sang xử lý hành chính như trao trả, đẩy đũa kèm theo các biện pháp khác như phạt tiền, tịch thu phương tiện phạm tội, đưa vào danh sách cấm nhập cảnh. Một số tuy đưa ra xét xử nhưng hạn chế hình phạt tù có thời hạn hoặc rút ngắn thời gian chấp hành hình phạt tại các trại giam ở Việt Nam. Không ít trường hợp, sau khi xét xử, theo yêu cầu của nước có công dân phạm tội, Việt Nam đã chuyển giao đối tượng cho nước ngoài hoặc tha cho xuất cảnh về nước.

Với những vụ án liên quan đến tôn giáo, dân tộc, các cơ quan bảo vệ pháp luật đã quán triệt chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng và Nhà nước ta trong hoạt động điều tra, truy tố xét xử. Thực tiễn điều tra, xử lý các vụ án xâm phạm ANQG, trong đó có một số đối tượng là người có chức sắc trong tôn giáo cho thấy, chỉ cần xử lý những đối tượng cực đoan về những hành vi phạm tội khác, còn các hành vi phạm tội có mục đích chống chính quyền nhân dân được tách ra đấu tranh lâu dài. Tuy nhiên, xét tình hình chính trị ở địa phương, ở trong và ngoài nước, nếu khởi tố, xét xử về nhiều tội sẽ bất lợi về chính trị, nên các cơ quan bảo vệ pháp luật chỉ tập trung điều tra, truy tố, xét xử tội gây rối trật tự công cộng. Các hành vi hủy hoại tài sản Nhà nước, chống người thi hành công vụ được vận dụng linh hoạt làm tình tiết định khung, còn các hành vi phạm tội có mục đích chống chính quyền nhân dân được tách ra để đấu tranh lâu dài. Như vậy, vẫn còn một tỷ lệ tội phạm nhất định không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm pháp do chính họ gây ra. Do không bị xử lý kịp thời, xử lý nghiêm khắc, thời gian ỉn lâu nên đã tạo điều kiện cho các đối tượng xâm phạm ANQG lôi kéo thêm được nhiều kẻ khác cùng phạm tội, hình thành các tổ chức phản động chống chính quyền nhân dân.

- Thứ sáu, xuất phát từ phương thức, thủ đoạn phạm tội và che giấu tội phạm của các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG. Các tội xâm phạm ANQG là những tội có tính nguy hiểm cho xã hội cao và người phạm tội có nguy cơ phải đối diện với các khung hình phạt nghiêm khắc của Nhà nước (cao nhất là tử hình), cho nên

đa số các vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian qua được thực hiện với phương thức bí mật, đơn tuyến (nhất là các vụ phạm tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, gián điệp, trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân). Các đối tượng trước khi thực hiện tội phạm thường có kế hoạch chuẩn bị chu đáo cả về cách thức thực hiện tội phạm, cách thức che giấu công cụ, phương tiện, người phạm tội cũng như thủ đoạn đánh lạc hướng cơ quan chức năng sau khi tội phạm được thực hiện.

\* *Về tỷ lệ ẩn*: Việc xác định tỷ lệ ẩn của tình hình các tội xâm phạm ANQG có thể khẳng định là chỉ mang tính tương đối, tuy nhiên những thông số đó cũng phản ánh được bức tranh của THTP ẩn trong một thời gian, không gian xác định.

Từ những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX, các nhà tội phạm học đã rút ra được một số phương pháp xác định tỉ lệ ẩn của tội phạm bao gồm: phương pháp điều tra xã hội học bằng phiếu thăm dò người bị hại, bằng phiếu thăm dò bị can, phương pháp phân tích tổng hợp và phương pháp thực nghiệm. Tuy nhiên, đối với tất cả các phương pháp này, khi áp dụng để xác định tỉ lệ ẩn của các tội xâm phạm ANQG là việc làm vô cùng khó khăn và có xu hướng cho kết quả không chính xác. Mặc dù vậy, bằng phương pháp phân tích tổng hợp khi nghiên cứu về các vụ án xâm phạm ANQG cũng như làm rõ được quy luật phạm tội của các đối tượng xâm phạm ANQG, có thể khẳng định nhóm tội xâm phạm ANQG là các tội có mức độ ẩn khá cao. Khi các tội xâm phạm ANQG vẫn còn ẩn khuất, vẫn còn “nằm trong bóng tối” thì mối đe dọa đến sự ổn định và phát triển vững mạnh của chính quyền nhân dân càng trở nên khó lường. Do đó, nhận diện được tình hình ẩn của các tội xâm phạm ANQG không chỉ bởi vì tội phạm ẩn là một vấn đề quan trọng trong nội dung của THTP, mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc tính toán một cách hiệu quả các biện pháp được áp dụng trong phòng, chống loại tội phạm này, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực do hành vi của các đối tượng xâm phạm ANQG gây ra.

## Kết luận Chương 2

Trải qua chặng dài lịch sử lập pháp hình sự nước ta, các tội xâm phạm ANQG luôn thể hiện tính chất và mức độ nguy hiểm đặc biệt lớn so với các nhóm tội phạm khác. Chính bởi những đe dọa nghiêm trọng, thường xuyên có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển vững mạnh của chính quyền nhân dân nên công tác phòng, chống loại tội phạm này cần phải được thực hiện một cách nghiêm túc và có hiệu quả. Thực hiện mục tiêu đó, kết quả nghiên cứu trong Chương 2 của luận án đã làm rõ những nội dung liên quan đến tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Cụ thể là:

*Thứ nhất*, làm rõ những vấn đề lý luận có liên quan đến tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay. Dựa trên cơ sở lựa chọn các quan điểm tiếp cận về THTP nói chung của một số nhà khoa học, chúng tôi đã xây dựng những lý luận về tình hình các tội xâm phạm ANQG. Qua đó, xác định tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam được phản ánh qua các thông số định lượng (thực trạng, diễn biến) và định tính (cơ cấu, tính chất). Bên cạnh phản hiện, tình hình các tội xâm phạm ANQG cũng được phản ánh qua phần ẩn của tình hình tội phạm mà để đánh giá đầy đủ được vấn đề này phải làm rõ các nội dung quan trọng như: loại ẩn, cấp độ ẩn, tỷ lệ ẩn.

*Thứ hai*, trên cơ sở lý luận về tình hình các tội xâm phạm ANQG được xây dựng, chúng tôi phân tích một cách chi tiết phần hiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay thông qua các số liệu thu thập từ nguồn chủ yếu là số liệu thống kê về số vụ, số người phạm tội xâm phạm ANQG từ năm 2006 đến năm 2015, có sử dụng những dẫn chứng cụ thể thông qua các nội dung được phản ánh trong các bản án hình sự về các vụ án xâm phạm ANQG do TAND tối cao cung cấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy: từ năm 2006 đến năm 2015, tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam mặc dù chiếm tỷ trọng không lớn so với tổng số vụ phạm tội xảy ra trong phạm vi cả nước, nhưng diễn biến phức tạp, lúc tăng, lúc giảm không theo một quy luật nhất định. Trong số vụ xâm phạm ANQG đã xét xử, chiếm đa số là số vụ và số bị cáo phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết, số vụ được thực hiện dưới hình thức đồng phạm với nhân thân người phạm tội chủ yếu là có trình độ học vấn thấp, đồng bào dân tộc thiểu số, thành phần nguy quân, nguy quyền

cũ, nam giới, phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo. Mức hình phạt chủ yếu áp dụng đối với người phạm tội xâm phạm ANQG trong thời gian qua là tù từ trên 3 đến 7 năm.

Qua các thông số trên, luận án đã chỉ rõ tính chất phức tạp, nghiêm trọng của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay. Đặc biệt trước tình hình thế giới có nhiều biến động, các thế lực thù địch luôn thay đổi nhiều phương thức, thủ đoạn nhằm lôi kéo ngày càng nhiều công dân Việt Nam chống lại chính quyền nhân dân, hướng tới những cuộc bạo loạn lật đổ nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, thay đổi chế độ ở Việt Nam.

*Thứ ba*, những số liệu phân tích trên chỉ phản ánh được phần hiện (phần rõ) của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh phần hiện, luận án cũng phân tích nhằm góp phần làm làm rõ phần ẩn của THTP. Kết quả cho thấy, các tội xâm phạm ANQG bao gồm cả ba loại: ẩn khách quan, ẩn chủ quan và ẩn thống kê. Đồng thời bằng những lý do cụ thể, chúng tôi cho rằng các tội xâm phạm ANQG có mức độ ẩn II. Những đánh giá này góp phần quan trọng trong định hướng các biện pháp nhằm hạn chế THTP ẩn đối với các tội xâm phạm ANQG.

Các kết quả nghiên cứu trong Chương 2 là những căn cứ quan trọng phản ánh chính xác tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu này, Chương 3 của luận án sẽ tập trung làm rõ những nguyên nhân dẫn đến tình hình các tội xâm phạm ANQG một cách sát hợp, đúng hướng.



### Chương 3

## NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

### 3.1. Những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia

#### 3.1.1. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia

Nguyên nhân và điều kiện của THTP là vấn đề cơ bản và là một nội dung nghiên cứu quan trọng của tội phạm học. Lịch sử phát triển của tội phạm học cho thấy tùy theo trường phái khác nhau, dựa vào hệ thống phương pháp luận khác nhau có những cách giải thích khác nhau về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm.

Để làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi hoàn toàn nhất trí với lý luận về nguyên nhân và điều kiện của THTP theo quan điểm của GS, TS Võ Khánh Vinh: “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm như là hậu quả của mình*” [107, tr.80].

Từ quan điểm trên, có thể tiếp cận nguyên nhân, điều kiện của THTP như sau:

Nguyên nhân là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt trong một sự vật, một hiện tượng hoặc giữa các sự vật, các hiện tượng với nhau gây ra sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Về bản chất, nguyên nhân không phải là hiện tượng hay sự vật nào đó, mà nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại. Không có sự tác động qua lại thì không có nguyên nhân. Và để nguyên nhân sinh ra kết quả nhất định nào đó, thì quá trình tương tác phải diễn ra trong điều kiện nhất định.

Điều kiện tuy không sản sinh ra kết quả, song tạo thuận lợi, hỗ trợ, thúc đẩy sự tương tác sinh ra kết quả. Về bản chất, điều kiện là những sự kiện, hiện tượng, tình huống, hoàn cảnh nhất định.

Nguyên nhân và điều kiện của THTP là hai phạm trù khác nhau, giữ vai trò khác nhau trong việc sinh ra kết quả là THTP. Trong lĩnh vực xã hội nói chung và tội phạm học nói riêng, việc phân biệt nguyên nhân và điều kiện chỉ mang tính tương đối. Hơn nữa, thực tế đấu tranh và phòng ngừa tội phạm lại luôn đòi hỏi phải

loại trừ cả hai, tức là phải loại trừ cả những gì thuộc về nguyên nhân và cả những gì thuộc về điều kiện phát sinh THTP. Chính vì tính phức tạp của sự tác động qua lại, tính muôn hình muôn vẻ của sự tác động cũng như sự đòi hỏi của thực tế đấu tranh và phòng ngừa tội phạm ở nước ta mà việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của THTP là làm rõ được các hiện tượng, các yếu tố tham gia vào sự tác động qua lại này. Như vậy, vấn đề then chốt và khả thi của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của THTP ở nước ta hiện nay là chỉ ra cho được toàn bộ những lý do làm phát sinh THTP.

Từ những lý luận và sự phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG như sau:

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình các tội phạm xâm phạm ANQG như là hậu quả của mình.

Như vậy, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của THTP nói chung, của tình hình các tội xâm phạm ANQG nói riêng là làm sáng tỏ toàn bộ các hiện tượng, các quá trình xã hội làm phát sinh các tội xâm phạm ANQG.

Nguyên nhân và điều kiện của THTP xâm phạm ANQG liên quan chặt chẽ với nhau nhưng độc lập với nhau. Trong thực tế, không phải khi nào có nguyên nhân là tất yếu dẫn tới tội phạm mà nguyên nhân chỉ làm phát sinh tội phạm khi đã có điều kiện thuận lợi và điều kiện này như chất xúc tác thúc đẩy cho tội phạm hình thành. Tội phạm chỉ có thể xảy ra khi hội tụ đủ hai yếu tố: nguyên nhân và điều kiện. Nếu thiếu một trong hai yếu tố nói trên thì tội phạm không thể xuất hiện và không thể tồn tại. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG rất đa dạng và biểu hiện ở nhiều cấp độ khác nhau nên việc xác định chúng gặp nhiều khó khăn và phức tạp. Bởi vì nguyên nhân và điều kiện của THTP xâm phạm ANQG có mối quan hệ chặt chẽ với nhau mà nếu tách biệt chúng ra thì có khi lại không phân biệt được đâu là nguyên nhân và đâu là điều kiện. Hơn nữa, tình hình các tội xâm phạm ANQG là hệ quả của nguyên nhân và điều kiện được nảy sinh bởi nhiều các hiện tượng xã hội khách quan và chủ quan tác động qua lại lẫn nhau và luôn nằm ngoài ý thức của người phạm tội xâm phạm ANQG. Vì vậy, ở trong trường hợp này có thể coi hiện tượng xã hội này là nguyên nhân, nhưng ở trường

hợp khác, hiện tượng xã hội đó lại là điều kiện của THTP xâm phạm ANQG. Chính vì vậy, theo khuynh hướng của đa số các nhà nghiên cứu tội phạm học hiện nay, luận án sẽ không tách bạch rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG, mà họ xem xét chúng trong tổng thể các yếu tố tác động ảnh hưởng đến quá trình phát sinh, tồn tại tình hình đó.

Tình hình các tội xâm phạm ANQG là một thực tế diễn ra trong một không gian, thời gian nhất định. Chúng luôn luôn gắn bó chặt chẽ với các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và bản thân con người trong từng thời điểm nhất định và chịu sự tác động của những yếu tố đó. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thay đổi thì nguyên nhân và điều kiện của các tội xâm phạm ANQG cũng thay đổi theo. Do đó, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG phải vừa cụ thể nhưng lại phải hệ thống, toàn diện, đồng thời phải xem xét chặt chẽ trong giới hạn thời gian, không gian nhất định gắn với các điều kiện kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa xã hội nhất định. Về vấn đề này, GS, TS Đào Trí Úc cũng từng nhận định: *“Ở mức toàn xã hội, tội phạm phải được coi là một bộ phận, một yếu tố đặt trong mối liên hệ mật thiết với các quá trình và hiện tượng khác, trong đó có hiện tượng tích cực và cả tiêu cực. Ở đây sẽ có hai loại quan hệ: quan hệ giữa tội phạm với các quá trình xã hội về mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... và quan hệ giữa tội phạm với các hiện tượng tiêu cực, các vi phạm và các tệ nạn xã hội khác”* [112, tr.24].

### ***3.1.2. Phân loại các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia***

Trong lý luận tội phạm học, các nhà nghiên cứu đã dựa vào những tiêu chí khác nhau để phân loại nguyên nhân và điều kiện của THTP, từ đó cho các kết quả phân loại nguyên nhân và điều kiện của THTP khác nhau. Theo quan điểm của Giáo sư, Tiến sĩ Võ Khánh Vinh trong cuốn Giáo trình Tội phạm học (Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2013), có thể thấy có nhiều tiêu chí khác nhau để dựa vào đó tiến hành phân loại nguyên nhân và điều kiện của THTP, chẳng hạn: dựa vào nội dung, mức độ, nguồn gốc, bản chất.

Dựa vào nội dung, nguyên nhân và điều kiện của THTP bao gồm các nguyên nhân và điều kiện tồn tại trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, tư tưởng, chính trị, tâm lý, văn hóa, giáo dục, tổ chức, quản lý.

Dựa vào mức độ, nguyên nhân và điều kiện của THTP bao gồm: các nguyên nhân và điều kiện của THTP chung, các nguyên nhân và điều kiện của các tội phạm cụ thể.

Dựa vào nguồn gốc, các nguyên nhân và điều kiện của THTP bao gồm các nguyên nhân và điều kiện bên trong và các nguyên nhân và điều kiện bên ngoài, trong đó nguyên nhân và điều kiện bên trong của THTP ở trong xã hội gắn liền với các mâu thuẫn bên trong của xã hội, còn các nguyên nhân và điều kiện bên ngoài gắn với sự ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài xã hội.

Theo bản chất, các nguyên nhân và điều kiện của THTP được chia thành các nguyên nhân và điều kiện khách quan, các nguyên nhân và điều kiện khách quan – chủ quan, các nguyên nhân và điều kiện chủ quan.

Trong các tiêu chí phân loại trên, chúng tôi lựa chọn tiêu chí phân loại theo nội dung để làm cơ sở lý luận cho việc đánh giá nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam. Theo đó, nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG bao gồm: các nguyên nhân và điều kiện tồn tại trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, tư tưởng, chính trị, tâm lý, văn hóa, giáo dục, tổ chức, quản lý.

### **3.2. Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay**

Trên cơ sở lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG như phân tích trong mục 3.1, dựa trên kết quả nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2015 trong Chương 2 của luận án, có thể thấy nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay là tổng thể các nguyên nhân và điều kiện sau:

#### ***3.2.1. Các nguyên nhân và điều kiện về tư tưởng, quan điểm chính trị***

*- Một là, xuất phát từ ý thức hệ của những người phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia*

Có thể nói nguyên nhân chủ yếu, cơ bản nhất của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay chính là xuất phát từ ý thức hệ của người phạm tội.

Qua phân tích số liệu tại Chương 2 của luận án về cơ cấu theo thành phần xã hội, có thể thấy số bị cáo là ngụy quân, ngụy quyền trong chế độ cũ chiếm tỉ lệ khá cao (26,08%). Cùng đó là số đối tượng lưu manh chuyên nghiệp và số tập trung cải tạo,

mãn hạn tù cũng chiếm tỷ lệ 5,76%. Những đối tượng này xét về ý thức hệ, việc chống chính quyền nhà nước như một nhu cầu cố hữu, không thể từ bỏ, một nhiệm vụ phải thực hiện thường xuyên.

Chẳng hạn, đối với trường hợp của đối tượng Nguyễn Q phạm tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân xảy ra tại Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 8/1981, Nguyễn Q đã tham gia "Mặt trận quốc gia thống nhất giải phóng Việt Nam" (gọi tắt là "Việt Tân"). Từ năm 2006, là Ủy viên trung ương "Việt Tân". Năm 2007, Nguyễn Q bị TAND Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và bị trục xuất khỏi Việt Nam vào năm 2008 (Bản án sơ thẩm số 383/2008/HSST ngày 13/5/2008 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh). Mặc dù đã được hưởng khoan hồng của Nhà nước Việt Nam nhưng khi trở về Mỹ, Nguyễn Q vẫn không chịu ăn năn hối cải, vẫn tiếp tục tham gia tổ chức "Việt Tân" và hoạt động tích cực chống phá Nhà nước Việt Nam. Cụ thể là:

Tháng 8/2009, Nguyễn Q sang Thái Lan làm đại diện của "Việt Tân" tại khu vực Đông Nam Á để huấn luyện các lớp đấu tranh bất bạo động; tuyển lựa, chăm chọn người cho "Việt Tân" thông qua việc giảng các lớp kỹ năng mềm, đồng thời đón tiếp, bố trí chỗ ăn, ở cho các cảm tình, đảng viên, người của "Việt Tân" từ các nước đến Thái Lan hoạt động. Tháng 9/2009, Nguyễn Q sang Malaysia huấn luyện về đấu tranh bất bạo động, cách bảo mật thông tin khi liên lạc với tổ chức "Việt Tân". Tại Thái Lan, Nguyễn Q cùng đồng bọn tiếp tục tổ chức tuyển lựa, lôi kéo người tham gia tổ chức "Việt Tân"; huấn luyện phương pháp đấu tranh bất bạo động, cách áp dụng đấu tranh bất bạo động vào Việt Nam. Sau khi làm thủ tục thay tên, đổi họ thành Nguyen Richard vào năm 2008. Ngày 22/6/2011, Nguyễn Q dùng tên Nguyen Richard nhập cảnh về Việt Nam để thực hiện việc tuyển lựa, lôi kéo người tham gia "Việt Tân" thông qua dạy kỹ năng mềm và thử phương thức thay tên, đổi họ của chúng có xâm nhập được về Việt Nam không. Ngoài ra, Nguyễn Q còn đi một số nơi để tìm hiểu tình hình xã hội Việt Nam; phỏng vấn một số người dân về phản ứng liên quan đến việc biểu tình chống Trung Quốc để thông báo lại cho "Việt Tân".

Có thể nói, ý thức chính trị của Nguyễn Q hoàn toàn đi ngược với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Mặc dù Nguyễn Q đã được hưởng khoan hồng của Nhà nước Việt Nam song không làm thay đổi ý thức hệ vốn đã được hình thành

và nuôi dưỡng suốt hơn 30 năm bằng sự tiếp tay của các thế lực thù địch bên ngoài và bằng chính sự tích cực hoạt động chống phá không ngừng của Nguyễn Q.

Thực chất, đối với những đối tượng này, ý thức chính trị và hệ tư tưởng đã được hình thành và “hằn sâu” như một “lý tưởng” cần đạt được. Chính điều này trở thành nguyên nhân chi phối cho những hoạt động chống phá Nhà nước Việt Nam một cách “điên cuồng”, không thể ngừng lại. Về bản chất, sự chống đối này là sự giằng co chế độ, là lợi ích sống còn mang tính chất của quốc gia, dân tộc, của những người có “vấn đề lịch sử” qua các thời kỳ. Bên cạnh đó, đa số những đối tượng còn lại tuy không có lịch sử chống đối chính quyền nhân dân nhưng phạm tội cũng xuất phát từ sự đối kháng về nhận thức chính trị. Nói cách khác, thực chất đây là mâu thuẫn gay gắt giữa các hệ tư tưởng.

Hệ giá trị mà phần lớn những đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG đã lựa chọn là hệ giá trị phương Tây. Các đối tượng này không tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta, nghi ngờ vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và cho rằng xã hội tư bản là “cái đích” muốn hướng tới, từ đó có những biểu hiện nhằm “chuyển màu” cách mạng Việt Nam theo hướng Tây hóa. Ý thức chống đối sâu sắc là một đặc điểm nổi lên ở các đối tượng phạm các tội xâm phạm ANQG. Các đối tượng bộc lộ quan điểm chính trị hết sức lệch lạc, phản động, luôn tìm mọi cách để tranh luận quan điểm và thường không thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các đối tượng này luôn tỏ thái độ, hành vi chống đối quyết liệt với các cơ quan chức năng như chống trả lực lượng bắt, khám xét; bất hợp tác không chịu ký vào các văn bản pháp lý; có biểu hiện cực đoan trong quá trình giam giữ như: tuyệt thực để đòi đáp ứng các yêu sách cá nhân, dọa tự sát... Trong đó, có những đối tượng đã có quá trình chống đối lâu dài, thậm chí đã từng bị bắt, giam giữ nhiều lần nên có nhiều kinh nghiệm, thủ đoạn đối phó với các cơ quan tiến hành tố tụng. Chẳng hạn, đối tượng Trần Anh K trong vụ hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Thái Bình), luôn có sự chuẩn bị sẵn về tâm lý khi bị bắt, giam giữ, thậm chí còn mong mình bị bắt để được nổi tiếng, để được nước ngoài chú ý. Vì vậy, đối tượng này thường có trạng thái tâm lý bình tĩnh, tự tin, tỏ ra không sợ sự trừng trị của Nhà nước, luôn tìm mọi cách đối phó với các cơ quan chức năng. Trên thực tế, các đối tượng này còn triệt để khai thác những quy định của pháp luật (như quyền được khiếu nại, tố cáo, quyền được gửi quà, gặp mặt

thân nhân, quyền được điều trị bệnh...) để nêu yêu sách cá nhân. Khi không được đáp ứng các yêu sách hoặc khi muốn thu hút sự can thiệp của các thế lực bên ngoài, dù có được đối xử tốt, các đối tượng cũng tìm cách vu cáo, xuyên tạc việc bắt, giam, giữ, xét xử của các cơ quan chức năng. Chẳng hạn, trường hợp của đối tượng Trương L, sau khi được trả tự do, vừa đặt chân đến Mỹ, dưới sự giật dây của các đối tượng cầm đầu tổ chức Việt Tân, Trương L đã vu khống rằng mình bị bỏ đói, bị hăm dọa, tất cả những lời khai đầu do công an Việt Nam viết sẵn rồi ép phải ký vào.

Vì những nguyên nhân phạm tội xuất phát từ ý thức hệ đã hằn sâu trong suy nghĩ và hành động của các đối tượng nên công tác phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp.

*- Hai là, các thế lực thù địch trong và ngoài nước chưa bao giờ từ bỏ âm mưu và hoạt động chống đối điên cuồng đối với Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*

Mặc dù chiến tranh đã qua đi từ lâu song những tàn dư của nó vẫn còn để lại những hậu quả nặng nề trong các mặt đời sống xã hội và con người Việt Nam. Tàn dư chiến tranh để lại không chỉ là những khó khăn về kinh tế mà còn là sự tụt hậu so với quỹ đạo phát triển chung của thế giới cũng như những khó khăn về sự thay đổi nhận thức trong một bộ phận quần chúng nhân dân về sự nghiệp cách mạng. Những khó khăn trước mắt đó đã bị các thế lực thù địch lợi dụng, xoáy sâu, so sánh với các nước phát triển nhằm chống đối sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Từ sau giải phóng đất nước đến nay, các thế lực phản động trong nước vẫn chưa cam tâm chịu thất bại mà vẫn tập hợp liên kết với nhau để xây dựng lực lượng tiến hành các hoạt động chống phá Việt Nam. Với sự hậu thuẫn của các thế lực thù địch nước ngoài, các thế lực phản động trong nước tập hợp lại và không ngừng thực hiện các kế hoạch chống phá Nhà nước ta dưới nhiều phương thức, thủ đoạn.

Những năm gần đây, cục diện thế giới có những thay đổi lớn và khá phức tạp. Cộng đồng thế giới đứng trước xu thế toàn cầu hóa. Nguy cơ chiến tranh thế giới tuy đã bị đẩy lùi nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc, tôn giáo và các hoạt động chạy đua vũ trang, khủng bố, bạo loạn, lật đổ vẫn xảy ra ở nhiều nơi, trong đó có cả những nước phát triển như Mỹ, Pháp với tính chất gay go, quyết liệt kéo dài, từ đó tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho các hoạt động xâm hại đến an ninh khu vực nói chung và từng quốc gia nói riêng, trong đó có Việt Nam.

Đối với Việt Nam, chủ nghĩa đế quốc đã có sự điều chỉnh chính sách. Chúng tăng cường hoạt động “diễn biến hòa bình” từ nhiều hướng, trên nhiều lĩnh vực, thông qua các nước đồng minh, các tổ chức phi chính phủ, các dự án hợp tác đầu tư về kinh tế, văn hóa, giáo dục để xâm nhập tác động, từng bước chuyển hóa để làm ta “tự diễn biến”, “tự đổi màu” theo hướng tư bản chủ nghĩa. Chúng tìm cách thông qua kinh tế chuyển hóa về chính trị, tập trung tấn công vào nội bộ ta, mua chuộc cán bộ, cài cắm nội gián, triệt để khai thác các nhân tố gây mất ổn định, kích động các tôn giáo, dân tộc... nhằm can thiệp, gây sức ép, gây bạo loạn, lật đổ khi có thời cơ. Mục tiêu diễn biến hòa bình của chúng là nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xóa bỏ chế độ XHCN ở nước ta.

Để thực hiện âm mưu trên, các cơ quan tình báo nước ngoài tăng cường đưa người, phương tiện tình báo thâm nhập vào Việt Nam dưới nhiều danh nghĩa khác nhau như: nhân viên cơ quan thường trú, các đoàn lâm thời, các công ty, văn phòng đại diện. Bằng nhiều phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, lực lượng này tăng cường thu thập tin tức bí mật Nhà nước, xây dựng mạng lưới cơ sở để thu thập tình báo, phá hoại nhiều mặt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, của nước ta.

Bên cạnh đó, các tổ chức phản động ở nước ngoài được chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch khác đỡ đầu đang liên kết, tập hợp lực lượng, chuyển hướng hoạt động vào nội địa ta. Chúng tìm cách xâm nhập người, vũ khí vào nội địa, thay đổi thủ đoạn bằng các chủ trương “bất bạo động”, lợi dụng chiêu bài “chống tham nhũng”, “dân chủ”, “nhân quyền” để tuyên truyền chia rẽ nội bộ ta. Mặt khác, chúng còn lợi dụng mọi khả năng và hình thức về nước như: hợp tác đầu tư kinh tế, viện trợ nhân đạo, hợp tác văn hóa - giáo dục, nghiên cứu, hội thảo, thăm thân,... để móc nối, liên kết với lực lượng chống đối bên trong, nhất là số cơ hội chính trị, tạo dựng “ngọn cò” để từng bước chuyển hóa thành tổ chức “hợp pháp” chống lại ta.

*- Thứ ba, do sự tác động của phong trào li khai tự trị trên thế giới kết hợp với tư tưởng dân tộc hẹp hòi của một bộ phận người dân tộc thiểu số trước sự lợi dụng, kích động của các thế lực thù địch về quyền dân tộc tự quyết*

Kết quả nghiên cứu tại Chương 2 của luận án cho thấy, cơ cấu theo tội danh của các tội xâm phạm ANQG thì tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 87 BLHS) chiếm tỷ lệ cao nhất với 45,58% số vụ và 43,23% số bị cáo (chiếm gần ½ tổng số tội xâm phạm ANQG), xuất phát từ nhiều lý do, trong đó có sự tác động không nhỏ



của phong trào li khai trên thế giới và tư tưởng dân tộc hẹp hòi của một bộ phận người dân tộc thiểu số.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, ngoài dân tộc Kinh còn có 53 dân tộc thiểu số với khoảng 9 triệu người chiếm 13,4% dân số cả nước. Các dân tộc ở Việt Nam có những đặc điểm khác nhau về nguồn gốc lịch sử, tâm lý, phong tục tập quán, trình độ phát triển giữa các dân tộc còn chênh lệch và nhìn chung còn thấp, chậm phát triển. Nhưng các dân tộc ở nước ta sống xen kẽ, không có lãnh thổ riêng và điều quan trọng hơn cả là có truyền thống đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, chưa bao giờ xảy ra mâu thuẫn, xung đột, chiến tranh giữa các dân tộc. Ngoài ra, ở Việt Nam có 6 tôn giáo lớn là : Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin lành, Cao đài, Hòa hảo và đạo Hồi, với một lực lượng tín đồ đáng kể vào khoảng hơn 20 triệu người. Cũng như vấn đề dân tộc, các tôn giáo ở nước ta có truyền thống tốt đẹp là đoàn kết, chưa hề xảy ra xung đột, chiến tranh giữa các tôn giáo.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn nhận thức rõ dân tộc, tôn giáo là vấn đề xã hội, chính trị phức tạp, vấn đề mà chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã và đang ra sức lợi dụng để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Âm mưu cơ bản xuyên suốt của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đối với nước ta là chia rẽ, lôi kéo các dân tộc, tôn giáo với mục tiêu làm suy yếu, tiến tới lật đổ chế độ XHCN. Trước đây, bọn đế quốc thực dân đã thực hiện chính sách chia để trị, lập ra các xứ dân tộc tự trị ở một số vùng dân tộc như: Thái, Mường, Nùng, H'Mông, Tây Nguyên,... Ngày nay, với chiến lược “diễn biến hòa bình”, các thế lực thù địch một mặt vẫn tiếp tục duy trì các phương thức hoạt động chống phá như trước đây, mặt khác chúng triệt để lợi dụng những đặc điểm, điều kiện mới để hoạt động chống phá bằng nhiều phương thức, thủ đoạn mới. Bên cạnh đó, trên cơ sở chính sách chia để trị, các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách và chưa bao giờ từ bỏ âm mưu chia rẽ các dân tộc Việt Nam với nhau, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi nhằm phá vỡ sự toàn vẹn lãnh thổ và ổn định của đất nước.

Trong tiến trình phát triển của lịch sử thế giới, chủ nghĩa li khai dân tộc tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau. Xung đột sắc tộc, tôn giáo, bất bình đẳng về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, sự can thiệp từ bên ngoài, hậu quả của chính sách “chia để trị” của chủ nghĩa thực dân là những nguyên nhân thúc đẩy chủ nghĩa li khai phát triển.

Để đạt được mục đích, các thế lực li khai dùng các phương thức cực đoan, các hoạt động khủng bố, gây sức ép đòi thương lượng, tiến tới chính quyền trung ương phải công nhận và thực hiện yêu sách của chúng. Từ chủ nghĩa li khai dân tộc đến các hoạt động bạo loạn, khủng bố nhằm đạt tới các yêu sách về chính trị đã trở thành một thực tế lịch sử tồn tại ở một số nước Đông Nam Á, điển hình là ở Thái Lan, Ấn Độ và Philippin. Ở Việt Nam, các thế lực li khai đã và đang tập trung chủ yếu vào khu vực Tây Nguyên để thực hiện âm mưu chính trị trong hoạt động chống phá Nhà nước Việt Nam.

Khu vực Tây Nguyên nằm ở phía Tây Việt Nam, tại nơi giao giới giữa Việt Nam với Lào và Campuchia, bao gồm 5 tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum và Đắk Nông. Đây là khu vực tụ cư quan trọng của các dân tộc thiểu số Việt Nam, cũng là nơi giao thoa văn hoá của nhiều dân tộc. Chủ nghĩa li khai dân tộc ở Tây Nguyên Việt Nam là một trong những vấn đề dân tộc của Việt Nam. Nguyên nhân chủ yếu là do nhân tố lịch sử, nhân tố kinh tế, nhân tố di dân, nhân tố tôn giáo, và nhân tố nước ngoài.

Thời gian qua, Tây Nguyên đã có sự chuyển biến mạnh mẽ nhưng với địa bàn rộng lớn, sự phức tạp về chính trị - xã hội với những đặc thù về tộc người, tín ngưỡng, tôn giáo và nhất là trình độ dân trí của nhân dân trong vùng còn thấp... cho nên các thế lực thù địch cả trong và ngoài nước không ngừng hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước trên địa bàn. Chúng dùng nhiều thủ đoạn kích động tâm lý dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, đòi thành lập khu tự trị... nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Những việc làm ấy đã biến Tây Nguyên trở thành nơi tiềm ẩn nhiều nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị - xã hội và an ninh trật tự, ảnh hưởng không nhỏ đến tiềm năng phát triển và cuộc sống bình yên của nhân dân trong vùng.

Việc thực hiện những thủ đoạn để kích động gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc Tây Nguyên là xuất phát từ vị trí chiến lược của Tây Nguyên và đã có từ rất sớm. Sau khi xâm lược nước ta và đánh chiếm Tây Nguyên (1884), cùng với việc thực hiện âm mưu tách Tây Nguyên ra khỏi Việt Nam, về phương diện chính trị - xã hội, thực dân Pháp thi hành chính sách "chia để trị", mà nội dung cốt lõi là: dùng người Thượng trị người Thượng, tạo ra khoảng cách không để các sắc tộc ở Tây Nguyên liên kết với nhau để dễ bề thống trị; tuyên truyền các sắc tộc Tây Nguyên không thuộc nòi giống Việt Nam, nước Pháp mới là "mẫu quốc" của người Tây

Nguyên; ngăn cấm người Kinh lên Tây Nguyên với chiêu bài "Đất Tây Nguyên của người Tây Nguyên", khoét sâu các mặt lạc hậu, ngăn chặn ảnh hưởng tiên bộ xã hội để kìm hãm đồng bào. Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp quay lại xâm chiếm Tây Nguyên và càng tập trung vào mưu đồ trên. Sau năm 1975, các lực lượng chống phá cách mạng trong nước được sự hà hơi tiếp sức của số phần động lưu vong từ bên ngoài đã tập hợp lực lượng xung quanh các tổ chức phản động mới. Hoạt động của các thế lực thù địch cả trong và ngoài nước nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc ở Tây Nguyên được xem là một trong những nguyên nhân trực tiếp gây ra sự bất ổn chính trị ở khu vực này trong thời gian vừa qua.

Nhằm tách Tây Nguyên ra khỏi Việt Nam, các thế lực thù địch, đứng đầu là các đối tượng Fulro đã từng nhen nhóm xây dựng cái gọi là “nhà nước Đêga độc lập”. Tuy Nhà nước ta đã đưa ra xét xử vụ phá rối an ninh xảy ra ở Tây Nguyên, áp dụng hình phạt đối với các đối tượng cầm đầu, nhưng những năm sau đó cho đến nay, các đối tượng vẫn chưa từ bỏ âm mưu chính trị của mình. Một mặt, chúng câu kết với các thế lực phản động quốc tế, ra sức yêu cầu sự đồng tình và ủng hộ từ bên ngoài, thúc giục các nước phương Tây gây áp lực với Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; mặt khác chúng mở rộng liên kết với các phần tử chống đối trong nước nhằm chia rẽ dân tộc, tôn giáo hướng tới phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

Mặc dù mục đích cụ thể của mỗi tổ chức phản động từ nước ngoài có khác nhau, nhưng đều có xu hướng liên hệ, tác động về nước và có các hoạt động như móc nối, thu thập tin tức tại vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, tác động gây tâm lý kỳ thị, chia rẽ dân tộc, tuyên truyền tư tưởng dân tộc hẹp hòi, cực đoan làm mất ổn định về an ninh, chính trị ở vùng dân tộc thiểu số. Lợi dụng những vấn đề phức tạp do lịch sử để lại, chúng khơi lại hận thù dân tộc, kích động vấn đề bảo tồn chữ viết và văn hóa, dựng lên cái gọi là nguy cơ đồng hóa dân tộc. "Kinh hóa" là một trong những nội dung mà các thế lực thù địch đang rêu rao ở Tây Nguyên.

Cùng đó là sự xuất hiện thêm những nhân tố ở trong nước, tạo cơ hội cho việc tuyên truyền kích động, gây chia rẽ. Những nhân tố bên trong từ việc hoạch định chính sách đến việc thực hiện chính sách cũng đã xuất hiện những vấn đề chưa phù hợp với đặc thù của Tây Nguyên, vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc cũng đã xuất hiện những mâu thuẫn nhất định, vấn đề tôn giáo, nhất là Tin Lành, vấn đề đất

đai với những thủ đoạn như lợi dụng một số thiếu sót trong giải quyết vấn đề đất đai của các cấp chính quyền để kích động đòi đất sản xuất; tập hợp một số phần tử xấu, lợi dụng sự kém hiểu biết về tôn giáo và chính sách tôn giáo trong một bộ phận người theo đạo lôi kéo họ vào các hoạt động tôn giáo trái phép chống chính quyền; kích động tạo mâu thuẫn giữa các dân tộc, lừa bịp đồng bào dân tộc thiểu số dưới chiêu bài đòi tự trị, đòi đất đai, lôi kéo thanh niên vượt biên sang Campuchia.

Như vậy, vấn đề dân tộc không chỉ là vấn đề xã hội, truyền thống văn hóa, hoặc đồng nhất vấn đề dân tộc với miền núi, mà là vấn đề chính trị rộng lớn và nhạy cảm trên các lĩnh vực của đời sống xã hội của các dân tộc thiểu số. Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng sự chênh lệch giữa các dân tộc về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo... khơi dậy những tư tưởng dân tộc hẹp hòi, cực đoan, kích động tư tưởng đòi tự trị của các dân tộc thiểu số. Các thế lực thù địch không ngừng gây ảo tưởng cho những người mang tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ly khai, tự trị. Ngoài ra, các thế lực thù địch còn lôi kéo những người có uy tín, cán bộ là người dân tộc trong các thời kỳ kháng chiến trước đây, những tri thức dân tộc thiểu số, để thông qua họ lôi kéo quần chúng thành lực lượng đối trọng với chính quyền, đưa ra những yêu sách trái với quan điểm của Đảng và Nhà nước ta.

Trong vấn đề dân tộc, cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin gồm ba nội dung chủ yếu: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc có quyền tự quyết, đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc trong cuộc đấu tranh xóa bỏ áp bức dân tộc và xây dựng mối quan hệ giữa các dân tộc. Trong cương lĩnh ấy quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Chỉ có thể hiểu và thực hiện đúng nội dung quyền dân tộc tự quyết khi đặt và xem xét nó trong điều kiện lịch sử cụ thể và mục tiêu của quyền dân tộc tự quyết là nhằm xây dựng các quan hệ tiến bộ giữa các dân tộc, chứ không khoét sâu thêm hố ngăn cách, bất bình đẳng giữa dân tộc này và dân tộc khác.

Một trong những đặc điểm của cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói chung và Tây Nguyên nói riêng là tình trạng cư trú xen kẽ và do nhiều nguyên nhân tình trạng này ngày càng gia tăng. Trong những năm qua tình trạng cư trú xen kẽ rõ ràng có lợi cho việc giao lưu, phát triển mọi mặt của các dân tộc. Tuy nhiên, do những vấn

đề lịch sử, của tư tưởng hẹp hòi, của phong tục tập quán và lợi ích khác nhau... giữa các dân tộc nên khó tránh khỏi những tranh chấp, xung đột, hoặc có những mâu thuẫn nhất định. Điều đó đã tạo cơ để các lực lượng thù địch lợi dụng chống phá Nhà nước ta về lĩnh vực nkp[urdân tộc và chính sách dân tộc.

Tất cả các yếu tố trên tác động rất lớn đến ANQG của Việt Nam, làm cho tình hình các tội xâm phạm ANQG diễn biến phức tạp, nghiêm trọng và rất khó khăn cho ta trong công tác tổ chức đấu tranh phòng, chống. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải hạn chế ảnh hưởng của các nhân tố này, ngăn chặn hậu quả của nó, đảm bảo giữ vững ANQG trong tình hình hiện nay.

### ***3.2.2. Các nguyên nhân và điều kiện về tâm lý – xã hội***

Nói đến tâm lý con người là nói đến nhu cầu. Con người có nhu cầu nhưng đồng thời cũng có ý thức về nhu cầu, về cách thức, con đường thỏa mãn nhu cầu. Ý thức sai về cách thức, con đường để thỏa mãn nhu cầu tức là vượt quá chuẩn mực của pháp luật, của cộng đồng xã hội chính là nguyên nhân trực tiếp của các hành vi phạm tội xâm phạm ANQG. Tuy nhiên, bản thân nhu cầu của con người chưa phải là nguyên nhân của tình hình tội phạm xâm phạm ANQG. Chỉ khi nào có ý thức sai về con đường thỏa mãn nhu cầu mới có thể là nguyên nhân trực tiếp của tình hình các tội xâm phạm ANQG. Ý thức sai về con đường thỏa mãn nhu cầu và các biểu hiện đa dạng của nó chính là các loại hình nhân cách tiêu cực, đó là lòng tham, tính vị kỷ, khát vọng làm giàu bằng mọi cách không chính đáng, tư tưởng thực dụng, ý thức coi thường kỷ cương, pháp luật, ý thức chống Đảng, chống Nhà nước.

Những yếu tố tâm lý tiêu cực đó, nếu chúng vận động và phát triển trong cá nhân con người thì trong những điều kiện thuận lợi chúng sẽ tiến công, gieo rắc quan điểm thù địch, quan điểm chống Đảng, chống Nhà nước XHCN. Khi đã nhiễm nặng tâm lý tiêu cực và trở thành quan điểm sống thì lý tưởng, lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ XHCN trở nên mờ nhạt và xa lạ. Khi đó, đối với những người này, bất chấp cả đạo lý, pháp luật, có điều kiện thuận lợi là dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội, kể cả hành vi phạm tội xâm phạm ANQG.

Thực tiễn phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG những năm qua cho thấy, sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế quốc dân đã dẫn đến cấu trúc tâm lý xã hội thay đổi. Những nấc thang giá trị đạo đức của xã hội bị biến động. Trong xã hội xuất hiện

nhều những luồng tâm lý tiêu cực mới ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến tình hình các tội xâm phạm ANQG. Trước hết là luồng tâm lý hưởng thụ.

Do đời sống xã hội được nâng cao, một bộ phận tầng lớp nhân dân mong muốn một cuộc sống hưởng thụ đầy đủ. Chính tâm lý sống hưởng thụ, coi trọng vật chất này khiến cho một số ít người mơ tưởng đến cuộc sống phồn hoa mà bất chấp, mù quáng, sẵn sàng vì tiền mà phạm tội, trong đó có cả những tội xâm phạm ANQG. Bên cạnh đó, tư tưởng đề cao chủ nghĩa cá nhân ngày càng phổ biến. Không ít người vì lợi ích cá nhân của bản thân, lợi ích của gia đình mình mà bất chấp lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc. Với tư tưởng như vậy, một số người vì muốn thỏa mãn “cái tôi” của mình mà sẵn sàng phạm tội, kể cả các tội xâm phạm ANQG.

Bên cạnh đó là lối sống duy lý xuất hiện trong xã hội. Từ nhiều thế kỷ nay, con người Việt Nam sống thiên về chữ “tâm”, về đạo đức. Nhưng ngày nay, một bộ phận nhỏ người Việt Nam (đặc biệt là ở thành thị) đang ngả dần sang lối hành xử theo lý lẽ, không quan tâm đến tình cảm, xúc cảm. Chính sự không cân bằng giữa lý trí và tình cảm dễ biến con người thành lạnh lùng, thờ ơ, nhẫn tâm, có hành động, việc làm gây phương hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

Ngoài ra, do sự tác động của các yếu tố tiêu cực, lạc hậu, đặc biệt là do hoạt động phá hoại tư tưởng của các thế lực bên ngoài mà ở một số ít người đã có những tư tưởng lệch lạc, hoài nghi chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mất niềm tin vào CNXH, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ... do đó, đã có những hành vi chống Đảng Cộng sản Việt Nam, chống lại công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

### ***3.2.3. Các nguyên nhân và điều kiện về kinh tế***

Thực tế phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam thời gian qua cho thấy những tác động tiêu cực của tình hình kinh tế - xã hội có những ảnh hưởng không nhỏ đến sự phức tạp của tình hình các tội xâm phạm ANQG.

Có thể nói kinh tế là nguồn gốc sâu xa của mọi vấn đề, trong đó có cả vấn đề về THTP. Sự tụt hậu về kinh tế so với thế giới và khu vực, đời sống khó khăn là yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ đến sự diễn biến của tình hình các tội xâm phạm ANQG. Một mặt làm hạn chế tiềm lực quốc phòng an ninh, mặt khác là nguyên cơ để các thế lực chống đối lợi dụng xuyên tạc năng lực lãnh đạo của Đảng ta, bản chất của chế độ ta và định hướng XHCN, qua đó kích động các hoạt động chống đối.

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm phát triển kinh tế ở vùng sâu, vùng xa và chăm lo cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc nhưng trong thời gian tới, đời sống của nhân dân ở các vùng sâu, vùng xa vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Khó khăn về kinh tế dẫn đến sự lạc hậu về nhận thức đang là vấn đề được các thế lực chống đối lợi dụng để kích động, lừa phỉnh, mua chuộc một bộ phận quần chúng tham gia các hoạt động chống phá.

Ở nước ta, sau khi chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế, nền kinh tế thị trường cũng làm nảy sinh những yếu tố tiêu cực tác động mạnh mẽ tới mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có THPT nói chung, tình hình các tội xâm phạm ANQG nói riêng. Cụ thể là:

- Kinh tế thị trường đã kéo theo sự biến đổi xã hội sâu sắc như: quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, diện tích canh tác bị thu hẹp, tình hình tranh chấp đất đai, tài sản gia tăng dẫn đến khiếu kiện tập thể tạo ra những “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Mặt khác, cơ cấu kinh tế còn tạo nên sự phân hóa giàu nghèo - cái trục của sự phân tầng xã hội trở nên sâu sắc. Đa số người trở nên giàu có nhờ làm ăn chính đáng, lương thiện, nhưng một số không ít lợi dụng sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế xã hội của Nhà nước để làm giàu bằng mọi cách, kể cả bán tài liệu bí mật quốc gia cho nước ngoài. Bên cạnh đó, một bộ phận nhân dân vì không có nghề nghiệp, không có vốn, trình độ văn hóa thấp trở nên thất nghiệp, nghèo đói, bần cùng và chính hoàn cảnh đó đã đẩy họ đến tiêu cực, lao vào con đường phạm tội.

Kết quả phân tích cơ cấu theo nghề nghiệp bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG trong Chương 2 cũng đã cho thấy số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất (30,32%) trong cơ cấu bị cáo xâm phạm ANQG nói chung.

- Do tác động của nền kinh tế thị trường - nền kinh tế lấy doanh lợi làm động lực, đã làm thay đổi định hướng chuẩn mực giá trị xã hội của một số người, từ chỗ coi trọng giá trị tinh thần, coi trọng giá trị văn hóa truyền thống (lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tính nhân bản, ...) chuyển sang coi trọng giá trị vật chất tầm thường, coi trọng chủ nghĩa thực dụng, cá nhân vị kỷ. Với tâm lý “tiền là trên hết”, nhiều đối tượng không từ một thủ đoạn nào, kể cả bán rẻ Tổ quốc để có tiền. Kết quả phân tích cơ cấu theo động cơ phạm tội xâm phạm ANQG ở Chương 2 cũng đã thể hiện rõ một tỉ lệ không nhỏ các đối tượng phạm các tội xâm phạm ANQG xuất phát từ tiền (chiếm 11,34%). Có những vụ án, các đối tượng hoạt động xâm phạm ANQG không phải xuất phát từ mâu thuẫn ý thức hệ hay động cơ thù hằn giai cấp,

bất mãn chính trị mà chỉ vì được các đối tượng cầm đầu cho tiền hoặc hứa hẹn được hưởng một số lợi ích vật chất khác.

Thêm vào đó, mặt trái của cơ chế kinh tế thị trường còn làm cho một số người suy đồi về đạo đức, về lối sống, coi thường kỷ cương pháp luật, tiếm nhiệm những tư tưởng lệch lạc tiếp tay cho kẻ thù chống lại chế độ XHCN, chống lại Nhà nước, trong số này có cả cán bộ, Đảng viên. Kết quả phân tích cơ cấu theo nhân thân người phạm tội xâm phạm ANQG trong Chương 2 đã phản ánh số người phạm tội là cán bộ, công chức và Đảng viên chiếm tỷ lệ 3,81%. Đúng như Đảng ta đánh giá: *“Cơ chế thị trường ở nước ta mới chỉ là những bước khởi đầu mà đã làm cho một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng cách mạng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức lối sống”* [104, tr.57]. Tất cả những biểu hiện tiêu cực đó cũng là một trong những nguyên nhân, điều kiện dẫn tới những hành vi phạm tội, trong đó có hành vi phạm tội xâm phạm ANQG.

- Kinh tế thị trường tạo ra sự mở cửa giao lưu giữa nước ta với các nước khác trên thế giới. Điều này đã tạo điều kiện cho nước ta tham gia vào sự phân công lao động quốc tế, mở rộng kinh tế đối ngoại. Song sự mở cửa ra bên ngoài, đồng thời cũng kéo theo sự tác động tiêu cực từ bên ngoài vào nước ta. Thực tế phát triển nền kinh tế thị trường mấy chục năm qua cho thấy, cùng với việc tham gia vào nền kinh tế thị trường, mở rộng hợp tác đầu tư nước ngoài vào Việt Nam ... đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp về ANQG. Cụ thể là, thông qua hoạt động đầu tư, các thế lực thù địch bên ngoài tìm cách xâm nhập, khống chế những ngành kinh tế then chốt, mũi nhọn, chi phối một số hoạt động kinh tế ... với mục tiêu dùng kinh tế để chuyển hóa chính trị ở Việt Nam. Để thực hiện mưu đồ trên, một số nước Tư bản tập trung đầu tư vào khu vực kinh tế tư nhân, làm cho kinh tế tư nhân phát triển, chèn ép, lấn át kinh tế Nhà nước. Chúng ta cần phải xác định rõ ràng là không loại trừ các nước này sẽ sử dụng kinh tế để gây sức ép hòng chuyển hóa dần nền kinh tế của nước ta đi theo hướng phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Mặt khác, thông qua con đường hợp tác đầu tư, các thế lực thù địch nước ngoài xâm nhập vào Việt Nam tiến hành các hoạt động thu thập tin tức tình báo kinh tế, phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, phá hoại chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta ... Thậm chí,



chúng còn móc nối với bọn nguy quân, nguy quyền cũ, móc nối với các đối tượng phản động trong các tôn giáo, trong các dân tộc ít người để hình thành lực lượng chính trị đối lập chống lại công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

Tóm lại, với tất cả những vấn đề kinh tế phức tạp, nguyên nhân và điều kiện về kinh tế của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam thời gian qua càng bộc lộ rõ và tác động toàn diện vào nhiều lĩnh vực, nhiều mặt của đời sống xã hội. Nếu không thấy hết những tác động, những ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế đối với tình hình các tội xâm phạm ANQG thì sẽ không đề ra được những giải pháp về kinh tế xã hội thích hợp để cùng với các giải pháp khác góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG. Tuy nhiên, cũng không nên tuyệt đối hóa nguyên nhân, điều kiện về kinh tế bởi với tư cách là một hiện tượng xã hội tiêu cực, THTP xâm phạm ANQG còn do nhiều nguyên nhân, điều kiện khác và trong quá trình tồn tại phát triển, chúng thường tác động đan xen, tương hỗ lẫn nhau, phối hợp với nhau để cùng tác động, ảnh hưởng đến tình hình các tội xâm phạm ANQG.

#### ***3.2.4. Các nguyên nhân và điều kiện về quản lý nhà nước***

*- Một là, những khiếm khuyết trong công tác quản lý của Nhà nước tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch lợi dụng hoạt động xâm phạm ANQG*

Tình hình các tội xâm phạm ANQG không chỉ phát sinh, tồn tại trong cơ chế quản lý cũ (cơ chế tập trung quan liêu bao cấp) mà còn có điều kiện gia tăng gắn liền với những sơ hở, thiếu sót trong cơ chế thị trường với sự buông lỏng, thậm chí đôi lúc thể hiện sự yếu kém trong công tác quản lý nhà nước ở một số nơi, một số lĩnh vực của đời sống xã hội.

Quản lý nhà nước về an ninh trật tự của nước ta trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường, do không kịp nắm bắt những thay đổi cả về tư duy lẫn trình độ quản lý ... đã xuất hiện nhiều sơ hở, thiếu sót, từ đó các đối tượng phạm tội thường lợi dụng để tiến hành các hoạt động xâm phạm ANQG. Có thể nói, công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự thời gian qua còn chưa được đặt đúng tầm quan trọng, có lúc bị xem nhẹ, hiệu lực quản lý thấp. Nhà nước còn thiếu đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, nhất là năng lực quản lý trong điều kiện kinh tế thị trường. Trong khi đó, việc tuyển chọn, sắp xếp cán bộ không hợp lý, vì thế không những cán bộ không hoàn thành nhiệm

vụ được giao mà còn gây ra những kẽ hở để các phần tử chống đối lợi dụng hoạt động xâm phạm ANQG. Mặt khác, công tác quản lý cán bộ còn lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ. Một bộ phận cán bộ, kể cả cán bộ thuộc lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG cũng bị sa sút, tha hóa, biến chất, bị các đối tượng phạm tội lợi dụng, lôi kéo dẫn tới có hành vi bao che, tạo điều kiện cho chúng hoạt động, thậm chí còn trực tiếp tham gia vào hoạt động xâm phạm ANQG (chủ yếu là các hành vi thuộc mặt khách quan của tội gián điệp).

Công tác quản lý chuyên biệt của lực lượng điều tra, trinh sát vẫn còn những hạn chế: công tác điều tra nắm tình hình còn bị chia cắt, không tập trung, hiện tượng chồng chéo, trùng lặp vẫn xảy ra. Thông tin hai chiều chưa kịp thời, thiếu chính xác; công tác nghiệp vụ chưa tập trung lực lượng, biện pháp, phương tiện kỹ thuật cần thiết để kiểm tra đối tượng, để kết luận những vấn đề nghi vấn về đối tượng.

*- Hai là, những suy thoái về hành vi, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, công chức Nhà nước đã làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân vào chính quyền Nhà nước, từ đó hình thành nên tư tưởng bất mãn của nhiều đối tượng phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia.*

Qua phân tích số liệu ở Chương 2 cho thấy, số bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG xuất phát từ động cơ bất mãn chiếm tỉ lệ không nhỏ (12,23%). Động cơ bất mãn này thường xuất hiện trên cơ sở sự giảm sút lòng tin đối với các cán bộ Nhà nước và cơ quan Nhà nước. Trên thực tế, những khiếm khuyết từ phía các cán bộ Nhà nước, cơ quan Nhà nước có thể thuộc những trường hợp sau:

*Thứ nhất*, việc thực hiện và giải quyết các chính sách kinh tế, xã hội của các cán bộ, cơ quan Nhà nước nhiều lúc, nhiều nơi còn chưa đảm bảo tính công bằng, minh bạch.

Trong thời gian qua, việc hoạch định và thực hiện đồng bộ hệ thống chính sách kinh tế - xã hội đã đem lại những thành tựu đáng kể: nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng và phát triển tương đối ổn định với tốc độ tăng trưởng cao; tình hình chính trị ổn định, an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội ngày càng được củng cố, đời sống nhân dân được nâng lên một bước cả về vật chất lẫn tinh thần. Những thành tựu đó góp phần không nhỏ vào việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm xâm phạm ANQG nói riêng. Tuy nhiên, hệ thống chính sách kinh tế - xã hội, nhất là chính sách phát triển kinh tế, chính sách xóa đói giảm nghèo, giải quyết

việc làm, chính sách dân tộc, tôn giáo, ... cũng như việc thực hiện các chính sách này trên thực tế vẫn còn những điểm bất cập, bộc lộ nhiều sơ hở, thiếu sót ... dẫn đến những hệ lụy, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân vào các cán bộ và cơ quan Nhà nước, gây tình trạng bất mãn trong một bộ phận nhân dân, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch trong và ngoài nước lợi dụng công kích, khoét sâu nhằm kích động quần chúng nhân dân tiến hành các hoạt động xâm phạm ANQG, đặc biệt là trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo.

Khi Mỹ buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam (1975), viên Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn - Polga - nói rằng: “Sau khi Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam thì lực lượng đấu tranh với cộng sản, chủ yếu là tôn giáo...”. Lúc chúng ta bước vào công cuộc đổi mới, chủ nghĩa đế quốc tiếp tục lợi dụng vấn đề tôn giáo để thực hiện “diễn biến hoà bình” đối với Việt Nam. Các thế lực thù địch tuyên truyền rằng: “Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đang còn mạnh, chưa thể chuyển hoá ngay được nội bộ. Vì vậy, để làm cho Cộng sản Việt Nam suy yếu, biện pháp hữu hiệu nhất là dùng vấn đề tôn giáo và dân tộc để phá hoại an ninh, làm cho Việt Nam suy yếu”.

*Thứ hai*, trên lĩnh vực văn hóa - xã hội còn tồn tại những vấn đề bức xúc, hoạt động chưa mang lại hiệu quả cao, thậm chí chậm phát triển. Dân số tăng nhanh, thiếu việc làm cho người lao động (cả ở khu vực thành thị và nông thôn), dẫn đến nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Thu nhập của cán bộ công nhân viên chức còn thấp, sự phân hóa giàu - nghèo tăng. Chế độ, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, với thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng chưa được quan tâm đúng mức ở một số cấp, ngành, địa phương. Công tác giáo dục đào tạo còn nhiều vấn đề phức tạp. Công tác quản lý thông tin, báo chí còn lơ lửng dẫn đến tình trạng thương mại hóa báo chí, đã xuất hiện những luồng tư tưởng, văn hóa không lành mạnh gây xáo trộn dư luận.

*Thứ ba*, những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là ở cấp cơ sở như: mâu thuẫn nội bộ ; một số không nhỏ cán bộ đảng viên sa sút phẩm chất, thoái hóa biến chất, thậm chí phạm tội ; một số ý thức kém, lợi dụng chức vụ quyền hạn để mưu cầu lợi ích riêng, sinh hoạt tùy tiện; công tác quản lý cán bộ còn sơ hở; công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa được chú trọng, trong nhiều trường hợp không được khắc phục kịp thời dẫn đến làm sứt mẻ niềm tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương.

*Thứ tư, tệ quan liêu tham nhũng một mặt đang làm cho một bộ phận cán bộ thoái hóa, biến chất; mặt khác làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với chính quyền, chế độ. Thời gian qua, các thế lực thù địch đã triệt để lợi dụng tình trạng quan liêu, tham nhũng ở Việt Nam để kích động chia rẽ, chống phá chính quyền Nhà nước, thúc đẩy hình thành những bất mãn, dẫn đến chống đối của một bộ phận quần chúng nhân dân.*

Về điều này, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ đã nhận định: *"Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước. Tình hình mâu thuẫn, mất đoàn kết nội bộ không chỉ ở cấp cơ sở mà ở cả một số cơ quan Trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty. Nhiều tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế trong nhận thức, lơ là, mất cảnh giác, lúng túng trong nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; việc đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phản tử cơ hội, bất mãn chính trị còn bị động, thiếu sắc bén và hiệu quả chưa cao. Trong khi đó, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc."*

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng, làm tổn thương tình cảm, suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và là một trong những nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ. Nguyên nhân sâu xa, chủ yếu của tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, đảng viên trước hết là do bản thân những cán bộ, đảng viên đó thiếu tu dưỡng, rèn luyện; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn bổn phận của mình.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác

- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng dạy và học tập nghị quyết của Đảng chưa được coi trọng đúng mức, kém hiệu quả, nội dung và phương pháp giáo dục, truyền đạt chậm đổi mới; chưa tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức về tình trạng suy thoái, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" và những hậu quả gây ra. Sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ ở nhiều nơi còn hình thức, đơn điệu. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa có chiều sâu, không theo kịp tình hình thực tế. Chưa chú trọng xây dựng, tuyên truyền, nhân rộng những mô hình mới, điển hình tiên tiến, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực.

Một số nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng có nội dung chưa sát thực tiễn, thiếu tính khả thi và thiếu chế tài xử lý. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu các cấp chưa có quyết tâm chính trị cao; việc cụ thể hoá các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thành chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện ở một số địa phương, đơn vị còn chung chung, chỉ đạo thiếu quyết liệt, còn trông chờ, ỷ lại cấp trên; một số cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trong đó có cả cán bộ cấp cao thiếu tiên phong, gương mẫu. Việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm còn nương nhẹ, nể nang, thiếu cương quyết. Chưa có cơ chế khen thưởng những tập thể, cá nhân tổ chức thực hiện nghị quyết sáng tạo, có hiệu quả và xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm túc.

Việc nghiên cứu, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách, luật pháp thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa kịp thời. Tổ chức bộ máy còn chồng chéo, chồng chéo, hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả. Cơ chế kiểm soát quyền lực chậm được hoàn thiện, còn nhiều sơ hở. Thiếu cơ chế để xử lý, thay thế kịp thời những cán bộ lãnh đạo, quản lý yếu về năng lực, giảm sút uy tín, trì trệ trong công tác, kém hiệu quả trong phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Chậm ban hành quy định xử lý tổ chức, cá nhân có biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

Đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ còn nể nang, cục bộ. Một số cơ chế, chính sách trong đề bạt, bổ nhiệm cán bộ chưa công bằng; chính sách tiền lương, nhà ở chưa tạo được động lực cống hiến cho cán bộ, công chức.

Việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật của Đảng chưa nghiêm, còn có biểu hiện "nhẹ trên, nặng dưới". Công tác quản lý cán bộ, đảng viên còn thiếu chặt chẽ.

Nguyên tắc tập trung dân chủ ở nhiều nơi bị buông lỏng; nguyên tắc tự phê bình và phê bình thực hiện không nghiêm, chưa có cơ chế để bảo vệ người đấu tranh phê bình. Sự phối hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử chưa chặt chẽ, xử lý chưa đủ nghiêm minh. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu; việc kê khai tài sản, thu nhập còn hình thức.

Chưa chủ động và thiếu giải pháp phù hợp để định hướng thông tin trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và công nghệ thông tin, mạng xã hội phát triển mạnh mẽ. Việc quản lý thông tin còn lỏng lẻo, thiếu giải pháp đủ mạnh để đấu tranh có hiệu quả với các thông tin sai lệch, phản bác lại những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội và bất mãn chính trị.

Việc phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông và nhân dân trong đấu tranh, ngăn chặn suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong cán bộ, đảng viên còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

Tóm lại, nguyên nhân và điều kiện xét từ góc độ tổ chức, quản lý cũng là một trong những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến tình hình các tội xâm phạm ANQG. Do vậy, việc nghiên cứu những nguyên nhân, điều kiện này cho phép chúng ta có căn cứ để tìm ra biện pháp góp phần hoàn thiện cơ chế và phương thức quản lý theo hướng vừa mở đường cho sự phát triển kinh tế, xã hội vừa tạo điều kiện làm giảm những vi phạm pháp luật và tội phạm, giữ vững ANQG.

### ***3.2.5. Nguyên nhân và điều kiện về pháp lý***

Hệ thống pháp luật về bảo vệ ANQG ở nước ta còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa kịp thời thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân gây nên những khó khăn, vướng mắc, làm giảm hiệu quả phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG.

Trước hết là những vướng mắc, bất cập trong BLHS năm 1999.

Mặc dù đã thể hiện rõ tinh thần chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm nhưng BLHS năm 1999 cũng không tránh khỏi những hạn chế làm ảnh hưởng đến công tác phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm ANQG nói riêng. Điều đó được thể hiện ở các khía cạnh sau:

+ Khách thể trực tiếp của tội phạm được phản ánh trong các điều luật còn

khái quát, chung chung, làm cho việc đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội và phân biệt tội phạm này với tội phạm khác gặp khó khăn.

Khách thể trực tiếp của tội phạm là một trong những căn cứ để xác định tội danh và để phân biệt tội này với tội khác. Trong phần lớn các điều luật về các tội xâm phạm ANQG, nhà làm luật không quy định khách thể trực tiếp của tội phạm. Với các tội này khách thể được rút ra từ hành vi và mục đích cụ thể, tuy vậy nhiều cán bộ điều tra không nắm vững phương pháp xác định, chứng minh khách thể. Trong một số tội, điều luật thể hiện rõ khách thể như: gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, lực lượng quốc phòng, chế độ XHCN và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 78); gây nguy hại cho an ninh lãnh thổ (Điều 81); cơ sở vật chất - kỹ thuật (Điều 85).

Do khách thể được quy định, phản ánh trong các điều luật còn quá khái quát nên đã làm cho điều tra viên lúng túng trong quá trình chứng minh, xác định khách thể. Không phải chỉ điều tra viên lúng túng mà ngay cả cơ quan có thẩm quyền giải thích luật cũng gặp khó khăn, vướng mắc trong hướng dẫn. Khi giải thích về tội phản bội Tổ quốc, Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn rằng trường hợp một người được tổ chức phản động cử ra nước ngoài để câu kết nhằm gây nguy hại cho độc lập của Tổ quốc nhưng bị bắt trước khi ra nước ngoài thì xử về tội trốn đi nước ngoài nhằm chống chính quyền. Trường hợp này nếu định tội theo hướng dẫn trên thì sẽ không phù hợp với bản chất của hành vi và khách thể mà đối tượng phạm tội nhằm xâm hại.

+ Về Tội Phản bội Tổ quốc (Điều 78 BLHS) và Tội Gián điệp (Điều 80 BLHS)

Theo quy định tại Điều 78 BLHS: *“Công dân Việt Nam nào câu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lực lượng quốc phòng, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”* thì bị xử lý về Tội phản bội Tổ quốc.

Điểm b, điểm c Khoản 1 - Điều 80 BLHS quy định về hành vi của Tội gián điệp gồm: Gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại theo sự chỉ đạo của nước ngoài; hoạt động thám báo, chỉ điểm, chứa chấp, dẫn đường hoặc thực hiện hành vi khác giúp người nước ngoài hoạt động tình báo, phá hoại; cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp bí mật Nhà nước cho nước ngoài; thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu khác

nhằm mục đích để nước ngoài sử dụng chống nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

Có thể thấy chủ thể thực hiện các hành vi trên là công dân Việt Nam. Việc sử dụng các cụm từ “theo sự chỉ đạo của nước ngoài”, “giúp người nước ngoài”, “cho nước ngoài”, “để nước ngoài sử dụng” cho thấy đối với chủ thể là công dân Việt Nam thì hành vi phạm tội chỉ cấu thành tội gián điệp nếu xuất hiện “yếu tố nước ngoài”. Trong khi đó, đặc trưng của Tội Phản bội Tổ quốc (Điều 78) cũng là yếu tố chủ thể (công dân Việt Nam) và hành vi khách quan gắn với “yếu tố nước ngoài”, cụ thể là hành vi “câu kết với nước ngoài”.

Về vấn đề này, đã có nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra những giải thích để chứng minh “yếu tố nước ngoài” trong hai tội là khác nhau, song thực tế cho thấy công dân Việt Nam bằng một trong những hành vi “*Gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại theo sự chỉ đạo của nước ngoài; hoạt động thám báo, chi điểm, chứa chấp, dẫn đường hoặc thực hiện hành vi khác giúp người nước ngoài hoạt động tình báo, phá hoại*” (điểm b - khoản 1 – Điều 80) hay “*Cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp bí mật Nhà nước cho nước ngoài; thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu khác nhằm mục đích để nước ngoài sử dụng chống nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*” (điểm c - khoản 1 – Điều 80) để thực hiện tội phạm thì không thể nói là không có sự liên hệ chặt chẽ (câu kết) với nước ngoài.

+ Về Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79 BLHS)

Điều 79 BLHS quy định hành vi khách quan của tội phạm là “*hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân*”. Từ quy định này có thể thấy chỉ phạm tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân nếu người phạm tội đã có một trong hai hành vi:

Hành vi thành lập tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân: là hành vi của những người đề xướng chủ trương, đường lối, vạch kế hoạch hoạt động của tổ chức hoặc viết cương lĩnh, điều lệ, hiệu triệu, tuyên truyền, lôi kéo người khác vào tổ chức nhằm lật đổ chính quyền.

Hành vi tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân: là hành vi gia nhập tổ chức khi biết rõ tổ chức có mục đích lật đổ chính quyền, xoá bỏ chế độ XHCN, tán thành và tích cực hoạt động theo mục tiêu, kế hoạch của tổ chức đó.

Như vậy, nếu dùng tên của điều luật là “Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân” thì hành vi khách quan sẽ còn bao gồm nhiều hành vi khác nữa bởi



“hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân” được hiểu là tất cả các hành vi (chứ không chỉ riêng hai hành vi thành lập và tham gia tổ chức) nhằm thực hiện mục đích cuối cùng là lật đổ chính quyền nhân dân. Điều đó có nghĩa là nội dung và tên gọi của Điều 79 đã có sự mâu thuẫn.

+ Về Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84 BLHS năm 1999)

Điều 84 BLHS quy định: “*Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà xâm phạm tính mạng của cán bộ, công chức hoặc công dân...*”

Đây là một trong những điều luật đã bộc lộ lỗi về kỹ thuật lập pháp, thể hiện sự rườm rà trong lối diễn đạt. Cụ thể là: khi mô tả đối tượng tác động của tội phạm, các nhà làm luật đã xác định đó là “*cán bộ, công chức hoặc công dân*”. Dễ nhận thấy rằng khái niệm “*công dân*” đã bao hàm cả “*cán bộ, công chức*”.

Về điều này, BLHS năm 2015 đã khắc phục bằng cách xác định “*cán bộ, công chức hoặc người khác*”, song thực chất quy định như vậy vẫn thể hiện sự rườm rà về mặt từ ngữ bởi có thể thay thế bằng cụm từ “*con người*” hoặc “*người khác*” là đã đảm bảo được vừa yêu cầu ngắn gọn, súc tích của quy phạm pháp luật, vừa dễ hiểu, tránh gây tranh cãi không cần thiết.

+ Về Tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 87 BLHS năm 1999) và Tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 88 BLHS năm 1999)

Theo Điều 87 BLHS, hành vi khách quan của Tội phá hoại chính sách đoàn kết gồm bốn hành vi: Gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội; gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội; phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế.

Theo quy định tại Điều 88 BLHS, hành vi khách quan của tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm ba hành vi: Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; tuyên truyền những luận điệu chiến tranh tâm lý, phao tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân; làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu văn hoá phẩm có nội dung chống Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

Thực tế đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy: để phá hoại chính sách đoàn kết (thông qua việc thực hiện một trong các hành vi: gây chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với lực lượng vũ trang, với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội; gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức xã hội; phá hoại việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế), người phạm tội phải sử dụng các thủ đoạn tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam giống như những biểu hiện về hành vi trong tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (tức là tuyên truyền hoặc là làm ra, tàng trữ, lưu hành các tài liệu có nội dung phá hoại chính sách đoàn kết). Nghĩa là: nếu thực hiện hành vi tuyên truyền chống nhà nước để phá hoại chính sách đoàn kết thì xử lý về tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 87 BLHS), nếu không xác định được mục đích này thì xử lý về tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 88 BLHS).

Ngoài những vấn đề đã trình bày trên, thực tiễn đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG của các lực lượng chức năng còn gặp những vướng mắc do chưa có sự thống nhất về cách hiểu đối với một số thuật ngữ được sử dụng để mô tả các tội xâm phạm ANQG ở Chương XI BLHS. Chẳng hạn như cụm từ “nước ngoài” được sử dụng trong Điều 78, Điều 80 cho đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể khiến cho xuất hiện nhiều ý kiến khác nhau khi giải thích (là người nước ngoài, là cơ quan tình báo nước ngoài, là chính phủ nước ngoài, là tổ chức phi chính phủ nước ngoài, là các tổ chức phản động lưu vong ở nước ngoài... hay là tất cả các chủ thể đó). Hoặc khái niệm “cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” cũng chưa được hướng dẫn một cách rõ ràng khiến cho có nhiều cách hiểu khác nhau.

Mặt khác, ở chế định đồng phạm trong Phần chung của BLHS, cần có quy định về tổ chức phạm tội. Những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tổ chức phạm tội kết hợp với mục đích nhằm lật đổ Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam sẽ bao hàm đầy đủ nội hàm của khái niệm tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.

+ Quy định về các tội xâm phạm ANQG trong BLHS chưa bao quát đầy đủ hành vi và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đấu tranh, xử lý những người có hành vi gây phương hại cho ANQG. Trong tội gián điệp các hành vi hoạt động tình báo do

người nước ngoài thực hiện, gây cơ sở để hoạt động tình báo theo sự chỉ đạo của nước ngoài (do công dân Việt Nam thực hiện) và một số hành vi khác được quy định trong điều luật nhưng hành vi hoạt động tình báo theo sự chỉ đạo của nước ngoài do công dân Việt Nam thực hiện lại không được quy định trong luật.

Một số hành vi chống chế độ, gây phương hại cho ANQG cần phải quy định trong luật để răn đe, trừng trị nhưng chưa được quy định: hành vi công khai phản đối, đòi xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; hành vi khôi phục, hoặc lập ra các tổ chức tôn giáo trái phép, hành vi phát triển đạo bất hợp pháp. Do thiếu quy định và hướng dẫn nên trong quá trình điều tra, khi gặp những trường hợp này rất dễ lúng túng trong việc xác định đối tượng chứng minh.

+ Việc chia khung hình phạt và xây dựng các cấu thành tội phạm (cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng, cấu thành giảm nhẹ) trong một số tội xâm phạm ANQG chưa hợp lý.

Khi tiến hành xây dựng BLHS năm 1999, một trong những nguyên tắc lập pháp được quán triệt trong xây dựng các cấu thành tội phạm và phân chia khung hình phạt là nguyên tắc phân hóa tội phạm. Để quán triệt nguyên tắc phân hóa tội phạm, Điều 8 BLHS đã chia tội phạm thành 4 loại. Trên cơ sở phân loại tội phạm trong Điều 8 BLHS và mức độ nguy hiểm của hành vi, nhìn chung các tội phạm trong BLHS được chia thành 4 cấu thành tương ứng với 4 loại tội phạm quy định trong Điều 8. Quy định về các tội xâm phạm ANQG trong Chương XI BLHS năm 1999 gồm 14 điều trong đó có 12 điều được chia làm 2 khung, 2 điều chia làm 3 khung. Căn cứ được nhà làm luật dựa vào để xây dựng các cấu thành tội phạm, chia khung hình phạt trong các tội xâm phạm ANQG là “trường hợp phạm tội” (8/14 điều), “vai trò đồng phạm” (6/14 điều). Trong tội trốn đi nước ngoài nhằm chống chính quyền vai trò trong đồng phạm và trường hợp phạm tội được coi là căn cứ phân chia khung hình phạt. Trong tội khung bố việc phân chia khung hình phạt chủ yếu dựa vào khách thể của tội phạm (khung 1: xâm phạm tính mạng; khung 2: xâm phạm sức khỏe, tự do thân thể; khung 3: đe dọa xâm phạm tính mạng).

Cách phân chia khung hình phạt nêu trên một mặt thể hiện sự không thống nhất trong xây dựng luật; mặt khác làm cho việc áp dụng luật, điều tra, xử lý gặp khó khăn. So sánh quy định trong Chương XI với Chương XII BLHS năm 1999 thấy rằng hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể trong Chương

XII được quy định trong 11 điều luật (Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 100, Điều 103, Điều 104, Điều 105, Điều 106, Điều 107). Riêng trong tội giết người, tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 93 BLHS được quy định từ điểm a đến q, gồm 15 tình tiết cụ thể. Do quán triệt tốt nguyên tắc phân hóa tội phạm nên trong điều tra các vụ án quy định tại Chương XII việc chứng minh các tình tiết làm cơ sở cho việc cá thể hóa TNHS và hình phạt rất thuận lợi.

BLHS năm 2015 đã có một số sửa đổi liên quan đến chương các tội xâm phạm ANQG. Tuy nhiên, cũng mới chỉ khắc phục được một phần hạn chế nêu trên thông qua việc phân chia lại khung hình phạt của tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113 BLHS năm 2015) theo cách phân chia tương tự Chương XII của BLHS năm 1999.

+ Tình tiết định khung hình phạt và mức hình phạt trong cấu thành tội phạm giảm nhẹ của một số tội chưa hợp lý.

Trong các tội quy định tại các Điều 80, Điều 86, Điều 87, Điều 90 BLHS năm 1999 tình tiết định khung là “phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng”. Trong BLHS “tội phạm ít nghiêm trọng” được định nghĩa cụ thể (là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù), còn phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng thì không có văn bản giải thích chính thức. Về hình phạt, phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng có thể bị phạt tù đến 10 năm (Điều 90), thậm chí đến 15 năm (Điều 80). Vấn đề này vẫn chưa được khắc phục khi quy định về các tội xâm phạm ANQG trong BLHS năm 2015. Do quy định của luật quá khái quát và không hợp lý như trên nên làm cho công tác điều tra, xử lý tội phạm gặp khó khăn, nhất là những trường hợp cần thực hiện chính sách khoan hồng hoặc trường hợp cần xử lý theo yêu cầu chính trị.

+ Quy định về căn cứ miễn TNHS trong BLHS còn khái quát, khó chứng minh Điều kiện (căn cứ) để được miễn TNHS theo quy định tại khoản 1 Điều 25 BLHS năm 1999 là “do sự chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm nữa”. Về lý luận, như thế nào là chuyển biến của tình hình chưa có sự giải thích cụ thể. Đối với hành vi xâm phạm ANQG, do chuyển biến của tình hình mà tội phạm không còn nguy hiểm rất ít khi xảy ra. Thực tế cho thấy việc chứng minh căn cứ miễn TNHS quy định tại khoản 1 Điều 25 nêu trên khó có thể thực hiện.

Bên cạnh những vướng mắc của BLHS, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực dân tộc, tôn giáo vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện.

*Đối với lĩnh vực dân tộc*, sau nhiều năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, tình hình miền núi và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số có những bước chuyển biến quan trọng. Nhưng, nhìn chung kinh tế ở miền núi và các vùng dân tộc còn chậm phát triển, nhiều nơi còn lúng túng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập quán, tiêu thụ rất khó khăn. Tình trạng du canh, du cư, di cư tự do vẫn còn diễn biến phức tạp, một số hộ còn thiếu đất sản xuất. Kết cấu hạ tầng ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng còn rất thấp kém... Tình hình đó, cùng với trình độ dân trí còn thấp và những sai sót của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.. đã được các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng để kích động, chia rẽ các dân tộc nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị, kích động, dụ dỗ, mua chuộc đồng bào vùng dân tộc thiểu số ở nước ta thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật nói chung, xâm phạm ANQG nói riêng.

Hiến pháp 2013 đã bổ sung nhiều quy định cụ thể về lĩnh vực dân tộc. Trong đó, Điều 5 Hiến pháp năm 2013 quy định:

*“1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.*

*2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.*

*3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình.*

*4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước”.*

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào ở tầm luật thể chế một cách đầy đủ, toàn diện, thống nhất các chủ trương của Đảng và các quy định của Hiến pháp về lĩnh vực dân tộc.

Kết quả Hội thảo hoàn thiện hồ sơ đề xuất xây dựng Luật Dân tộc ngày 31/3/2016 của Ủy ban Dân tộc cho thấy, trong tổng số gần 200 Luật, pháp lệnh hiện

hành thì có tới hơn ¼ số văn bản luật, pháp lệnh có quy định về vấn đề dân tộc thiểu số. Ở tầm dưới luật, chính sách dân tộc được thể hiện qua 251 văn bản tại 96 Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ và 134 quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong việc thực thi chính sách dân tộc còn nhiều “khiếm khuyết” như nhiều quy định chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu sự gắn kết, thiếu tính khả thi, tính dự báo thấp... Hiện ở Việt Nam có 5 nhóm yếu thế dễ bị tổn thương đó là người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và người dân tộc thiểu số. Trong đó, chỉ có riêng người dân tộc thiểu số chưa có luật cho riêng mình.

*Đối với lĩnh vực tôn giáo*, trước năm 2006 có 16 tổ chức tôn giáo (thuộc 6 tôn giáo) được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước, đến nay đã có 38 tổ chức tôn giáo được đăng ký hoạt động hoặc công nhận về tổ chức. Điều này được minh chứng bởi số lượng tín đồ, chức sắc, số lượng các tổ chức tôn giáo và đời sống sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng sôi động. Về mặt tổ chức, ngoài các tổ chức tôn giáo đã được công nhận từ trước như Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Công giáo Việt Nam, Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), Nhà nước đã lần lượt xem xét và công nhận về tổ chức cho một số tổ chức tôn giáo đủ điều kiện theo quy định pháp luật. Điều đó đã làm lành mạnh hoá các quan hệ tôn giáo và hoạt động tôn giáo vì lợi ích chính đáng của tín đồ và tổ chức tôn giáo, vì lợi ích chung của toàn xã hội trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập và giao lưu quốc tế. Tuy nhiên, mặc dù Luật Tín ngưỡng đã được ban hành song vẫn còn nhiều điểm chưa phù hợp với tình hình mới, dẫn đến việc lợi dụng của các thế lực thù địch trong việc kích động đồng bào theo tôn giáo thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật nói chung, xâm phạm ANQG nói riêng. Việc quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo vẫn còn rườm rà về thủ tục. Trong khi đó, tình trạng lợi dụng hoạt động tôn giáo để kỳ thị, chống phá, trục lợi của những tổ chức tôn giáo trái phép đang có xu hướng phát triển ở các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, cũng như việc lợi dụng tự do tôn giáo để chống đối Đảng, nhà nước lại chưa được lưu ý quan tâm, chưa thể hiện được yêu cầu đối phó với những tiêu cực trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là việc loại bỏ các tà giáo, mê tín dị đoan đang lôi kéo người dân. Những điều này mà mà được quy định thì chắc chắn chính các tổ chức tôn giáo cũng ủng hộ.

Những hạn chế và bất cập nêu trên của hệ thống pháp luật về bảo vệ ANQG đã làm giảm hiệu lực và hiệu quả của pháp luật trong đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG. Pháp luật vẫn còn những khiếm khuyết, kẽ hở vô tình tạo ra “mảnh đất” cho THTP nói chung, các tội xâm phạm ANQG nói riêng nảy sinh. Do vậy, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm bảo vệ ANQG là công việc quan trọng và cấp thiết.

### ***3.2.6. Nguyên nhân và điều kiện về tổ chức***

Thời gian qua, công tác tổ chức phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm ANQG nói riêng mặc dù đã được triển khai trên diện rộng song hiệu quả đạt được vẫn chưa cao. Cụ thể là:

Hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm ANQG nói riêng trong thời gian qua đã có nhiều cố gắng và thu được kết quả nhất định, song so với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới thì vẫn chưa đáp ứng được bao nhiêu. Hạn chế lớn nhất trong lĩnh vực này là một thời gian dài, Nhà nước chưa có một chiến lược tổng thể đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững an ninh, trật tự xã hội. Vì vậy, chưa có biện pháp tổ chức, chỉ đạo đồng bộ, chặt chẽ để huy động sức mạnh tổng hợp của các ngành các cấp và toàn thể nhân dân vào việc giải quyết những vấn đề phức tạp về an ninh trật tự, vào việc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Công tác phòng ngừa tội phạm trong cộng đồng dân cư chưa được quan tâm đúng mức.

Trong công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có nơi có lúc còn biểu hiện tư tưởng xem nhẹ việc phòng ngừa mà chỉ chú trọng và nhấn mạnh nhiệm vụ trấn áp tội phạm. Mặc dù Nhà nước ta đã có Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, biện pháp đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, nhưng chương trình này vẫn có những hạn chế nhất định. Chương trình mới thể hiện kế hoạch ở tầm vĩ mô với những nhiệm vụ đề án và đảm bảo chung; chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm tuy cũng đã nhấn mạnh phương hướng phòng ngừa tội phạm nhưng chưa làm rõ các bước đi thích hợp trong quá trình đạt mục tiêu chung; các nội dung và đề án của chương trình chưa thể hiện rõ tính hệ thống và thứ tự ưu tiên trong các kế hoạch phòng ngừa; chương trình chưa có các đảm bảo tổ chức cụ thể.

Nói đến đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG trước hết là nói đến công tác phát hiện và xử lý tội phạm. Tội phạm xảy ra nếu không được phát hiện, xử lý kịp thời tất nhiên sẽ phát triển. Ngược lại, nếu tội phạm được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh sẽ là một biện pháp tấn công tội phạm và có tác dụng bao vây, dập tắt, răn đe, phòng ngừa chung. Mặc dù vậy, như đã phân tích ở Chương 2 luận án, trên thực tế, các tội xâm phạm ANQG xảy ra nhưng chưa bị phát hiện (tội phạm ẩn) còn chiếm tỷ lệ lớn.

Đi đôi với những hạn chế trong việc phát hiện là những hạn chế trong việc xử lý tội phạm nói chung, tội phạm xâm phạm ANQG nói riêng là tình trạng xử lý tội phạm còn chưa được thống nhất, kịp thời, triệt để đáp ứng các yêu cầu chính trị, pháp luật, nghiệp vụ. Hầu hết các báo cáo của cơ quan bảo vệ pháp luật đều đánh giá việc phát hiện và xử lý tội phạm nói chung, các tội xâm phạm ANQG nói riêng của các cơ quan này đang là khâu yếu khiến các đối tượng phạm tội có biểu hiện coi thường pháp luật khiến các biện pháp pháp luật không phát huy được tác dụng trừng trị, giáo dục, phòng ngừa. Đó cũng là một trong những điều kiện khiến tình hình tội phạm xâm phạm ANQG diễn biến phức tạp. Những hạn chế nêu trên của các cơ quan bảo vệ pháp luật xuất phát từ nhiều lý do, trong đó chủ yếu là những lý do sau:

*Thứ nhất*, trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, bên cạnh những cán bộ trung kiên, luôn có tinh thần tấn công tội phạm xâm phạm ANQG, vẫn còn một số người thiếu trách nhiệm, hủu khuynh, né tránh, ngại va chạm, thiếu kiên quyết trong đấu tranh với các đối tượng xâm phạm ANQG vì đó thường là những phần tử nguy hiểm, có bản lĩnh, có thái độ chống đối quyết liệt dưới sự hậu thuẫn của các thế lực bên ngoài ... Thậm chí có một số cán bộ của cơ quan bảo vệ pháp luật, của chính quyền bị các đối tượng lôi kéo, mua chuộc đã bao che, tiếp tay cho việc thực hiện tội phạm xâm phạm ANQG. Số khác thì có tư tưởng chạy theo thành tích, chạy theo các vụ án bề nổi, ít chú ý đến công tác điều tra cơ bản. Cho nên, trong công tác đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG có nơi, có lúc ta vẫn bị động đối phó, chưa có biện pháp chủ động tấn công địch từ xa.

Mặt khác, đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG là một nhiệm vụ hết sức khó khăn, phức tạp, thường xuyên phải đối mặt với những phần tử cơ hội chính trị, những văn nghệ sĩ bất mãn, những đối tượng có chức sắc trong tôn giáo, có uy tín trong các dân tộc, ... có thái độ chống đối ngoan cố, quyết liệt. Thế nhưng,



không ít cán bộ trực tiếp làm công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này có trình độ năng lực hạn chế, chưa đáp ứng ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Ở một số nơi, trình độ lý luận chính trị, kiến thức xã hội, pháp lý của cán bộ điều tra, kiểm sát, tòa án còn yếu nên không đánh giá được nội dung, tính chất phản động, tính chất tội phạm trong hành vi mà các đối tượng này thực hiện, chưa làm cho đối tượng khuất phục cúi đầu nhận tội, đôi khi còn lúng túng trong việc định tội danh, xác định biện pháp xử lý... Thực tế, một số cơ quan bảo vệ pháp luật còn lúng túng trong việc định tội danh, áp dụng pháp luật. Vì vậy, có những vụ do áp dụng pháp luật không chính xác đã phải đình chỉ điều tra.

Bên cạnh đó, công tác quản lý người nước ngoài còn phân tán, chưa tập trung. Sự phối hợp giải quyết những vụ việc liên quan đến người nước ngoài xâm phạm ANQG, xử lý người nước ngoài vi phạm chưa thống nhất. Có địa phương giao cho lực lượng cảnh sát chủ trì dẫn đến tình trạng bị động, lúng túng trong việc xử lý người nước ngoài vi phạm. Thêm vào đó, một số cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật không chú ý đúng mức công tác phòng ngừa chung cũng như công tác phòng ngừa riêng, còn có tư tưởng thành tích, chạy theo các vụ án có bề nổi, ít chú ý tới công tác điều tra cơ bản. Cho nên, trong công tác đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG, có nơi, có lúc ta vẫn bị động đối phó, chưa có biện pháp chủ động tiến công địch từ xa.

*Thứ hai*, việc tổ chức phối hợp hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật để phát hiện, xử lý tội phạm xâm phạm ANQG còn chưa đồng bộ, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, biện pháp nghiệp vụ, pháp luật. Thực tế cho thấy trong thời gian qua, sự phối hợp lực lượng giữa các cơ quan chuyên trách với nhau, giữa cơ quan chuyên trách với các cơ quan, tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng còn thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ. Nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức chưa thấy hết ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG, thậm chí còn cho rằng đây là nhiệm vụ của lực lượng an ninh. Vì thế việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước về tăng cường công tác bảo vệ ANQG chưa đầy đủ. Các cơ quan, đơn vị chưa vận dụng các khâu công tác để chủ động nắm tình hình tội phạm xâm phạm ANQG, những vi phạm trong việc chấp hành các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước như: chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo và những sơ hở trong quản lý xã hội để tham mưu

cho Đảng, kiến nghị với cơ quan nhà nước khắc phục, bịt kín những sơ hở mà kẻ địch có thể lợi dụng tiến hành các hoạt động xâm phạm ANQG. Thêm vào đó, phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ ở một số nơi chưa mang tính thường xuyên, chưa đi vào chiều sâu, vẫn còn tình trạng “phát” nhưng không “động”; nội dung phong trào phòng, chống các tội xâm phạm ANQG chưa cụ thể hóa cho phù hợp với từng địa bàn, khu dân cư, nên hiệu quả của phong trào chưa vững chắc.

Công tác phối hợp giữa Tòa án nhân dân với Cơ quan an ninh điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm ANQG thời gian qua cũng còn một số hạn chế, đó là:

+ Số vụ án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung chiếm 4,2 % số vụ và 3,7% số bị cáo trong tổng số các vụ án đã thụ lý, đây là những vụ án có thể cho rằng có phần nào đó sự phối hợp chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa kịp thời.

+ Một số vụ án do có nhiều ý kiến khác nhau về việc đánh giá chứng cứ dẫn đến việc giải quyết vụ án không kịp thời, vi phạm thời hạn điều tra, truy tố, xét xử.

+ Một số vụ án bị lộ thông tin về các ý kiến giải quyết vụ án, dẫn đến việc thu thập chứng cứ, tài liệu cũng như việc xét xử vụ án gặp nhiều khó khăn trong việc xác định sự thật, khách quan của vụ án.

Những tồn tại nêu trên do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

+ Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chủ quan, đánh giá không hết tính chất phức tạp, nhạy cảm của vụ án, có trường hợp chủ quan cho rằng vụ án đơn giản, bình thường, không có dấu hiệu của tội phạm xâm phạm ANQG.

+ Việc quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo về công tác phối hợp giữa Tòa án nhân dân với Cơ quan an ninh điều tra, VKS nhân dân có vụ còn chưa sâu sát.

+ Chưa có quy chế quy định cụ thể về sự phối hợp trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm ANQG nên nhiều vụ án sự phối hợp không được thực hiện ngay từ đầu mà đến khi có khó khăn, vướng mắc khó giải quyết mới có đề nghị phối hợp làm cho vụ án kéo dài, vi phạm thời hạn giải quyết vụ án.

### Kết luận Chương 3

Nội dung Chương 2 của luận án đã làm sáng tỏ “bức tranh toàn cảnh” về tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay, tuy nhiên nó sẽ trở nên vô nghĩa và không khác gì khoa học thống kê nếu không đưa ra được các giải pháp phòng ngừa cho THTP đó. Về vấn đề này, chúng tôi hoàn toàn nhất trí với quan điểm của Tiến sĩ Phạm Hồng Hải khi ông cho rằng: *“Nếu một công trình về tội phạm học chỉ dừng lại ở mức mô tả tình hình tội phạm mà không làm rõ nguyên nhân và điều kiện của chúng thì công trình này không phục vụ cho công tác đề ra chiến lược, chiến thuật đấu tranh phòng ngừa tội phạm; việc hoạch định ra kế hoạch phòng ngừa tội phạm trong trường hợp này được thực hiện một cách hoặc duy ý chí hoặc phi khoa học. Và kết quả của hoạt động phòng ngừa lẽ tất nhiên sẽ không đạt kết quả mong muốn”* [107, tr177].

Để có thể đưa ra các giải pháp hữu ích cho công tác phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG thì việc đánh giá chính xác, đầy đủ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG là yêu cầu cần thiết. Chương 3 của luận án đã khẳng định: Từ năm 2006 đến nay, tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam mặc dù chiếm tỷ trọng không lớn so với tổng số vụ phạm tội trong phạm vi cả nước, nhưng diễn biến phức tạp, lúc tăng, lúc giảm không theo quy luật nhất định, gây nhiều khó khăn cho công tác phòng ngừa loại tội phạm này, xuất phát từ nhiều nguyên nhân, điều kiện khác nhau. Nhằm làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay, luận án đã phân tích làm sáng tỏ những nội dung sau:

**Thứ nhất**, làm rõ những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG thông qua việc xác định khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG, phân loại các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG, từ đó khẳng định tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay xuất phát từ nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống.

**Thứ hai**, trên cơ sở xác định lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG, dựa trên kết quả nghiên cứu về tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2015 trong Chương 2 của luận án,

có thể thấy nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay là tổng thể của sự kết hợp giữa các nguyên nhân xét trên các lĩnh vực khác nhau. Cụ thể là: Các nguyên nhân và điều kiện về tư tưởng, quan điểm chính trị; các nguyên nhân và điều kiện về tâm lý – xã hội; các nguyên nhân và điều kiện về quản lý nhà nước; nguyên nhân và điều kiện về pháp lý; nguyên nhân và điều kiện về tổ chức; các nguyên nhân và điều kiện về kinh tế.

Khi đánh giá nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay, cần phải đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan, đồng thời đặt chúng trong sự kết hợp biện chứng với nhau để từ đó làm rõ được những ngọn nguồn, nguyên cơ dẫn đến tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay. Đây chính là mục tiêu để các biện pháp phòng ngừa hướng tới ngăn chặn, triệt tiêu sao cho hạn chế tối đa sự gia tăng cũng như tính chất nguy hiểm, phức tạp của các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Như vậy, kết quả nghiên cứu tại Chương 3 của luận án đã đánh giá một cách hệ thống, toàn diện các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay. Đây chính là những căn cứ quan trọng để đề xuất các giải pháp hữu hiệu nhằm tăng cường hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới.

## Chương 4

### CÁC BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM

#### **4.1. Dự báo tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam trong thời gian tới**

Dự báo tình hình các tội xâm phạm ANQG thực chất là phỏng đoán, phán đoán về xu thế phát sinh, diễn biến của tình hình các tội xâm phạm ANQG, về các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình đó, cũng như khả năng phòng, chống loại tội phạm này trong thời gian tới. Mục đích của dự báo là cung cấp những thông tin về mọi mặt (thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất, ...) của tình hình các tội xâm phạm ANQG cho việc hoạch định chương trình, kế hoạch phòng, chống, xác định khả năng biến đổi, những yếu tố liên quan và ảnh hưởng đến tình hình các tội xâm phạm ANQG, xác định khả năng xuất hiện hành vi xâm phạm ANQG mới trước những khả năng biến đổi về mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp làm thay đổi chúng theo hướng có lợi cho hoạt động phòng, chống. Vì vậy, đây là hoạt động cần thiết và có ý nghĩa hết sức quan trọng. Thông qua kết quả dự báo, các chủ thể của hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm nắm bắt được xu hướng của tình hình các tội xâm phạm ANQG. Trên cơ sở đó chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, đề ra các biện pháp phòng, chống có kết quả, làm giảm tình hình các tội xâm phạm ANQG cũng như tác hại do chúng gây ra ở nước ta.

Trên cơ sở nghiên cứu tình hình các tội xâm phạm ANQG trong những năm qua, nhất là từ năm 2006 đến năm 2015; nghiên cứu những nguyên nhân và điều kiện cũng như những thay đổi xã hội tác động đến tình hình các tội xâm phạm ANQG, chúng tôi đưa ra dự báo tình hình các tội xâm phạm ANQG tại Việt Nam trong thời gian tới như sau:

#### ***4.1.1. Về diễn biến và tính chất của tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia***

Trong công cuộc đổi mới, nhân dân ta đã giành được những thành tựu đáng kể trên mọi lĩnh vực, hệ thống chính trị được củng cố và ngày càng vững mạnh. Đồng thời, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, tạo điều kiện cho các

tầng lớp nhân dân có nhận thức đúng đắn về tính ưu việt của chế độ XHCN và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Vì vậy, trong thời gian tới, số vụ phạm tội xâm phạm ANQG sẽ tiếp tục giảm dần qua các năm và chiếm một tỷ lệ rất thấp cả về số vụ và số đối tượng trong tổng số vụ phạm tội và tổng số người phạm tội nói chung. Tuy nhiên, tính chất quyết liệt, phức tạp của cuộc đấu tranh, cũng như tính chất nguy hiểm của loại tội phạm này không vì thế mà giảm bớt, bởi các tội xâm phạm ANQG gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến nhóm quan hệ xã hội quan trọng nhất, đó chính là sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, là sự ổn định và phát triển vững mạnh về mọi mặt của chế độ XHCN và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Hoạt động “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch sẽ gia tăng. Các thế lực phản động tiếp tục sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” để can thiệp vào nội bộ nước ta. Các hành động xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta vẫn sẽ tiếp diễn. Bên cạnh đó, những đối tượng ở trong nước sẽ tiếp tục hoạt động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đó là các đối tượng cơ hội chính trị bất mãn đòi đa nguyên, đa đảng; nguy quân, nguy quyền còn nuôi lòng hận thù chưa chịu cải tạo muốn nhen nhóm hoạt động trở lại; số phản động lợi dụng vấn đề tôn giáo, vấn đề dân tộc đòi thoát ly khỏi sự quản lý của Nhà nước, tăng cường hoạt động chống đối chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tìm cách liên lạc với nước ngoài.

#### ***4.1.2. Về loại hành vi xâm phạm an ninh quốc gia***

Mặc dù diễn biến khách quan của hành vi phạm tội là cơ sở cho việc xác định tội danh nhưng trong nhiều trường hợp việc xác định tội danh trong khởi tố điều tra phải quán triệt các yêu cầu chính trị, nghiệp vụ. Do đó, công tác điều tra, xử lý tội phạm không chỉ căn cứ vào diễn biến hành vi và quy định của pháp luật hình sự mà còn phải căn cứ vào yêu cầu chính trị, nghiệp vụ. Vì thế, luận án không dự báo theo từng loại tội mà đề cập đến THPT theo loại hành vi và phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi.

#### ***- Về hoạt động phản bội Tổ quốc và hoạt động gián điệp***

Từ âm mưu chống phá Việt Nam của một số nước phương Tây, từ THPT trong thời gian qua có thể nhận định rằng hành vi câu kết với nước ngoài để gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, cho chế độ XHCN

ở Việt Nam sẽ tiếp tục diễn ra và có chiều hướng tăng lên, thông qua các cá nhân, tổ chức phản động người Việt lưu vong để tiến hành câu kết, phối kết hợp với các thế lực chống đối trong nước.

Các cơ quan đặc biệt của một số nước, nhất là các nước thù địch sẽ đẩy mạnh nhiều hình thức thu thập tình báo. Sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường, sự xuống cấp về đạo đức, lối sống của một số cán bộ Nhà nước sẽ là điều kiện để nước ngoài tìm cách mua chuộc nhằm thu thập bí mật Nhà nước của Việt Nam. Ngoài ra, một số người vì bất mãn hoặc vì tư tưởng chống đối sẽ tìm cách cung cấp bí mật Nhà nước cho nước ngoài. Do đó, hành vi cung cấp, thu thập nhằm cung cấp bí mật Nhà nước cho nước ngoài vẫn tiếp tục diễn ra. Hành vi cung cấp tin tức, tài liệu không thuộc bí mật Nhà nước để nước ngoài sử dụng chống Việt Nam sẽ gia tăng về số lượng và đa dạng về hình thức, cách thức thực hiện. Đối với loại hành vi này, việc chứng minh, làm rõ mục đích chống chính quyền và “yếu tố nước ngoài” vẫn sẽ là vấn đề rất khó khăn, phức tạp.

*- Về hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân*

Hành vi thành lập, tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân sẽ tiếp tục diễn ra nhưng có sự thay đổi nhất định về phương thức, thủ đoạn và đối tượng tham gia. Lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để kích động tư tưởng chống đối; lợi dụng những sơ hở, thiếu sót và sự tụt hậu về kinh tế của ta, lợi dụng tình trạng tham nhũng để kích động, lôi kéo, tập hợp lực lượng nhằm lật đổ chính quyền sẽ là hoạt động được các đối tượng thù địch triệt để khai thác. Về đối tượng, sẽ nổi lên ba loại người là: số chống đối xâm nhập từ nước ngoài về Việt Nam, số chống đối trong nước và những quần chúng lạc hậu bị kích động, lừa phỉnh, mua chuộc.

*- Về các hoạt động khủng bố, phá hoại*

Để gây tiếng vang, tạo thanh thế và để kích động các hoạt động chống phá, bọn phản động lưu vong sẽ đẩy mạnh các hoạt động khủng bố phá hoại với phương thức, thủ đoạn mà các đối tượng phạm tội quốc tế đã và đang sử dụng. Về đối tượng, việc mua chuộc, kích động những người lạc hậu, số lưu manh, nghiện ma túy tham gia thực hiện tội phạm là một thủ đoạn sẽ được các đối tượng chú ý sử dụng.

*- Về hoạt động bạo loạn, phá rối an ninh*

Trong thời gian tới, các đối tượng phản động lưu vong sẽ đặc biệt chú trọng đến việc kích động, tập hợp quần chúng tham gia chống chính quyền. Hành vi sử

dụng bạo lực có tổ chức sẽ xảy ra với quy mô lớn và trên địa bàn rộng, trong đó tập trung chủ yếu ở một số vùng có đông bào dân tộc thiểu số sinh sống. Từ việc sử dụng bạo lực có tổ chức tiến đến vũ trang chống chính quyền là những bước trong kế hoạch chống phá của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó là hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động, mua chuộc quần chúng lạc hậu, bất mãn nhằm tập hợp lực lượng chống chính quyền sẽ được các đối tượng tăng cường triển khai. Do đó, tội phá rối an ninh sẽ có chiều hướng phát triển với quy mô lớn và tính chất phức tạp và dễ chuyển thành bạo loạn.

*- Về hoạt động tuyên truyền chống chế độ, phá hoại chính sách đoàn kết*

Các trung tâm phá hoại tư tưởng sẽ tăng cường quy mô hoạt động tuyên truyền chống phá Việt Nam với nhiều thủ đoạn, phương thức khác nhau như: kích động, khuyến khích những người có quan điểm trái ngược, bất mãn hoạt động chống phá chính quyền; lợi dụng tình trạng tham nhũng, sự tụt hậu về kinh tế và những hạn chế, yếu kém trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội của ta để tuyên truyền nói xấu chế độ, đả kích sự lãnh đạo của Đảng; tuyên truyền kích động, chia rẽ các tôn giáo nhằm phá hoại khối đoàn kết toàn dân.

*- Về hoạt động trốn đi nước ngoài và tổ chức người khác trốn đi nước ngoài*

Các thế lực thù địch vẫn sẽ tiếp tục lôi kéo, kích động người Việt Nam trốn ra nước ngoài nhằm chuẩn bị lực lượng phục vụ cho ý đồ chống phá lâu dài. Tuy vậy trong những người trốn đi nước ngoài, tỉ lệ người trốn đi nhằm chống chính quyền không nhiều, đa số là do bị kích động, cưỡng ép đe dọa hoặc do sợ bị chính quyền xử lý sau khi đã thực hiện hành vi phạm tội khác. Đối với loại hành vi này, việc chứng minh, làm rõ mục đích chống chính quyền là vấn đề rất khó khăn, phức tạp nhưng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc xử lý tội phạm.

Các hành vi phạm tội khác như hoạt động phi, phá hoại việc thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, chống phá trại giam ít có chiều hướng gia tăng, nhất là theo quy định của BLHS năm 2015, tội hoạt động phi đã bị loại bỏ.

#### ***4.1.3. Về đối tượng, địa bàn xảy ra hành vi xâm phạm an ninh quốc gia và khả năng phòng ngừa của các chủ thể***

*- Về đối tượng phạm tội*

+ Số đối tượng phạm các tội xâm phạm ANQG có trình độ văn hóa, trình độ



nhận thức về chính trị, xã hội sẽ tăng lên cùng với sự phát triển nền giáo dục.

+ Số đối tượng từng là nguy quân, nguy quyền sẽ giảm bởi đất nước thống nhất đã hơn 40 năm, số này đã già yếu hoặc đã chết; tuy nhiên, số đối tượng có ý thức chống đối, thâm thù cách mạng sẽ tiếp tục chiếm tỷ lệ cao bởi số này không bao giờ từ bỏ âm mưu giành lại quyền thống trị mà chúng đã mất. Cùng đó là bọn phản động trong số người Việt lưu vong cũng vẫn tích cực hoạt động xâm phạm ANQG. Trong thời gian tới, cũng cần chú ý đến sự gia tăng của số đối tượng từng là cán bộ Nhà nước tha hóa biến chất, số đối tượng cơ hội chính trị.

+ Số đối tượng là người theo đạo sẽ tiếp tục chiếm tỷ lệ cao, trong đó đáng chú ý là số theo đạo Thiên chúa và đạo Phật.

- Về địa bàn trọng điểm sẽ vẫn tập trung chủ yếu ở các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và một số thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh.

- Về khả năng phòng ngừa của các chủ thể : Mặc dù tình hình các tội xâm phạm ANQG có nhiều diễn biến phức tạp, song với sự ổn định và phát triển vững mạnh của hệ thống chính trị XHCN, với tinh thần cách mạng ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân, với hoạt động tích cực và đồng bộ của các cơ quan bảo vệ pháp luật, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam, có thể khẳng định chúng ta có đủ thế và lực để chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động xâm phạm ANQG trong mọi tình huống.

#### **4.2. Nguyên tắc tổ chức hệ thống phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam**

Để công tác phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG có hiệu quả, tổ chức hệ thống phòng ngừa phải quán triệt những nguyên tắc cơ bản sau đây:

**4.2.1. Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân.**

Ở nước ta, phòng ngừa THTP nói chung, tình hình các tội xâm phạm ANQG nói riêng là nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Đảng đã chỉ rõ: “Giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và nhân dân” [103, tr.76]. Vì vậy, cần phải xây dựng và thực hiện cơ chế phát

huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, đẩy mạnh phong trào cách mạng của toàn dân, nâng cao trách nhiệm, vai trò chủ động sáng tạo của các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và các tầng lớp nhân dân trong phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG.

Thực tiễn phòng, chống các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam từ ngày thành lập nước đến nay cho thấy bất kể trong tình hình nào, Đảng luôn lãnh đạo một cách tuyệt đối. Đặc biệt, trong tình hình thế giới và khu vực có nhiều phức tạp, tiềm ẩn những bất ổn về chính trị như hiện nay, việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG lại càng cần thiết. Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về “Nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp trong thời gian tới” nhấn mạnh: *“Bộ Chính trị lãnh đạo hoạt động của các cơ quan Tư pháp về lĩnh vực bảo vệ pháp luật, về chính sách xử lý các tội xâm phạm ANQG ... Đối với một số vụ án có ý nghĩa quan trọng về chính trị, Ban Cán sự Đảng các cơ quan Tư pháp phải báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị”*.

Bên cạnh sự lãnh đạo của Đảng, các cơ quan nhà nước, nhất là các cơ quan bảo vệ pháp luật trước hết phải thi hành đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, mặt khác hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác, các tổ chức và mọi công dân đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG. Đặc biệt, CQCA phải tham mưu cho cấp ủy, hướng dẫn các ngành về nghiệp vụ, đồng thời tăng cường phối hợp công tác với các cơ quan bảo vệ pháp luật khác như TA, VKS và Quân đội nhân dân.

#### ***4.2.2. Phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia phải dựa trên cơ sở pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa***

Một trong những nội dung của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế XHCN, thực hiện nguyên tắc sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Khoản 1 Điều 8 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 quy định: *“Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật”*. Vì vậy, cuộc đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG dù có gay go, phức tạp đến đâu cũng phải lấy pháp luật làm cơ sở và chuẩn mực cho mọi hành động. Chỉ có thực hiện đúng các quy định của pháp luật thì phòng ngừa tình

hành các tội xâm phạm ANQG mới đạt được mục đích phục vụ lợi ích xã hội, Nhà nước và công dân. Như vậy, tuân thủ pháp luật là một yêu cầu quan trọng trong phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG, đòi hỏi các cơ quan bảo vệ pháp luật khi tiến hành các hoạt động của mình phải căn cứ vào các quy định của pháp luật, đặc biệt là pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

Ngoài yêu cầu pháp luật, trong phòng, chống các tội xâm phạm ANQG còn phải đảm bảo các yêu cầu chính trị, nghiệp vụ. Khi áp dụng pháp luật để xử lý đối tượng phải lưu ý đến tình hình chính trị, xã hội của đất nước, các yêu cầu nghiệp vụ để lựa chọn những biện pháp đấu tranh thích hợp. Sẽ rất sai lầm khi chỉ chú trọng yêu cầu chính trị, nghiệp vụ mà xem nhẹ pháp luật nhưng cũng sẽ không đúng khi bỏ qua cơ hội mở rộng công tác trinh sát.

#### ***4.2.3. Năm vãng chính sách hình sự của Nhà nước đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, đồng thời có sách lược mềm dẻo, linh hoạt xử lý các vấn đề có liên quan đến an ninh quốc gia một cách cương quyết và khôn khéo***

Các thế lực thù địch vẫn luôn tìm mọi cách chống phá công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta. Vì vậy, phải năm vãng nguyên tắc, sách lược và vận dụng một cách linh hoạt để xử lý các vấn đề liên quan đến ANQG một cách khôn khéo.

Chính sách xử lý của Nhà nước ta đối với các tội xâm phạm ANQG dựa trên cơ sở nguyên tắc xử lý đối với tội phạm nói chung được quy định tại Điều 3 BLHS năm 1999: Nghiêm trị bọn chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, có ý gây hậu quả nghiêm trọng. Khoan hồng đối với người tự thú, thật thà khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.

Bên cạnh đó, khi quy định cấu thành các tội cụ thể trong nhóm các tội xâm phạm ANQG, chính sách xử lý của nhà nước ta thể hiện như sau:

*Thứ nhất*, thực tiễn phòng, chống các tội xâm phạm ANQG cho thấy, các tội phạm này thường được thực hiện dưới hình thức đồng phạm. Lý luận về đồng phạm đã chỉ ra rằng, trong số bốn loại người đồng phạm thì người tổ chức, người xúi giục, người thực hành đặc lực là nguy hiểm nhất. Quán triệt quan điểm này, trong cấu thành

tội phạm các tội xâm phạm ANQG, BLHS năm 1999 xác định người tổ chức, người xúi giục, người hoạt động đặc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng đều bị coi là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt (Điều 79, 81, 82, 83, 89, 91). Người đồng phạm khác (người giúp sức, người thực hành) là tình tiết giảm nhẹ định khung hình phạt.

*Thứ hai*, mặc dù toàn bộ các tội xâm phạm ANQG là tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, nhưng trong các trường hợp phạm tội gây hậu quả ít nghiêm trọng, chưa gây tác hại lớn về chính trị... vẫn được coi là tình tiết giảm nhẹ định khung hình phạt (Điều 86, 90).

*Thứ ba*, xuất phát từ đặc thù của cuộc đấu tranh phòng, chống tội gián điệp và nhằm góp phần nâng cao hậu quả đấu tranh với loại tội này, nên BLHS năm 1985 cũng như BLHS 1999 quy định trường hợp người đã nhận làm gián điệp nhưng sau đó không thực hiện nhiệm vụ được giao, đã tự thú thành thật khai báo với cơ quan có thẩm quyền thì được miễn trách nhiệm hình sự. Đây không phải là trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội vì tội gián điệp hoàn thành từ thời điểm nhận làm gián điệp cho cơ quan tình báo nước ngoài.

Đường lối xử lý đối với những người phạm tội xâm phạm ANQG nêu trên thể hiện rõ nét truyền thống nhân đạo của dân tộc ta.

#### ***4.2.4. Tích cực phòng ngừa, chủ động đấu tranh trấn áp, trong đó phòng ngừa là cơ bản, đấu tranh trấn áp là quan trọng***

Phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG là quá trình đấu tranh với các thế lực thù địch có phương tiện kỹ thuật hiện đại, có nhiều kinh nghiệm hoạt động chống phá với nhiều phương thức, thủ đoạn hoạt động, phổ biến là hoạt động nguy trang, bí mật, tinh vi, cho nên về tính chất cuộc đấu tranh thì rất phức tạp, gay go, quyết liệt nhưng về hình thái bề ngoài thì không phải lúc nào cũng thể hiện rõ tính chất quyết liệt nên nhiều lúc dễ làm cho ta mất cảnh giác trong đấu tranh chống các tội xâm phạm ANQG. Chính vì thế, ngay từ Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng khóa VI, ngày 20/1/1962 đã đề ra phương châm: "*Tích cực bảo vệ mình, chủ động tiêu diệt địch*". Thực tiễn những năm qua khẳng định tính đúng đắn của phương châm này và hiện nay vẫn là tư tưởng chỉ đạo công tác bảo vệ ANQG.

Tích cực phòng ngừa không để tội phạm xâm phạm ANQG xảy ra là phương hướng cơ bản nên luôn được Đảng và Nhà nước ta đặt lên hàng đầu và coi là

phương hướng đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG triệt để, thuận lợi, kinh tế nhất, vừa đảm bảo tính nhân đạo, vừa phù hợp với bản chất của chế độ XHCN. Để chủ động phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG có hiệu quả, cần huy động sức mạnh của toàn xã hội, triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa xã hội và biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ của ngành Công an nhằm tác động để làm giảm, tiến tới loại trừ những yếu tố là nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG.

Tuy nhiên, một vấn đề có tính nguyên tắc là muốn tích cực phòng ngừa phải quán triệt tư tưởng tiến công và tiến công liên tục các đối tượng xâm phạm ANQG. Không tiến công liên tục sẽ tạo điều kiện cho các đối tượng thù địch có thời cơ hoạt động phá hoại ANQG. Mục đích cao nhất và cũng là yêu cầu cơ bản của hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG là đảm bảo an toàn, không để các đối tượng thù địch gây thiệt hại cho cách mạng. Muốn vậy, trong đấu tranh phải tích cực phòng ngừa trên các mặt công tác, không để sơ hở, không tạo cơ hội để các đối tượng gây tổn thất cho chính quyền nhân dân. Đối với các tội xâm phạm ANQG, phải điều tra, nghiên cứu sâu, tính toán lâu dài, nhưng khi thấy các đối tượng có ý định phá hoại là phải tính toán đến việc kịp thời trấn áp. Vấn đề tích cực phòng ngừa thể hiện trên các yêu cầu: không để các đối tượng thù địch gây thiệt hại cho chính quyền nhân dân; không để nảy sinh đối tượng thù địch mới; xóa bỏ cơ sở xã hội phát sinh các tội xâm phạm ANQG.

#### ***4.2.5. Trấn áp kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, cải tạo***

Trong những đối tượng hoạt động xâm phạm ANQG, có số ngoan cố chống đối nhưng cũng có những người bị dụ dỗ, lừa bịp, cưỡng ép mà tham gia. Vì vậy, trấn áp kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục cải tạo nhằm phân hóa, đánh trúng những đối tượng chủ mưu, cầm đầu, số ngoan cố, chống phá cách mạng đến cùng và khoan hồng đối với những người lầm đường, hối cải.

Kiên quyết trấn áp thì khoan hồng mới có hiệu quả. Mục đích của chính sách khoan hồng không phải là để dung túng mà là nhằm triệt để tan rã về tư tưởng và tổ chức của các đối tượng phạm tội. Vì vậy, phải vận dụng chính sách trấn áp kết hợp với khoan hồng một cách linh hoạt, thích hợp với yêu cầu của cuộc đấu tranh, nhằm đạt kết quả cao nhất là làm tan rã hàng ngũ các thế lực thù địch. Mặt khác, phải nghiêm

khắc trùng trị những phần tử ngoan cố hoạt động phá hoại, chống đối, mặt khác phải làm mất chỗ dựa của chúng. Trùng trị kết hợp với giáo dục, cải tạo vừa thể hiện tính kiên quyết của cuộc đấu tranh chống các tội xâm phạm ANQG, vừa thể hiện tính nhân đạo của chế độ ta. Trấn áp không có nghĩa là tiêu diệt các đối tượng xâm phạm ANQG, trừ một số rất ít phạm tội rất nghiêm trọng phải tử hình, mà chủ yếu là áp dụng các biện pháp cưỡng chế nhằm không để chúng tiếp tục hoạt động phá hoại, đồng thời giáo dục cải tạo làm cho chúng từ bỏ con đường phạm tội, trở thành người có ích cho xã hội.

### **4.3. Các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam**

Mặc dù hiện nay còn tồn tại nhiều cách định nghĩa khác về phòng ngừa tội phạm, song dưới góc độ của tội phạm học Việt Nam, chúng tôi thống nhất khái niệm phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG như sau:

Phòng ngừa tội phạm xâm phạm ANQG được hiểu là tổng thể các biện pháp do các cơ quan, tổ chức và công dân tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm tác động vào các yếu tố làm phát sinh tội phạm xâm phạm ANQG cũng như loại trừ các yếu tố này vì mục đích ngăn chặn và tiến tới đẩy lùi các tội xâm phạm ANQG ra khỏi đời sống xã hội. Nói cách khác, phòng ngừa tội phạm xâm phạm ANQG là ngăn chặn và loại trừ tội phạm khỏi đời sống xã hội.

Có nhiều cách phân loại các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, các tội xâm phạm ANQG nói riêng. Theo GS, TS Võ Khánh Vinh: “*Các biện pháp phòng ngừa thường được phân loại theo: Nội dung, khối lượng, phạm vi, khách thể và những người nhận sự tác động, cơ chế tác động, cường độ (sự tương quan giữa các yếu tố thuyết phục và cưỡng chế).*” [104, tr.156].

Mặc dù có rất nhiều cách tiếp cận về biện pháp phòng ngừa THTP song trong quá trình đề xuất các biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay, luận án sẽ lựa chọn cách tiếp cận biện pháp phòng ngừa dựa trên các lĩnh vực cụ thể làm phát sinh các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG để giải quyết mục tiêu cuối cùng – cái đích được đặt ra đối với luận án.

Dựa vào kết quả nghiên cứu trong Chương 2 và Chương 3 của luận án, việc

phòng ngừa THPT xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay sẽ tiến hành trên cơ sở thực hiện đồng bộ các biện pháp sau nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam:

#### **4.3.1. Biện pháp kinh tế**

Kết quả khảo sát tại Chương 2 cho thấy, một bộ phận bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG xuất phát từ động cơ vì tiền (chiếm tỷ lệ 11,34%). Vấn đề kinh tế cũng được phân tích làm rõ trong Chương 3 với tư cách là một trong những nguyên nhân và điều kiện khách quan – chủ quan của tình hình các tội xâm phạm ANQG.

Biện pháp kinh tế là một trong bảy biện pháp bảo vệ ANQG được xác định trong Luật An ninh quốc gia, là một trong bảy biện pháp công tác công an được xác định trong Luật Công an nhân dân, đồng thời là một trong tám biện pháp bảo vệ ANQG được xác định trong Nghị quyết số 40 – NQ/BCT ngày 08/11/2004 của Bộ Chính trị về “*Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác công an trong tình hình mới*”. Do đó, phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam không thể tách rời biện pháp kinh tế.

Chính sách phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn cùng với việc thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách đó là những đảm bảo về mặt xã hội cho con người, để họ có thể phát huy mọi khả năng lao động sáng tạo, nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện việc làm, ăn, ở, đi lại, học tập, có điều kiện phát triển nhân cách, hoàn thiện lối sống của mình. Điều đó chắc chắn sẽ góp phần hạn chế, làm giảm bớt tội phạm, trong đó có tội phạm xâm phạm ANQG bởi khi kinh tế phát triển chưa tốt thì ý thức tâm lý - ý thức xã hội sẽ không ổn định, tình hình tiêu cực nảy sinh và tội phạm phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế phát triển tốt sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, thu nhập cá nhân tăng và đảm bảo đời sống nhân dân nâng cao sẽ góp phần làm giảm thiểu tội phạm.

Ngoài việc phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước cần tập trung giải quyết một số chính sách xã hội vừa cơ bản lâu dài, vừa cấp bách, đặc biệt là chính sách xóa đói giảm nghèo. Bởi qua phân tích thực trạng, nguyên nhân của tình hình tội phạm xâm phạm ANQG cho thấy, số đối tượng phạm tội thuộc nhóm người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập thấp hoặc không có việc làm chiếm tỷ lệ cao. Như vậy, nạn thất nghiệp, sự nghèo đói, đặc biệt là sự phân hóa giàu, nghèo là một trong những tác

nhân tiềm ẩn những nguy cơ mất ổn định về an ninh xã hội, tình hình tội phạm. Mặt khác, hiện nay do tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, động cơ phạm tội của một số đối tượng không chỉ là hãn thù cách mạng mà rất nhiều trường hợp động cơ phạm tội là do kinh tế.

Do vậy, Đảng và Nhà nước cần quan tâm đến việc thực hiện có hiệu quả các kế hoạch và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình xóa đói giảm nghèo. Để tạo việc làm, hạn chế thất nghiệp, Nhà nước cần tập trung đầu tư phát triển, khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi nhà đầu tư mở mang nghề nghiệp, tạo nhiều việc làm cho người lao động, nhất là cho thanh niên ở thành thị, người nghèo ở nông thôn, gia đình chính sách, các đối tượng tệ nạn xã hội, mãn hạn tù và con em đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc thiểu số.

Đặc biệt, đối với vùng dân tộc thiểu số - mục tiêu quan trọng mà các đối tượng thù địch lợi dụng kích động nhằm chống phá Nhà nước, là những vùng khó khăn về kinh tế. Chính những khó khăn này đã góp phần phát sinh những nguyên nhân và điều kiện về kinh tế dẫn đến tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam (như đã phân tích trong Chương 3 của luận án). Do đó, phát triển kinh tế là một trong những biện pháp phòng ngừa có hiệu quả tình hình các tội xâm phạm ANQG. Trước mắt, trong thời gian tới cần tập trung vào các nội dung sau:

*Thứ nhất*, đưa nội dung, yêu cầu bảo vệ ANQG vào thể chế, chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế.

*Thứ hai*, hoàn thiện cơ chế giám sát, kiểm soát, phát hiện, chặn, xử lý kịp thời các hoạt động kinh tế gây nguy hại đến ANQG.

*Thứ ba*, ưu tiên phát triển kinh tế đối với địa bàn trọng yếu, lĩnh vực trọng điểm về an ninh, trật tự; sử dụng đòn bẩy kinh tế, công cụ tài chính - tiền tệ để bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

*Thứ tư*, chống hoạt động phá hoại kinh tế, thông qua kinh tế để chuyển hóa chế độ chính trị gây rối loạn nền kinh tế quốc dân, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân.

*Thứ năm*, thành lập doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Để có thể thực hiện tốt các nội dung trên, những công việc cụ thể cần phải



đảm bảo được thực hiện thường xuyên, liên tục bao gồm:

*Một là*, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng vùng, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc khai thác thế mạnh của địa phương làm giàu cho mình và đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần mà nhất là đối với đồng bào các dân tộc thiểu số thì vấn đề định canh định cư cần được sự quan tâm thỏa đáng. Định canh định cư phải được đầu tư đồng bộ và làm dứt điểm, đồng thời phát huy vai trò tự chủ, sáng tạo của cơ sở và của chính đồng bào các dân tộc thiểu số.

*Hai là*, đất đai là một trong những vấn đề nhạy cảm mà các thế lực thù địch luôn tìm cách xoáy vào để kích động đồng bào các dân tộc thiểu số, tạo nên những mâu thuẫn nhất định.

*Ba là*, tổ chức sản xuất, xóa đói giảm nghèo cần được tiếp tục thực hiện. Nhà nước cần phải đầu tư nguồn lực lớn hơn, mặt khác, phải gắn chặt đầu tư với xóa đói giảm nghèo và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống.

#### **4.3.2. Biện pháp xã hội**

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta không chỉ quan tâm đến việc tăng trưởng kinh tế mà còn luôn luôn chú trọng đến việc thực hiện các chính sách xã hội. Trong văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: *“Tăng trưởng kinh tế đi liền với từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”* [104, tr.85]

Để giải quyết vấn đề giảm thiểu tối đa các tội xâm phạm ANQG, cần phải có những mục tiêu chăm sóc, bồi dưỡng với những chính sách xã hội thiết thực, trực tiếp, liên tục vào những người có nguy cơ phạm tội cao. Tìm ra các nguyên nhân và điều kiện từ phía xã hội để đưa ra các biện pháp làm triệt tiêu tình hình các tội xâm phạm ANQG hiện nay.

Nhân cách của người phạm tội xâm phạm ANQG chịu ảnh hưởng trực tiếp của môi trường xã hội, của những mặt tiêu cực, mặt trái của xã hội. Vì vậy, song song với các biện pháp về kinh tế là những vấn đề xã hội cần giải quyết. Các biện pháp xã hội cần tập trung là:

- *Thứ nhất, tạo việc làm ổn định cho người lao động*

Tạo việc làm tập trung ưu tiên cho các gia đình là đối tượng chính sách, những người có khó khăn trong cuộc sống, những gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, những người nghèo, người có tiền án, tiền sự. Số liệu thống kê trong Chương 1 cho thấy, các bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm cũng chiếm một tỷ lệ nhất định (chiếm 0,73%). Do đó, đảm bảo việc tái hoà nhập người phạm tội sau khi đã chấp hành hình phạt tù trở về địa phương, bảo đảm cuộc sống của những hộ nghèo, bảo đảm việc làm cho những thanh niên đến tuổi lao động.

Đối với những người đã thụ án trở về địa phương, không những phải giám sát mà về mặt kinh tế còn phải đi sâu nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của họ, kết hợp với những khả năng, sở trường và điều kiện của họ, giúp họ có một công việc phù hợp phục vụ cho cuộc sống. Biện pháp này thuộc về trách nhiệm của cấp uỷ Đảng và lãnh đạo xã, phường, cấp cơ sở. Tạo công ăn việc làm cho các đối tượng chính sách, người nghèo, người chưa thành niên và những người đã thụ án trở về.

Giải quyết việc làm vẫn là một trong những nội dung nan giải hiện nay, đặc biệt là ở vùng dân tộc thiểu số, trong khi theo kết quả phân tích tại Chương 2 của luận án cho số bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 64,8% (hơn ½ số bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG) mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những khó khăn kinh tế, thu nhập thấp do không có việc làm. Vì vậy, giải quyết việc làm cho những người dân tộc thiểu số là biện pháp xã hội cần phải được tiến hành song song với biện pháp kinh tế nhằm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới.

Giải quyết việc làm ở vùng dân tộc thiểu số là một công việc khó khăn. Một phần chúng ta chưa có đủ nguồn lực thật lớn để tạo công ăn việc làm, một phần do lao động người dân tộc thiểu số tay nghề và trình độ chuyên môn thấp cùng với tập quán, thói quen, tác phong làm việc chưa phù hợp với yêu cầu sản xuất của các doanh nghiệp... là điều rất khó để mở mang ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn. Do vậy, trước mắt phải tăng cường cho vay từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm, tạo điều kiện để người lao động đầu tư vào sản xuất gia đình, hoặc tìm kiếm công ăn, việc làm mới. Thu hút vào các nông trường, doanh nghiệp thuộc các ngành chè, cao su, cà phê. Ngoài ra, còn phải tăng cường phối hợp với các địa phương khác, các

tổng công ty nhà nước, các trung tâm tuyển dụng lao động, tổ chức đào tạo tay nghề, đưa đi lao động ngoài địa bàn.

*- Thứ hai, cần có chính sách bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội*

Hủ tục và tệ nạn xã hội là một trong những vấn đề nhức nhối, được dư luận xã hội quan tâm và đòi hỏi phải có chính sách, biện pháp giải quyết thỏa đáng bởi đó cũng là nguyên nhân trực tiếp gây ra tội phạm, trong đó có các tội xâm phạm ANQG. Thực tế cho thấy, các thế lực thù địch luôn tìm cách gieo rắc và sử dụng tệ nạn xã hội như là vũ khí lợi hại để làm mất “màu cộng sản”, phai nhạt lý tưởng cách mạng, sa đọa về đạo đức, lối sống. Vì vậy, việc tăng cường những biện pháp bài trừ các tệ nạn xã hội có ý nghĩa quan trọng đối với việc phòng ngừa tội phạm nói chung, các tội xâm phạm ANQG nói riêng.

Để bài trừ các tệ nạn xã hội, không chỉ dùng các biện pháp ngăn cấm mà quan trọng là phải giải quyết tổng thể nhiều vấn đề xã hội to lớn như văn hóa, giáo dục, y tế, pháp luật,... xây dựng các chuẩn mực xã hội và định hướng giá trị tốt đẹp, tạo nên lối sống lành mạnh, có văn hóa, có ý thức pháp luật ở mỗi con người.

*- Thứ ba, xây dựng và thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, đặc biệt ở vùng Tây Nguyên*

Kết quả phân tích ở Chương 3 của luận án đã chỉ ra một trong những nguyên nhân của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay là do sự tác động của phong trào li khai tự trị trên thế giới kết hợp với tư tưởng dân tộc hẹp hòi của một bộ phận người dân tộc thiểu số. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn nhận thức rõ dân tộc và tôn giáo là những vấn đề xã hội, chính trị phức tạp, vấn đề mà chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã và đang ra sức lợi dụng để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Về phía ta, vẫn còn có những yếu kém, sơ hở trong việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo mà các thế lực thù địch đang tập trung khai thác, lợi dụng để phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo. Vì vậy, việc thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo cũng là một trong những giải pháp quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG.

Khoản 4 Điều 5 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 xác định: “*Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các*

*dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước”.*

Trên tinh thần đó, cần thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, xóa mù chữ, nâng cao dân trí ở vùng đồng bào dân tộc ít người. Làm tốt chính sách xã hội đối với đồng bào dân tộc ít người sẽ có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động của các thế lực thù địch, đảm bảo vững chắc biên cương của Tổ quốc. Ngoài ra, các chính sách như: chính sách với gia đình có công, gia đình thương binh liệt sĩ, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, chăm sóc bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể chất, tinh thần của nhân dân phải được thực hiện có hiệu quả nhằm tạo ra niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước, tạo ý thức trách nhiệm, xây dựng môi trường sống lành mạnh, trong sạch, phát triển bền vững.

Trong Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Đảng nhấn mạnh: *“Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, quan tâm đặc biệt đến các vùng, địa bàn trọng điểm; làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch và mọi ý đồ, hành động xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không để bị động, bất ngờ”.*

Kết quả nghiên cứu tại Chương 3 của luận án đã khẳng định mục tiêu trọng yếu mà các thế lực thù địch hướng tới để thực hiện phong trào li khai, kích động tư tưởng dân tộc cực đoan, hẹp hòi nhằm chống nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là địa bàn Tây Nguyên. Do đó, đối với Tây Nguyên, cần phải được chú trọng trong việc thực hiện tốt các biện pháp tăng cường nhằm phòng ngừa có hiệu quả tình hình các tội xâm phạm ANQG trong thời gian tới.

#### **4.3.3. Biện pháp văn hóa**

Ngày nay, toàn cầu hóa là xu thế tất yếu, đất nước ta đã, đang phải đối mặt với những thách thức mới, những hiểm họa mới. Thách thức phía trước, đòi hỏi chúng ta phải tinh táo trong từng bước đi, từng hành động để xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc Việt Nam, tránh được những hệ lụy xã hội, và xây dựng một nền kinh tế hùng mạnh, tự chủ đủ sức vượt qua được rủi ro và hệ lụy từ phía ngoài. Xây dựng được lòng yêu nước trong mỗi người dân để tự thân họ cần sống có trách nhiệm hơn, trong suy nghĩ và hành động.

Lòng yêu nước là tài sản thiêng liêng gắn với niềm tự hào, tự tôn dân tộc, là phẩm giá Việt Nam cần được bảo vệ, phát huy và cũng tránh bị ngộ nhận, lợi dụng.

Trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch và những phần tử chống đối đang ra sức lợi dụng lôi kéo người dân tụ tập, nhân danh lòng yêu nước để gây mất trật tự công cộng, truyền bá những tư tưởng xấu nhằm làm rạn vỡ sự gắn bó của Đảng và Nhà nước với nhân dân, kích động hằn thù dân tộc, chia rẽ khối đoàn kết toàn dân. Mỗi người dân phải thể hiện lòng yêu nước của mình bằng tình cảm nhiệt huyết nhưng tỉnh táo, quan tâm đến vận mệnh của dân tộc, không để bị lạm dụng, bị lôi kéo vào những bè phái, tổ chức nhân danh lòng yêu nước nhưng thực chất là gây tổn hại tới sức mạnh và lợi ích đất nước.

Bên cạnh đó, biện pháp về văn hóa cũng cần được xem xét trên góc độ duy trì việc quản lý chặt chẽ văn hóa phẩm, kiểm soát các nội dung chống Đảng và Nhà nước ta, đi ngược với lợi ích của nhân dân; chống sự xâm nhập văn hoá trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng; đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư, tuyên truyền và phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu chất nhân văn. Chú trọng phát huy mạnh mẽ chức năng thông tin, giáo dục, tổ chức và phản biện xã hội vì lợi ích của nhân dân và đất nước, tuyên truyền giáo dục sâu rộng về mọi mặt như pháp luật, văn hóa, chống các hủ tục và giữ gìn bản sắc tốt đẹp của dân tộc.

#### ***4.3.4. Biện pháp giáo dục***

Kết quả phân tích ở Chương 2 cho thấy, số bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG có trình độ văn hóa thấp chiếm tỷ lệ không nhỏ, đặc biệt có đến 21,68% số bị cáo mù chữ. Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, ở một bộ phận nhất định những người phạm tội xâm phạm ANQG không chỉ có trình độ học vấn thấp mà cơ bản là sự thoái hóa nghiêm trọng về nhân cách. Như vậy, sự thiếu văn hóa và tri thức cũng là yếu tố ảnh hưởng đến tình hình tội phạm xâm phạm ANQG. Điều này khẳng định ý nghĩa phòng ngừa quan trọng của chính sách nâng cao dân trí và mặt bằng văn hóa chung.

Kết quả phân tích ở Chương 3 cũng chỉ ra một trong những nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam xuất phát từ ý thức hệ của người phạm tội. Một bộ phận không nhỏ bị cáo phạm các tội xâm phạm ANQG đã thực hiện các tội phạm xuất phát từ việc trong tiềm thức của họ đã hình thành tư tưởng đối lập với lợi ích của Nhà nước, của chế độ mà khó có thể thay đổi. Do đó,

mục tiêu của biện pháp giáo dục là xây dựng con người mới có đủ đức, trí, thể, mỹ, đồng thời chống những biểu hiện lệch lạc về nhân cách. Để đạt được mục tiêu trên, theo chúng tôi, trong chương trình nâng cao dân trí phải chú trọng nâng cao mặt bằng văn hóa chung, giáo dục và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, những thuần phong mỹ tục của dân tộc, xây dựng nếp sống trong sạch, lành mạnh, nhân văn ở mỗi người.

Gia đình là tế bào của xã hội, vì vậy, giáo dục trong gia đình ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành nhân cách của con người. Thống kê tại Chương 2 cho thấy, số bị cáo chưa thành niên phạm tội xâm phạm ANQG cũng chiếm một tỷ lệ nhất định (1,63%). Ở độ tuổi này, các em còn đang chịu sự giám sát, giáo dục chủ yếu từ phía gia đình, nhà trường. Chính vì thế, thực hiện biện pháp giáo dục trong phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG phải được thực hiện trước hết từ phía gia đình. Bản thân cha mẹ phải luôn luôn tự hoàn thiện mình trong lời nói việc làm. Các cấp lãnh đạo cơ sở xã, phường, thị trấn cần quan tâm đặc biệt, thường xuyên các gia đình có cha mẹ hoặc những thành viên trong gia đình có nhân thân xấu như: có tiền án, tiền sự, nghiện cờ bạc, rượu chè, nghiện hút,... mà đặc biệt là đã có những hành vi xâm phạm ANQG.

Bên cạnh đó, cần tăng cường hơn nữa các nội dung giáo dục về lòng yêu nước, về truyền thống anh hùng của dân tộc, về trách nhiệm bảo vệ ANQG trong thời kỳ mới vào trong chương trình học ở nhà trường để sao cho sớm hình thành nhân cách tốt cho các em, giúp các em dù trong hoàn cảnh nào, thời điểm nào cũng có đủ khả năng tự mình nhận diện được các âm mưu của các thế lực thù địch để không bị lôi kéo, mua chuộc vào các hành vi xâm phạm ANQG.

Các tổ chức xã hội, tổ chức đoàn thể như Hội phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc tổ chức thực hiện nhiều hình thức giáo dục pháp luật, giáo dục tri thức và ý thức công dân, lòng yêu nước và truyền thống tốt đẹp của dân tộc qua chiều dài lịch sử, tạo thói quen tuân thủ pháp luật, nếp sống công cộng cho nhân dân. Đặc biệt, cần phải giám sát, giáo dục, động viên chặt chẽ những người chưa thành niên có cha mẹ có nhân thân xấu, người đã thụ án trở về địa phương, thu hút họ vào các hoạt động xã hội lành mạnh. Định hướng phát triển nhân cách cho người chưa thành niên để các em có thể tự nhận biết, tự hình thành nhân cách đạt những chuẩn mực đạo đức xã hội, những cách ứng xử trong gia đình và trong xã hội.

#### **4.3.5. Biện pháp quản lý**

Quản lý Nhà nước về nhân khẩu, hộ khẩu là một biện pháp bảo đảm về trật tự an toàn xã hội. Có thể nói hiện nay công tác quản lý nhân khẩu chưa đóng góp cho hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG đúng ý nghĩa, vai trò, nhiệm vụ, chức năng của quản lý hành chính nhà nước về nhân khẩu.

Hiện tượng di dân tự phát, kéo theo nhiều hệ lụy về trật tự trị an những nơi đó, vì vậy cần phải có biện pháp chấn chỉnh hiện tượng này. Nhằm giảm thiểu các hành vi xâm phạm ANQG thì không thể coi nhẹ công tác quản lý tạm vắng, tạm trú. Thông qua quản lý tạm vắng, tạm trú để sàng lọc các đối tượng nghi vấn hoạt động xâm phạm ANQG và phát hiện sự hình thành các tổ chức phạm tội xâm phạm ANQG, đặc biệt là số các đối tượng đang nhen nhóm hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, bạo loạn, phá rối an ninh, phá hoại cơ sở vật chất kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Số đối tượng xâm phạm ANQG bao gồm rất nhiều nguồn, nhiều khu vực khác nhau. Một số lượng không nhỏ các đối tượng là người nước ngoài, Việt kiều, người không quốc tịch thuê mướn khách sạn, nhà nghỉ, phòng trọ và tại đó tiến hành các hoạt động xâm phạm ANQG.

Đăng ký nhân khẩu là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân, tuy nhiên thực tế hiện nay, người ở các tỉnh di dân ra thành phố rất nhiều, bản thân họ không hiểu biết các quy định của pháp luật về đăng ký tạm vắng, tạm trú. Do đó, công an khu vực bắt buộc yêu cầu chủ hộ cho ở nhờ, ở thuê phải có trách nhiệm đăng ký tạm trú cho họ tại Công an phường, xã sở tại. Quản lý nhân khẩu phải có hồ sơ tư pháp và sử dụng công nghệ thông tin kết nối giữa các địa phương, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý như hiện nay.

Những người cho thuê nhà phải có nghĩa vụ đăng ký tạm trú cho người thuê nhà và cũng phải có chế tài đối với người cho thuê nhà trong hoạt động đăng ký tạm trú, nếu không đăng ký tạm trú cho người thuê nhà của mình thì phải có mức phạt thích đáng. Hoạt động này vừa có ý nghĩa trong quản lý nhân khẩu vừa có ý nghĩa trong quản lý thuế, quản lý các lĩnh vực khác và bảo đảm trật tự xã hội.

Để thực hiện tốt công tác quản lý nhân khẩu cần sự nỗ lực và trách nhiệm của công an khu vực, ngoài ra nhà nước cần đầu tư nhiều hơn nữa cho hoạt động quản lý nhân khẩu. Quản lý nhân khẩu cần liên kết chặt chẽ quản lý giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước với nhau. Cần phải quy định tiêu chuẩn về điều kiện nhà cho thuê

để bảo đảm mức độ về vệ sinh, môi trường cho người thuê nhà, tạo điều kiện ổn định về chỗ ở, người thuê nhà không phải di chuyển nay đây mai đó, đồng thời thuận lợi trong quản lý nhân khẩu.

Bên cạnh đó, quản lý tốt các cơ sở kinh doanh dịch vụ là một trong những nội dung quan trọng trong công tác phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG.

Kinh tế phát triển, nhiều loại hình kinh doanh dịch vụ là nơi tội phạm có thể lợi dụng để hoạt động phạm tội xâm phạm ANQG. Do đó, công tác quản lý nhà nước phải có nhiều biện pháp ngăn ngừa. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ trong nhiều trường hợp tác động gián tiếp đến sự hình thành các hành vi xâm phạm ANQG. Chẳng hạn, tại một số cơ sở kinh doanh dịch vụ internet, nhiều đối tượng đã sử dụng internet là phương tiện để liên lạc gián điệp; thu thập, chuyển giao các tài liệu, thông tin có nội dung chống chính quyền nhân dân; tham gia viết bài, lôi kéo các đối tượng khác qua mạng xã hội vào hoạt động xâm phạm ANQG. Do đó, thực hiện việc quản lý đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ, cần phải có những quy định giờ kinh doanh, giám sát các hoạt động kinh doanh chặt chẽ. Nêu cao tinh thần cảnh giác, khi phát hiện thấy có hành vi nghi vấn xâm phạm ANQG, phải báo ngay cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có biện pháp kịp thời ngăn chặn. Đồng thời, phải có hình thức phạt hành chính thích đáng nếu có tệ nạn hoặc các tội xâm phạm ANQG xảy ra tại cơ sở kinh doanh đó.

Cùng đó, với thủ đoạn hoạt động tinh vi, xảo quyệt của các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG, việc thực hiện tội phạm “núp bóng” dưới hoạt động của một công ty, cơ sở sản xuất,... đã diễn ra khá phổ biến. Thế nhưng, có trường hợp hành vi phạm tội xâm phạm ANQG diễn ra trong một thời gian khá dài mới bị phát hiện. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sơ suất này là thực trạng về vấn đề quản lý. Một số ngành nghề chưa phân định rõ cơ quan hoặc cấp nào có thẩm quyền quản lý. Do đó, hiện tượng kinh doanh không có sự giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đã gây ra nhiều hậu quả xấu cho xã hội. Do đó, tại các địa phương cần phân công rõ ràng, đề ra cơ chế và thiết lập trật tự cho các ngành, các cấp đối với từng ngành nghề kinh doanh nhất định.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước là yêu cầu của bất kỳ nhà nước nào trên thế giới. Trong cơ chế kinh tế thị trường, nước ta còn gặp nhiều khó khăn trên lĩnh vực quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ, vì vậy một yêu cầu bức



thiết đặt ra trong giai đoạn này là cần phải có các biện pháp quản lý phù hợp để bảo đảm trật tự an ninh xã hội.

#### **4.3.6. Biện pháp pháp lý**

Kết quả nghiên cứu tại Chương 3 đã chỉ ra một trong những nguyên nhân và điều kiện khách quan dẫn đến tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay là hệ thống pháp luật về bảo vệ ANQG ở nước ta còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa kịp thời thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Chính vì thế, các biện pháp pháp lý nhằm tăng cường phòng ngừa tình hình loại tội phạm này ở Việt Nam trong thời gian tới phải gắn liền với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật về bảo vệ ANQG. Đó chính là cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác đấu tranh phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam.

Trong giai đoạn hiện nay, hệ thống pháp luật về bảo vệ ANQG còn đang trong quá trình hoàn thiện để phục vụ đường lối đổi mới, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, bên cạnh những mặt tích cực, vẫn bộc lộ những kẽ hở, những điều bất cập. Trong khi đó, các đối tượng phạm các tội xâm phạm ANQG luôn luôn lợi dụng những kẽ hở trong các quy định của pháp luật để hoạt động phạm tội gây phương hại cho ANQG. Vì vậy, trước hết chúng ta cần khắc phục những điểm bất hợp lý trong các quy định của hệ thống pháp luật về bảo vệ ANQG. Đồng thời tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, hoàn chỉnh, phù hợp, thực sự tạo được hành lang pháp lý an toàn cho các hoạt động quản lý nhà nước để chúng thực sự là công cụ hữu hiệu trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm ANQG nói riêng.

Để đạt được mục tiêu này, thời gian tới phải khẩn trương hoàn thiện những văn bản pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ ANQG nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ trương xây dựng nền quốc phòng toàn dân và ANND, đúng như Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ ra: *“Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình chính khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân”* [101, tr.67]. Bởi vì, đến nay ở

nước ta mặc dù đã có Luật An ninh quốc gia nhưng hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ ANQG vẫn chưa thực sự hoàn chỉnh. Do vậy, ở bình diện này, trước hết Nhà nước cần sớm ban hành Luật dân tộc, nghiên cứu chỉnh sửa một số nội dung trong BLHS và Luật Tín ngưỡng, tôn giáo tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Trước hết, đối với BLHS năm 1999. Như đã phân tích trong Chương 3 của luận án, BLHS năm 1999 đã bộc lộ một số điểm bất cập dẫn đến khó khăn trong hoạt động áp dụng pháp luật xử lý các hoạt động xâm phạm ANQG. Do đó, hoàn thiện các quy định của BLHS về các tội xâm phạm ANQG cần thiết phải được thực hiện mà trước hết cần tập trung vào những nội dung cụ thể sau:

- Khắc phục sự chồng chéo giữa một số điều luật quy định về các tội xâm phạm ANQG trong Chương XI theo hướng:

- + Mở rộng phạm vi cấu thành tội phạm Tội phản bội Tổ quốc theo hướng: bất kỳ hành vi nào của công dân Việt Nam có sự liên hệ với nước ngoài nhằm gây phương hại cho nền an ninh quốc gia đều bị xử lý về Tội phản bội Tổ quốc. Theo đó, kể cả hành vi gây cơ sở để hoạt động tình báo, phá hoại theo sự chỉ đạo của nước ngoài; hoạt động thám báo, chỉ điểm, chứa chấp, dẫn đường hoặc thực hiện hành vi khác giúp người nước ngoài hoạt động tình báo, phá hoại, cung cấp hoặc thu thập nhằm cung cấp bí mật Nhà nước cho nước ngoài, thu thập, cung cấp tin tức, tài liệu khác nhằm mục đích để nước ngoài sử dụng chống nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng là hành vi khách quan của Tội phản bội Tổ quốc. Vì thế mà chủ thể của Tội gián điệp chỉ có thể là người nước ngoài với các hành vi đặc trưng của Tội gián điệp là: điều tra, thu thập tin tức tình báo chống lại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- + Xoá bỏ tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 87 BLHS) bởi vì tội này chỉ là một trong những hình thức biểu hiện của Tội tuyên truyền chống nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 88 BLHS).

- Đổi tên Điều 79 BLHS năm 1999 thành “Tội thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân” cho phù hợp với nội dung của điều luật khi quy định hai hành vi khách quan của tội phạm là hoạt động thành lập tổ chức và hoạt động tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân.

- Thay vì quy định đối tượng tác động của tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân là “cán bộ, công chức hoặc công dân” nên sử dụng ngắn gọn là “con người” vì “con người” bao hàm cả “cán bộ, công chức hoặc công dân”. Theo đó, quy định của điều luật sẽ là: *“Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà xâm phạm tính mạng của con người...”*.

Bên cạnh đó, việc ban hành Luật Dân tộc là cần thiết, nhằm thể chế hóa một cách đầy đủ, toàn diện, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và các quy định của Hiến pháp về công tác dân tộc, chính sách dân tộc; tạo cơ sở pháp lý để đồng bào các dân tộc thiểu số thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Luật Dân tộc được thông qua sẽ tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực để phát triển. Luật Dân tộc sẽ giúp tăng cường sự tham gia của người dân tộc thiểu số trong hoạch định và thực hiện chính sách phát triển nói chung và cho người dân tộc thiểu số nói riêng. Bên cạnh đó, cần làm rõ khái niệm về chính sách dân tộc cũng như chính sách đặc thù cho vùng dân tộc thiểu số. Không nên 53 dân tộc có 53 chính sách khác nhau, vấn đề quan trọng là việc tổ chức thực hiện chính sách để không bị phân tán nguồn lực.

Ngoài ra, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo phải thể hiện tinh thần cởi mở, thông thoáng của Nhà nước trong cách ứng xử với các tôn giáo. Đó là minh chứng sống động, thuyết phục, phản bác các quan điểm sai trái vu cáo Nhà nước ta “o ép” hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, cho rằng ra luật để “siết” quyền tự do tôn giáo. Hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng được hoàn thiện hơn sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, tránh những thiếu sót, chưa hợp lý khiến các thế lực thù địch có thể lợi dụng kích động các tín đồ tôn giáo thực hiện các hành vi xâm phạm ANQG.

#### ***4.3.7. Biện pháp tổ chức***

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, công tác tổ chức cán bộ cũng đóng vai trò hết sức quan trọng, là khâu quyết định trong việc xây dựng các cơ quan nhà nước trong sạch, vững mạnh, phát huy được hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã chỉ rõ: *“Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận*

*mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng” [7, tr. 67]. Trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm xâm phạm ANQG nói riêng, công tác tổ chức cán bộ lại càng quan trọng hơn.*

Qua số liệu thống kê ở **Chương 2** cho thấy, số bị cáo phạm tội xâm phạm ANQG là cán bộ, công chức Nhà nước chiếm tỷ lệ 1,45%, số bị cáo là Đảng viên chiếm tỷ lệ 2,36%. Trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, vẫn còn những cán bộ sa sút về phẩm chất đạo đức, thiếu trách nhiệm, né tránh trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, thậm chí có người còn “che chắn”, “bảo kê” cho tội phạm. Bên cạnh đó, một số cán bộ của các cơ quan bảo vệ pháp luật còn non yếu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, về năng lực phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm cũng như khả năng tổ chức công tác phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, để tăng cường chất lượng, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG, các cơ quan bảo vệ pháp luật phải kiện toàn công tác tổ chức cán bộ nhằm đáp ứng tình hình mới.

Trước hết, cần tập trung xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch vững mạnh, trong đó đội ngũ cán bộ là khâu có ý nghĩa quyết định. Trong quá trình đào tạo đội ngũ cán bộ, người dân tộc thiểu số cần phải được quan tâm đặc biệt. Sự quan tâm này sẽ tạo nên nguồn cơ bản và lâu dài để có được đội ngũ cán bộ bám trụ lâu dài ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Việc tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho số cán bộ của các cơ quan bảo vệ pháp luật phải đáp ứng được tiêu chuẩn chung của cán bộ trong thời kỳ đổi mới, đồng thời thường xuyên quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ để kịp thời phát hiện, ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, ngăn chặn kịp thời âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch nhằm xâm nhập vào nội bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật. Kiên quyết xử lý nghiêm minh những cán bộ thoái hóa, biến chất, bị lôi kéo, mua chuộc, tiếp tay, bao che cho tội phạm hoặc trực tiếp có hành vi xâm phạm ANQG. Bên cạnh đó, cũng cần có chính sách khen thưởng thỏa đáng đối với những cán bộ có thành tích trong đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG.

Trọng tâm của công tác tổ chức là tăng cường hiệu quả hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc phát hiện, xử lý các tội xâm phạm ANQG. Các cơ quan bảo vệ pháp luật (CQCA, VKS, TA) chính là lực lượng chủ công, có trách

nhiệm trong phòng, chống tội phạm. Đối với các tội xâm phạm ANQG vốn đã rất phức tạp, khó phát hiện, nhưng khi đã phát hiện được thì việc điều tra, truy tố, xét xử cũng rất khó khăn. Vì vậy, cần phải có những biện pháp nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan này.

Trước hết, cơ quan Công an với tư cách là lực lượng nòng cốt trong phòng, chống các tội xâm phạm ANQG, cần tăng cường các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ kịp thời phát hiện những đối tượng có biểu hiện nghi vấn hoạt động xâm phạm ANQG nhằm chủ động phát hiện âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động xâm phạm ANQG. Khi đã có đủ căn cứ, nhanh chóng áp dụng các biện pháp điều tra công khai đối với các vụ án xâm phạm ANQG để kịp thời xử lý các đối tượng. Cùng với CQCA, các cơ quan như VKS, TA, Thi hành án hình sự cũng cần phải tăng cường hoạt động và đề cao trách nhiệm của mình trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG. Đối với VKS nhân dân, cần đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật trong các hoạt động tư pháp nhằm đảm bảo cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được đúng với pháp luật. Với tư cách là một trong những chủ thể của hoạt động phòng ngừa tội phạm, trong thực hiện chức năng của mình, TAND cần phải xét xử các vụ án xâm phạm ANQG một cách kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đồng thời triệt để tuân thủ nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự, cá thể hóa hình phạt: nghiêm trị đối với những người là chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, cốt cán, hoạt động tích cực, ngoan cố chống đối, số là cán bộ, đảng viên, người có chức vụ, quyền hạn bao che dung túng, giúp sức cho các đối tượng phạm tội. Mặt khác, khoan hồng đối với những người tự thú, lập công chuộc tội, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, ăn năn hối cải.

#### ***4.3.8. Biện pháp tuyên truyền***

Phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG nếu không phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thì không thể thành công. Do đó, việc tuyên truyền phải đạt được hiệu quả nâng cao ý thức mỗi công dân trong phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG để từ đó có thể huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Để huy động được sức mạnh của toàn dân, đẩy mạnh phong trào quần chúng

bảo vệ ANQT, đoàn kết tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm, trong đó có các tội xâm phạm ANQG, chúng tôi cho rằng cần phải tiến hành các mặt hoạt động sau đây:

- *Thứ nhất*, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ ANQG là trách nhiệm của các tổ chức Đảng, chính quyền, các tổ chức kinh tế, xã hội và phải được tiến thường xuyên.

Để làm tốt công tác này, trước hết cần định hướng cho các phương tiện thông tin đại chúng tập trung phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp bảo vệ ANQG. Đặc biệt, tập trung tuyên truyền để quần chúng nhân dân thấy được âm mưu, phương thức, thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, qua đó nâng cao ý thức cảnh giác, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, không để các thế lực thù địch gây thiệt hại cho lợi ích quốc gia, dân tộc. Ngoài ra, nội dung tuyên truyền, phổ biến cũng phải làm rõ nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm ANQG để từ đó có biện pháp bịt kín những sơ hở, thiếu sót mà các thế lực thù địch có thể lợi dụng hoạt động xâm phạm ANQG; các thông tin hướng dẫn hành vi pháp luật cụ thể của công dân khi phát hiện thông tin liên quan đến ANQG (quy trình, hình thức, phương pháp trình báo).

Công tác tuyên truyền phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, bền bỉ theo kiểu “mưa dầm thấm lâu” vậy mới có thể mang lại hiệu quả thiết thực.

- *Thứ hai*, phát động phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm ANQG nói riêng.

Các cấp uỷ Đảng, các cấp chính quyền cần chỉ đạo các lực lượng chức năng đẩy mạnh tổ chức triển khai các phong trào quần chúng bảo vệ ANQT với nhiều hình thức và nội dung thiết thực như: phong trào phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm, vận động người phạm tội ra đầu thú; phong trào cảm hóa, giáo dục người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư, vận động nhân dân, gia đình, cơ quan, trường học... ký cam kết thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, xây dựng khu vực. Bên cạnh đó, cần lập các “đường dây nóng”, “hòm thư tố giác tội phạm”,... trên địa bàn dân cư và xây dựng hệ thống thông tin về tội phạm để tạo điều kiện cho nhân dân phát hiện, tố giác tội phạm; tổ chức nhiều hình thức để nhân dân tham gia lên án, giáo

dục, răn đe và tố giác tội phạm ngay ở từng cơ sở, địa bàn dân cư. Cần biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm ANQG.

- *Thứ ba*, đối với địa bàn vùng dân tộc thiểu số, cần tăng cường tuyên truyền đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước cho mọi đối tượng từ cán bộ, đảng viên cho đến người dân. Song song với việc khắc phục tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, cần chú ý giáo dục sâu rộng ý thức tự hào dân tộc. Bên cạnh đó, bồi dưỡng nâng cao hiểu biết về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho đồng bào các dân tộc thiểu số. Đối với lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, cần tuyên truyền thống đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc, tôn giáo, từ đó củng cố lòng tin, động viên đồng bào lao động sản xuất, sống "tốt đời đẹp đạo", không nghe theo và tiếp tay cho các thế lực thù địch chống Đảng và Nhà nước ta.

- *Thứ tư*, cần đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến. Chẳng hạn, phổ biến về tình hình các tội xâm phạm ANQG tại các cơ quan nhà máy, tổ chức xã hội, địa bàn dân cư; tổ chức các câu lạc bộ pháp luật, các đội thông tin cổ động, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về ANQG; tuyên truyền pháp luật về ANQG qua các phương tiện thông tin đại chúng; kết hợp với các hoạt động văn hóa xã hội khác, lồng ghép nội dung tuyên truyền pháp luật về ANQG với các hoạt động kinh tế - xã hội của các ngành, các cấp. Cần mở rộng các loại hình tổ chức xã hội để quần chúng tham gia phòng ngừa tội phạm, đó là các đội dân phòng tự nguyện, các tổ liên gia tự quản, các tổ dân phố, các đội thanh niên cờ đỏ.

#### **4.3.9. Biện pháp vũ trang**

Sử dụng biện pháp vũ trang trong phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG là cách thức sử dụng, phát huy tính năng, tác dụng, sức mạnh của vũ khí, phương tiện nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ để phòng ngừa, ngăn chặn, trấn áp kịp thời các hành vi xâm phạm ANQG.

Dựa vào đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nguyên tắc trong đấu tranh bảo vệ ANQG, phát huy sức mạnh của vũ khí, phương tiện, chiến thuật để tuần tra, kiểm soát vũ trang; bảo vệ mục tiêu, khu vực quan trọng; phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh trấn áp các thế lực thù địch hoạt động xâm phạm ANQG. Áp dụng biện pháp vũ trang trong phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG có

vai trò quan trọng trong quản lý xã hội nhằm tạo ra một xã hội có kỷ cương, một môi trường hòa bình, phát triển. Đây là một biện pháp cơ bản của lực lượng vũ trang trong phòng ngừa tội phạm nói chung, phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG nói riêng nhằm chủ động trừng trị, trấn áp kịp thời các âm mưu và hành động của các thế lực thù địch, đồng thời giúp cho lực lượng vũ trang xây dựng được phương án phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả, xác định được địa bàn trọng điểm, các đối tượng đấu tranh. Thông qua biện pháp vũ trang góp phần quan trọng trong việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, tạo được thế trận quốc phòng, an ninh vững mạnh, chủ động làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Khi áp dụng biện pháp vũ trang cần lưu ý, cách thức áp dụng không giống nhau giữa các đối tượng mà phải có sự phân hóa cụ thể. Chỉ áp dụng biện pháp vũ trang đối với các đối tượng nguy hiểm, có biểu hiện hoặc hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia đe dọa gây ra hậu quả đặc biệt lớn cho xã hội nếu không được ngăn chặn kịp thời, đồng thời đã áp dụng các biện pháp khác mà không hiệu quả.

Việc áp dụng biện pháp vũ trang thường tiến hành một cách công khai và phải sử dụng đa dạng các loại vũ khí, phương tiện quân sự nhằm đấu tranh, trấn áp tội phạm ở nhiều khu vực, địa phương, địa hình khác nhau nên đòi hỏi phải luôn linh hoạt, sáng tạo. Muốn vậy, các lực lượng vũ trang cần phải nghiên cứu kỹ để nắm chắc địa bàn, bố trí sử dụng hợp lý các nguồn lực, cách thức áp dụng cho phù hợp nhằm phát huy tối đa hiệu quả khi áp dụng biện pháp này.

Do biện pháp vũ trang mang tính trấn áp, nghiêm khắc nên sẽ liên quan nhiều đến các chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế, văn hóa, xã hội, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ công dân. Trong giai đoạn hiện nay, các thế lực thù địch lợi dụng nhằm vào những sai sót trong quá trình sử dụng vũ khí, phương tiện nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ của lực lượng vũ trang để xuyên tạc, kích động nhằm phá hoại sự đoàn kết toàn dân, vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền để từ đó xuyên tạc, chống Đảng và Nhà nước ta. Do đó, áp dụng biện pháp này cần phải được cân nhắc, tính toán hợp lý, căn cứ vào các yêu cầu chính trị, nghiệp vụ.

Nhằm tăng cường hiệu quả phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam, trong thời gian tới, biện pháp vũ trang cần tập trung vào những lĩnh vực sau:

- Một là, bảo vệ các mục tiêu quan trọng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế,



quốc phòng, ngoại giao.

- *Hai là*, tuần tra kiểm soát, trấn áp kịp thời các vụ gây rối trật tự, các cuộc tập trung đông người phá rối an ninh, bạo loạn, khủng bố.

- *Ba là*, tổ chức lực lượng trinh sát thực địa, hiệp đồng tác chiến, xây dựng kế hoạch và hoàn chỉnh các phương án tấn công, trấn áp tại các địa bàn cụ thể. Tổ chức thu hồi, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện nghiệp vụ có liên quan đến các đối tượng, tổ chức khủng bố, nhóm đối tượng chống đối.

- *Bốn là*, bảo vệ các trại giam, nhà tạm giam, tạm giữ, bảo vệ các phiên tòa, kiểm soát canh gác bảo vệ, dẫn giải phạm nhân, hỗ trợ thi hành các bản án hình sự liên quan đến các đối tượng xâm phạm ANQG.

- *Năm là*, hợp tác quốc tế trong đấu tranh, trấn áp đối với các đối tượng xâm phạm ANQG thông qua việc trao đổi kinh nghiệm, thông tin về dẫn độ tội phạm, kinh nghiệm về cách thức tiến hành biện pháp vũ trang, tranh thủ sự hỗ trợ về phương tiện, trang thiết bị sử dụng, phối hợp trong xử lý tình huống cụ thể khi xuất hiện các hành vi xâm phạm ANQG.

#### **Kết luận Chương 4**

Từ 2006 trở lại đây, khuynh hướng chủ đạo của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam là giảm dần qua các năm về số vụ và số người phạm tội. Kết quả này xuất phát từ nhiều nguyên nhân nhưng trước hết phải kể đến sự lớn mạnh của hệ thống chính trị XHCN và hiệu quả phòng ngừa tội phạm của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Mặc dù vậy, các tội xâm phạm ANQG là loại tội phản ánh trực tiếp và rõ nét nhất cuộc đấu tranh giai cấp giữa chống "diễn biến hòa bình" và "diễn biến hòa bình", mặt khác, cơ sở xã hội làm nảy sinh các tội phạm này còn tiềm tàng nếu công tác phòng ngừa không được tăng cường một cách có hiệu quả, diễn biến của THTP sẽ phức tạp theo hướng bất lợi cho nền ANQG. Góp phần tạo thế chủ động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới, Chương 4 của luận án đã làm rõ được những nội dung sau:

**Thứ nhất**, đưa ra các dự báo về xu hướng của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới về diễn biến và tính chất của tình hình các tội

xâm phạm ANQG, về loại hành vi cũng như loại đối tượng cụ thể xâm phạm ANQG.

**Thứ hai**, dựa trên quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG, luận án xây dựng hệ thống các nguyên tắc trong công tác tổ chức các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam.

**Thứ ba**, luận án đã làm rõ lý luận về phòng ngừa tội phạm để từ đó lựa chọn hướng tiếp cận của mình trong việc đề xuất các biện pháp tăng cường phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới. Các biện pháp cụ thể được luận án đề xuất nhằm phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam bao gồm: Biện pháp kinh tế, biện pháp xã hội, biện pháp văn hóa, biện pháp giáo dục, biện pháp quản lý, biện pháp pháp lý, biện pháp tổ chức, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh quốc gia, phát động toàn dân tích cực tham gia phòng ngừa các tội xâm phạm an ninh quốc gia, kiện toàn công tác tổ chức cán bộ, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực.

Hệ thống các biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam là một tổng thể nhiều biện pháp có mối quan hệ chặt chẽ không tách rời nhau. Chỉ khi áp dụng đồng thời, tương hỗ nhau thì từng biện pháp trong tổng thể ấy mới có thể phát huy tối đa hiệu quả phòng ngừa, góp phần hạn chế tiến tới đẩy lùi tình hình các tội xâm phạm ANQG ra khỏi đời sống xã hội.

## KẾT LUẬN

Các tội xâm phạm ANQG là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể có vị trí quan trọng bậc nhất được BLHS xác lập và bảo vệ là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ chính trị, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh. Các đối tượng phạm tội đều chung một mục đích là chống chính quyền nhân dân - nhằm làm suy yếu, thậm chí hướng tới lật đổ chính quyền nhân dân. Chính vì thế, mặc dù chiếm tỷ trọng không cao so với tổng số VAHS nói chung (0,04%), số bị cáo cũng khá thấp so với tổng số bị cáo phạm các tội nói chung (0,05%) trên phạm vi cả nước song hậu quả gây ra cho xã hội của nhóm tội phạm này là đặc biệt lớn, tác động đến các lĩnh vực của đời sống, đặc biệt gây ra những ảnh hưởng tiêu cực về chính trị, ngoại giao cũng như hiệu quả công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Kết quả nghiên cứu ở phần 2.3 thuộc Chương 2 của luận án cho thấy: những con số thể hiện thực trạng, diễn biến, cơ cấu mới chỉ phản ánh một phần tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay bởi thực tế, vẫn còn một phần tội phạm ẩn đang tồn tại nhưng chưa được phát hiện, xử lý và không có trong thống kê tội phạm. Mặc dù diễn biến của nhóm tội phạm này có xu hướng giảm trong những năm gần đây song trước bối cảnh thế giới đang xuất hiện nhiều diễn biến phức tạp về chính trị, xã hội thì đó lại là sự “báo hiệu” cho những phương thức phạm tội ngày càng tinh vi, bí mật, khó phát hiện hơn của loại tội phạm này.

Từ thực trạng trên, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài ***“Các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*** làm đề tài luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm. Dựa trên phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác – Lênin và hệ thống các phương pháp nghiên cứu, luận án đã giải quyết được một số vấn đề sau:

*Một là*, đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG. Tác giả không trình bày các công trình bằng cách liệt kê mà tiếp cận theo từng nhóm ngành luật cụ thể để xác định các nội dung được kế thừa và những nội dung cần nghiên cứu làm rõ thêm.

*Hai là*, mô tả “bức tranh toàn cảnh” của tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay thông qua phân tích các thông số: thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất. Căn cứ vào các số liệu thống kê cho thấy, từ năm 2006 đến nay, tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam mặc dù chiếm tỷ trọng không lớn so với tổng số vụ phạm tội xảy ra trong phạm vi cả nước, nhưng diễn biến phức tạp, lúc tăng, lúc giảm không theo quy luật. Số người phạm các tội xâm phạm ANQG có đặc điểm nhân thân đa dạng, phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ thực hiện các hành vi xâm phạm ANQG khi có điều kiện thuận lợi. Đây là những căn cứ quan trọng cho việc làm sáng tỏ các nguyên nhân, điều kiện và đề xuất giải pháp phòng ngừa tình hình loại tội phạm này trong thời gian tới.

*Ba là*, phân tích làm rõ tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay diễn biến phức tạp là do nhiều nguyên nhân, điều kiện thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như: chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hóa, pháp lý, quản lý, tổ chức. Kết quả này là tiền đề cho việc đề xuất các giải pháp phòng ngừa các tội phạm xâm phạm ANQG.

*Bốn là*, đưa ra những dự báo cụ thể về tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới: về diễn biến, tính chất của từng loại hành vi cụ thể xâm phạm ANQG, về những đặc điểm của nhân thân người phạm các tội xâm phạm ANQG. Đồng thời, trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, luận án cũng hệ thống hóa những nguyên tắc cần tuân thủ trong hoạt động phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới.

*Năm là*, kiến nghị tăng cường một số biện pháp phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới. Các biện pháp này được đề xuất dựa trên cơ sở kết quả phân tích tình hình, nguyên nhân và điều kiện của loại tội phạm này trong khoảng thời gian 10 năm (từ năm 2006 đến năm 2015) và kết quả dự báo tình hình các tội phạm xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới.

Trong phạm vi luận án, tác giả đã thực hiện được những nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra, tuy nhiên chưa có điều kiện để trình bày, đánh giá một cách chi tiết, toàn diện những thành tựu cũng như những hạn chế trong hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm ANQG của các cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, các biện pháp phòng ngừa được đề xuất trong luận án cũng mới chỉ dừng lại ở các biện pháp phòng ngừa chung mà chưa làm rõ được các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt. Đây chính là những định hướng về nội dung cần tiếp tục thực hiện sau luận án.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tiếng Việt

1. Lê Ngọc An (2007), *Điều tra vụ án hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân trong tình hình hiện nay ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Học viện An ninh nhân dân
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1993), *Kết luận 212/BBT ngày 5/5/1993 về công tác điều tra có liên quan đến vấn đề nhân quyền*
3. Dương Thanh Biểu (1995), *Đấu tranh chống các hành vi đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia với việc thực hiện các chức năng của nhà nước trong điều kiện đổi mới ở nước ta hiện nay*. Luận án phó tiến sỹ luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
4. Bộ Chính trị (2002), Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về “*Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”
5. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*
6. Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 07/7/2007 về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án và công tác bảo vệ Đảng*
7. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*
8. Bộ Chính trị (2006), *Chỉ thị 05-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới*
9. Bộ Chính trị (2001), *Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị, khóa IX về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*
10. Bộ Chính trị (2010), *Kết luận số 86-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới”*
11. Bộ Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

12. Bộ Công an - Ban chỉ đạo tập huấn Luật ANQG (2006), *Tập huấn chuyên sâu Luật An ninh quốc gia*, Hà Nội.
13. Bộ Công an (2011), Báo cáo tình hình công tác An ninh điều tra từ năm 2003 đến năm 2011
14. Bộ Công an (2012), *Báo cáo tổng kết 7 năm thực hiện Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 của lực lượng An ninh và Cơ quan điều tra toàn quốc*
15. Bộ Công an (2011), *Kỷ yếu hội thảo khoa học về công tác an ninh điều tra phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới*
16. Bộ Công an - Viện Nghiên cứu Khoa học công an (1977), *Từ điển nghiệp vụ phổ thông*, Hà Nội
17. *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1995)*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội
18. Bộ Tư pháp (1957), *Tập luật lệ về tư pháp*, Hà Nội.
19. Bộ Tư pháp - Ban dự thảo BLHS (sửa đổi), *Bộ luật hình sự của Nhật Bản*, người dịch Nguyễn Văn Hoàn, người hiệu đính TS. Ưông Chung Lưu.
20. Bộ tư pháp - Hội đồng nhà nước về phòng ngừa tội phạm, *Bộ luật hình sự của Thụy Điển*.
21. Lê Văn Cẩm (chủ biên), (2008), *Bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh quốc tế và các quyền con người bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội;
22. Lê Cẩm (2008), *Chính sách phòng ngừa tội phạm trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp* , Tạp chí toà án nhân dân (Số 3)
23. Hoàng Quốc Cảnh (2009), *Nâng cao hiệu quả công tác bắt trong điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai hiện nay*, Luận văn Thạc sỹ, Học viện An ninh nhân dân
24. Vương Dật Châu (2004), *An ninh quốc tế trong thời đại toàn cầu hoá*, Nxb chính trị quốc gia.
25. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Chỉ thị số*

- 41/2004/CT/TTg ngày 04/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo vệ đấu tranh về nhân quyền trong tình hình mới
26. Chính phủ (2007), *Nghị định số 74/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An ninh quốc gia.*
  27. Chính phủ (2005), *Nghị định số 151/2005/NĐ-CP quy định về quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan và cán bộ chuyên trách bảo vệ An ninh quốc gia.*
  28. Đảng Cộng sản Việt Nam (1962), *Nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị ngày 20/1/1962 về việc tăng cường đấu tranh chống các bọn phản cách mạng để phục vụ tốt công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh nhằm thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.*
  29. Đảng Cộng sản Việt Nam (1980), *Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị ngày 2/12/1980 về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị giữ gìn trật tự an toàn xã hội tình hình mới.*
  30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Nghị quyết số Trung ương 4 Khóa XII của Bộ Chính trị ngày 30/10/2016 về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.*
  31. Phạm Đồng Điện (2005), *Công tác bắt, tạm giữ, tạm giam đối tượng có hành vi phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong các vụ án do cơ quan An ninh điều tra – Bộ Công an tiến hành – Thực trạng và giải pháp,* Luận văn Thạc sỹ, Học viện An ninh nhân dân
  32. Bạch Thành Định (2001), *“Các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong luật hình sự Việt Nam”,* Luận án Tiến sỹ
  33. Nguyễn Ngọc Hoà (2007), *Phòng ngừa tội phạm học trong tội phạm học,* Tạp chí luật học (Số 6)
  34. Phạm Hồng Hải (chủ biên) (2002), *Tội phạm học Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn,* Nxb Công an nhân dân
  35. Nguyễn Phùng Hồng (Chủ biên) (2001), *Phòng chống tội phạm trong giai đoạn mới,* Nxb Công an nhân dân
  36. Nguyễn Thị Lan Hồng (2012), *Áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong điều tra vụ án xâm phạm an ninh quốc gia,* Luận án Tiến sỹ, Học viện An

ninh nhân dân

37. Lê Minh Hùng (2001), *Điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay ở Việt Nam*, Luận án Tiến sỹ, Học viện An ninh nhân dân
38. Cao Huy (2008), *Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong điều tra vụ án hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân trong tình hình hiện nay*, Luận văn Thạc sỹ, Học viện An ninh nhân dân
39. Bùi Quốc Huy (1997), *Hoàn thiện chính sách hình sự đối với các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay*, Luận án phó tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
40. Nguyễn Văn Hường (2007), *Một số vấn đề về an ninh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb Công an nhân dân
41. V.I. Lê-nin: *Toàn tập, tập 35* (1978), Nxb. Tiến Bộ, Mát-xcơ-va
42. V.I. Lê-nin: *Toàn tập, tập 37* (1978), Nxb. Tiến Bộ, Mát-xcơ-va
43. Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh (2015), *Phòng ngừa các tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*, Luận án tiến sỹ, Học viện Khoa học xã hội
44. Nguyễn Quý Khoát (2004), *Điều tra vụ án gián điệp trong tình hình hiện nay ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Học viện An ninh nhân dân
45. Vũ Trọng Khương (2006), *Quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát (Số 7)
46. Ngô Nhật Linh (2011), *Phòng ngừa tội phạm tuyên truyền chống nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ, Học viện KHXH
47. Vũ Duy Long, *Một số vấn đề cơ bản về phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát (Số 5)
48. Ưông Chu Lưu (chủ biên), (2003), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 (Tập 2)*, Nxb Chính trị quốc gia
49. Dương Tuyết Miên (2007), *Bàn về tình hình tội phạm*, Tòa án nhân dân, (24)
50. Dương Tuyết Miên (2008), *Phòng ngừa tình hình tội phạm*, Tạp chí Tòa án nhân dân (Số 5)



51. *Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 7* (2002), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
52. Nguyễn Văn Nguyên (1989), "Trách nhiệm hình sự về tội phản bội Tổ quốc", *Tòa án nhân dân tối cao*, Hà Nội.
53. Nxb Công an nhân dân (1998), *Biên niên lịch sử lực lượng công an nhân dân*, Hà Nội.
54. Nxb Công an nhân dân (1994), *Tội phạm ở Việt Nam, thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, (đề tài KX.04.14), Hà Nội.
55. Trần Đại Quang (1996), *Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh quốc gia ở nước ta hiện nay*, Luận án PTS luật học, Hà Nội.
56. Lý Văn Quyên (1999), *Phòng ngừa tội phạm ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội
57. Lý Văn Quyên (2005), *Vai trò của Tòa án trong việc phòng ngừa tội phạm / ThS. Lý Văn Quyên*, Tạp chí Luật học (Số 6)
58. Quốc hội (2005), *Luật An ninh quốc gia*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Quốc hội (2005), *Luật Công an nhân dân*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
61. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Nguyễn Hồng Sơn (2001), *Bắt các đối tượng có nhân thân đặc biệt trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân
64. Bùi Trung Thành (Chủ nhiệm), (2005), *Các giải pháp cơ bản phòng, chống khủng bố ở Việt Nam trong tình hình hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Công an.

65. Nguyễn Thị Phương Thảo (2015), *Đấu tranh phòng, chống tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Học viện Khoa học xã hội
66. Văn Thế (1993), *Tội phạm ản – Quan niệm và giải pháp*, Tạp chí Kiểm sát, số 2
67. Dương Thông (chủ biên) (1995), *Một số vấn đề "diễn biến hòa bình" và "chống diễn biến hòa bình" ở nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Kiều đình Thụ (1994), "Các tội xâm phạm ANQG lịch sử, thực trạng và phương hướng hoàn thiện", *Thông tin Khoa học pháp lý*, (9), Hà Nội.
69. Kiều Đình Thụ (1996), *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
70. Kiều Đình Thụ (1995), "Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm hình sự với các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia", *Nhà nước và pháp luật*, (3), Hà Nội.
71. Kiều Đình Thụ (1995), "Về các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia", *Khoa học Công an*, (3), Hà Nội.
72. Lê Thế Tiêm (2002), *Thực hiện chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước*, Nxb CAND, Hà Nội
73. Phạm Văn Tĩnh (1993), "Tình hình tội phạm – Những tiêu chí phản ánh và quan điểm đánh giá", *Kỷ yếu hội thảo khoa học đề tài KX04.14*, Bộ Nội vụ, Hà Nội
74. Phạm Văn Tĩnh (1994), *Tình trạng người phạm tội ở nước ta hiện nay và vấn đề tuyên truyền giáo dục pháp luật*, Tạp chí CAND, số 10
75. Phạm Văn Tĩnh (2000), *Tội phạm ản tự nhiên có lý do ản từ phía bị hại*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4
76. Phạm Văn Tĩnh (1994), *Tình hình tội phạm qua xét xử hay BLHS trong thực tiễn áp dụng*, Tạp chí Kiểm sát, số 4 và 5

77. Phạm Văn Tĩnh (2003), *Tội phạm ản chủ quan và mối liên hệ với các chủ thể có nhiệm vụ phát hiện và xử lý tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát, số 10
78. Phạm Văn Tĩnh (2010), *Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
79. Phạm Văn Tĩnh (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội – cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát, số 1
80. Phạm Văn Tĩnh (2004), *Đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật
81. Phạm Văn Tĩnh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 6
82. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Mấy vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
83. Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*
84. Tòa án nhân dân tối cao (2011), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*
85. Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*
86. Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*
87. Tòa án nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*
88. Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án*
89. Nguyễn Khánh Toàn (1996), *Phòng ngừa và đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tôn giáo xâm phạm ANQG*, Luận án phó tiến sĩ khoa học luật học, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.
90. Tổng cục An ninh (2006), *Kế hoạch đấu tranh với hoạt động thành lập tổ chức chính trị đối lập của số cơ hội chính trị*
91. Tổng cục An ninh (2007), *Báo cáo chuyên đề “Tình hình và công tác đấu tranh với các tổ chức, nhóm phản động”*
92. Tổng cục An ninh (2009), *Tài liệu tập huấn chuyên đề “Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án do Cơ quan An ninh điều tra thụ lý”*
93. Trần Hữu Tráng (2000), *Một số vấn đề về tình hình tội phạm ản ở Việt*

- Nam, Tạp chí Luật học, số 3
94. Trần Hữu Tráng (2010), *Tác động của kinh tế thị trường đến tình hình tội phạm và phòng ngừa tội phạm ở nước ta*, Tạp chí Luật học (Số 1)
  95. Thông báo 171/TB-VPCP ngày 13/10/2003 về *Kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Hội nghị Ban Chỉ đạo Tây Nguyên*
  96. Nguyễn Quang Trung (2010), *Điều tra vụ án phá hoại chính sách đoàn kết ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân
  97. *Từ điển Luật học* (2006), Nxb Tư pháp, Hà Nội
  98. Phùng Thế Vắc (2010), *Áp dụng Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng An ninh nhân dân*, Chuyên đề đào tạo tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân
  99. Phùng Thế Vắc (Chủ biên) (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999, Phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
  100. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam* (1996), Nxb Sự thật, Hà Nội
  101. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam* (2001), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
  102. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam* (2006), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
  103. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam* (2011), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
  104. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam* (2016), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
  105. Trịnh Tiến Việt (2008), *Về các nguyên tắc cơ bản trong phòng ngừa tội phạm* Tạp chí Kiểm sát (Số 9)
  106. Nguyễn Hồng Vinh (2007), *Hoạt động phòng ngừa tội phạm của Viện Kiểm sát nhân dân*, Nxb Tư pháp
  107. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
  108. Võ Khánh Vinh (2004), *Về những xu hướng và nội dung cơ bản của chiến lược đấu tranh với tình hình tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10
  109. Võ Khánh Vinh (2006), *Tình hình, nguyên nhân và những giải pháp đấu*

*tranh phòng chống tệ quan liêu ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 4

110. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân
111. Đào Trí Úc (chủ biên) (1995), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
112. Đào Trí Úc (Chủ biên) (2000), *Tội phạm học Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb CAND, Hà Nội
113. Ủy ban bảo vệ người Việt Nam ở nước ngoài (2012), *Báo cáo tình hình người Việt Nam ở nước ngoài*
114. Nguyễn Xuân Yêm (1999), *Một số vấn đề quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội*, Nxb Công an nhân dân
115. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
116. Nguyễn Xuân Yêm (2012), *"Khoa học hình sự Việt Nam, tập 4 – Phương pháp hình sự"* Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

#### **Tài liệu tiếng Anh**

117. Ezzat A.Fattah (1997), *Criminology, past, present and future*, Macmillan Press Ltd
118. Kayleen M Hazlenhurst (1996), *Crime and Justice: An Australian text book in criminology*, LBC information services
119. Rob White & Fiona Haines (2000), *Crime and Criminology: An Introduction*, Oxford university press
120. Stanislaw Frankowski and Dinah Shelton (1992), *Preventive detention: A comparative and international law perspective*, Martinus Nijhoff Publishers
121. William F.Funk, Richard H.Seamon (2009), *Administrative Law*, Aspen Publishers.